

NHIỀU TÁC GIẢ

70 NĂM ĐỌC THƠ BÍCH KHÊ



NHÀ XUẤT BẢN VĂN HỌC

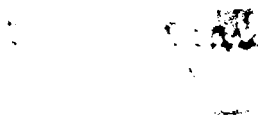
NHIỀU TÁC GIA

B 142 M

70 NĂM ĐỌC THƠ BÍCH KHÊ

NHÀ XUẤT BẢN VĂN HỌC

TRƯỜNG
270/1579
685 511 130



Vào Sách

Lơn bảy mươi năm qua kể từ khi thi sĩ Bích Khê đăng báo bài thơ đầu tiên vào năm 1931 đã có biết bao nhiêu người đọc và bình luận thơ Bích Khê. Người ta tán thưởng thơ Bích Khê và trao đổi ngâm nga như một sinh hoạt văn hóa tao nhã. Trong số những người đọc thơ Bích Khê, có nhiều người viết bài, đăng báo, in sách. Trong số những bài viết ấy có nhiều nhận xét thú vị, thâm thúy rất đáng trân trọng.

Vào năm 1939, thi sĩ Hàn Mặc Tử viết: "*Một bóng lạ nở hương, một thứ hương quý trọng, thơm đủ mọi mùi phước lộc. Ta có thể sánh văn thơ Bích Khê như một đóa hoa thân dị ấy*" (Bài tựa tập Tinh Huyết).

Năm 1941, nhà nghiên cứu kiệt xuất về thơ mới, Hoài Thanh đã viết: "*Tôi đã đọc trong Tinh Huyết những câu thơ hay vào bậc nhất trong thơ Việt Nam...*" (Thi Nhân Việt Nam).

Năm 1988, nhà thơ Chế Lan Viên đưa ra hình ảnh: "*Nếu Nguyễn Bính là một đồng bằng thì Khê là một đỉnh núi lạ. Có những nhà thơ đem đến một mùa lương thực, lại có những nhà thơ cầm một đùm hạt giống mới trên tay, Khê thuộc vào hạng thứ hai*" (Thơ Bích Khê).

Năm 1997, nhà giáo Lê Đình Ky cho rằng: "*Bích Khê xuất hiện trên thi đàn Việt Nam như nhà cách tân đi xa hơn cả so với đương thời*". Nhà nghiên cứu Hoàng Thiệu Khang thì nhận thấy: "*thơ Bích Khê chỉ là ngôn ngữ biểu hiện... mà thơ đích thực lại là ngôn ngữ biểu hiện... Bích Khê đã thực thi một đoạn tuyệt cao hơn thời đại mình với thơ cũ và một thách đố đáng sợ hơn với thơ đương đại*". Nhà văn Hoàng Phủ Ngọc Tường xác quyết: "*Nếu người ta tổ chức cuộc bình chọn trong công chúng bạn đọc về một danh sách "top ten" của Thơ Mới, tôi tin rằng đa số ý kiến sẽ thống nhất khá dễ dàng với 10 tên tuổi thi nhân dẫn đầu phong trào thơ Tiền Chiến. Đó là bình về Thơ nói chung. Còn nếu nhấn mạnh trên chữ Mới, theo tôi chủ yếu chỉ là hai, là Xuân Diệu và Bích Khê.*"... "*Bích Khê đã ghé lại cõi đời này trong chốc lát, chỉ để làm xong một việc, là Đổi Mới Thơ và làm giàu có cao sang thêm tiếng nói của dân tộc mình*"

.....

Còn có nhiều người nữa đọc và viết về thi sĩ Bích Khê với những phát hiện mới. Có người không phải viết một bài mà viết nhiều bài. Có người không phải viết một lần mà viết nhiều lần, ý kiến ngày càng tinh tế, súc tích. Hoài Thanh, Hoài Chân chẳng đã từng nhận định: "*mà thơ Bích Khê đọc đôi ba lần cũng như chưa đọc*" đó sao ?

Chúng tôi sưu tầm những bài viết về thơ Bích Khê in cùng với thơ Bích Khê để cùng được đọc, tán thưởng thơ Bích Khê cũng như tán thưởng những ý kiến sâu sắc của những người

đọc thơ Bích Khê trải hơn bảy mươi năm qua. Thơ Bích Khê như viên ngọc quý không ngừng xuất hiện những ý tưởng kỳ diệu hiến cho đời những giá trị mới nên luôn được được quý trọng. Thơ Bích Khê là một loại di sản văn hóa có giá trị cần được trân trọng và bảo tồn.

LÊ SƠN – NGUYỄN QUỚI – NGUYỄN OAI
ĐẶNG NHỨT – NGUYỄN QUỐC CHIẾN – BÙI VĂN MƯỜI
DƯƠNG MINH CHÍNH – VÕ THÀNH VĂN – LÊ QUỐC ÂN
PHAN MINH ANH NGỌC – NGUYỄN VĂN THANH
LÊ QUANG NGHỊ – TÔN LONG SẮT – NGUYỄN HỮU QUÝ
HOÀNG THỌ VĨNH – NGUYỄN THÁI UYÊN – VÕ HỒNG SƠN
TRẦN ĐÌNH THẮNG – NGUYỄN ĐĂNG LỰC
DƯƠNG KHÔI ANH – NGUYỄN VĂN THỌ



Ngọc Sương

(Nhà Văn)

Người Em: Bích Khê

☞ Thời gian

Có một ngàn

Lẻ một mùa thu, bao lá thu

Và một Người Em

Và ngày tháng...

(Ý một bài thơ Ba Tư)

Người viết bài này là Lê Ngọc Sương, chị của Bích Khê mà chồng là anh Lạc Nhân Nguyễn Quý Hương, người mà em tôi, trước khi nhắm mắt, trân trọng giao lại tất cả những bài thơ do em tôi làm trong suốt cả một đoạn đời dài làm thơ. Bạn em tôi rất nhiều mà bị cách xa thành chẳng còn bao nhiêu: Hàn Mặc Tử, Quách Tấn, Chế Lan Viên, Tam Ích, Hoàng Trọng Miên..., kể cả anh Lạc Nhân và tôi: ngàn năm và nhiều thuở tôi chưa hiểu giữa người em và người bạn là Bích Khê, đối với tôi, biên giới ở đâu..

Trong lúc tôi viết mấy dòng này về em tôi – nói cho đúng là tôi viết lại sự trưởng thành của tình thân hữu, tình thi hữu, tình chị em giữa Bích Khê và chúng tôi, - tôi nghĩ đến tất cả những người có mặt trong đời Bích Khê hiện còn sống hoặc đã chết, kẻ khuất người còn, kẻ ở xa người ở gần... Tôi tưởng tượng rằng Bích Khê, em tôi, đương ở đâu đây: *Gió hiu hiu thổi thì hay chàng về...*

Tôi xin thêm: Tôi viết: Người Em, mà không viết: Một Người Em, là vì đối với riêng tôi, người ta chỉ có thể có một người em như vậy – một mà thôi. Lỡ ra có quá đáng, các bạn sẵn lòng rộng lượng cho một người chị chỉ có một người em đã... một đi từ lâu lắm... và có một tâm hồn thi nhân như Bích Khê, khoan dung đối với tôi viết về người chết rồi, về người tài hoa bạc mệnh – chữ của Tam Ích – một cách trang trọng...

I. THỜI NIÊN THIẾU.

Bích Khê là người em thứ chín trong số chín anh chị em có sẵn trong huyết quản một dòng máu anh dũng. Ông nội Bích Khê – ông nội chúng tôi – làm quan dưới triều Tự Đức đã tuấn tử để khỏi phải cộng tác với một vị đại thần có quyền “tiền trăm hậu tấu” đã từng lãnh trách nhiệm đàn áp cuộc khởi nghĩa của nhà chí sĩ Phan Đình Phùng. Cha chúng tôi đã từng tham dự vào phong trào Đông du giữa lúc lòng yêu nước đương hướng tất cả sĩ phu chân chính vào những cuộc vận động dân tộc chống thực dân dành độc lập cho đất nước.

Vì là con út nên Bích Khê được cả gia đình thương, và chiều chuộng. Chàng là người rất có hiếu với cha mẹ, rất thảo thuận với anh chị và đặc biệt mến thương người chị sanh kế chàng vì hai chị em rất gần nhau về tuổi tác, tư tưởng, chí hướng, tính tình – người chị ấy là tôi. Chúng tôi là hai chị em: hơn thế, hai người bạn; hơn thế nữa: hai tâm hồn tri kỷ... Đã có lúc chúng tôi cùng một người nữa làm một cử chỉ như trong truyện kiếm hiệp: cắt huyết ăn thề, nguyện sống và tranh đấu sát cánh nhau trên khắp mọi nẻo đường đời, cho một chí hướng...

Vì hiếu em, tôi đã tìm hết tất cả những trường hợp gia đình và xã hội thuận tiện cho việc sáng tác của em tôi. Thi nhân cũng như tất cả những nghệ sĩ, khi sáng tác họ không

chịu ràng buộc trong một khuôn khổ thời gian và không gian nào cả. Có khi suốt một mùa trong năm, họ chỉ ăn... chơi; có khi thi hứng đến với họ suốt cả năm mười đêm trắng; có khi lâu son gác tía không gọi gì trong lòng họ, và có khi họ ngồi trên mỏm đá bên một túp lều để cho nguồn cảm hứng tuôn ra dưới ngòi bút thao thao bất tuyệt.

Tôi là người phải đón tình đón ý em, tạo cho em những giây phút, những vị trí thuận cho hứng làm thơ của một người em khó tính và cũng là cái khung cửa sổ để chàng nhìn nhân sinh đương ai oán, cái chuông đồng hồ báo cho chàng biết là chiều thu đã buông rồi..

Thuở bé, Bích Khê có tính chơi kỳ cục, anh chàng hí hục đi khuôn từng tảng đá ong vào sân, xếp lên xếp xuống cho thành nhà cửa, thành lâu đài. Đã có lúc tôi ngẫm nghĩ: cái anh chàng là lạ này có lẽ sẽ trở thành một kiến trúc sư? Và tôi không ngờ lâu đài chàng thường sắp thường xếp lại là một toà thơ: một lâu đài khiêm tốn về văn nghệ. Cũng như tất cả những nghệ sĩ ngày sau có tài, lúc còn nhỏ, Bích Khê là một chàng thư sinh thông minh nhưng mà lười: Đã có lần vì lười mà bị mẹ bó tròn vào cột như bó một bó chả đánh một trận nên thân, tưởng chừng như hồn thơ cũng theo ngọn roi lên xuống và một đi cho rồi! Ai ngờ từ đó con người lười trở nên một người siêng năng hết mực: chàng đi từ một thái cực, chàng ham học đến nỗi ai cũng lo cho sức khỏe của chàng. Một hôm Bích Khê bị đau ở đầu gối nhức nhối và phải vào bệnh viện. Trong bệnh viện, thầy thuốc phải treo ngược chân chàng lên cho đỡ nhức; ấy vậy mà chàng vừa rên vừa học: quyển sách lúc nào cũng có trên tay. Các thầy giáo tặng cho Bích Khê biệt hiệu là “Tĩnh tu học”. Đậu đầu kỳ thi tiểu học rồi, chàng say mê học hành như một nhà tu say mê kinh kệ;

cho đến ngày chàng học hết ban cao đẳng tiểu học rồi ra Hà Nội học ban tú tài (vào năm 1932 – 1933).

Mười hai tuổi, chàng làm thơ Đường luật và đã làm thân sinh chúng tôi hãnh diện trước các bậc thân hữu: ai cũng nói một thiên tài đã bắt đầu phát sinh. Và thiên tài ấy trưởng thành cùng một lúc với lòng nhân đạo, với tính e lệ: bao nhiêu tiền cha mẹ và anh chị cho, người nghèo hưởng gần hết. Những người đói rách, thiếu thốn vào đến cổng nhà là hỏi thăm “cậu Chín”. Hễ có cậu Chín, họ có áo quần cũ, có cơm ăn, có tiền xài... Thích nhất cậu Chín giấu bà cụ, nên có khi được bà cụ cho nữa.

Một con người như vậy lại còn là một con người hay e lệ, chàng ít ưa tiếp khách dù là bạn đồng trang lứa. Mỗi lần có khách đến là chàng tránh ra vườn hoặc vào phòng khép kín cửa đọc sách. Chàng chỉ tiếp bạn thân và bạn làm thơ.

Người hiền lành thì thường nóng tính. Và người giản dị và lặng lẽ thường nhiều lòng tự ái. Ai đánh cờ với chàng mà thắng thì phải đánh cho đến lúc mặt trời lặn, nghĩa là cho đến lúc chàng gỡ được và lờ ra kẻ cùng chơi cờ mà có ý kiêu căng thả nước cờ thì bàn cờ xuống đất và quân cờ lúc đếm lại bao giờ cũng thiếu mấy quân vì... đã trót văng xa quá...

II. TÌNH ĐỜI

Cái lòng nhân ái của thi nhân cũng chỉ thi nhân mới có. Một hôm từ Hà Nội chàng viết thư về xin với cha mẹ thôi học. Chàng xin thôi học là muốn lấy số tiền cha mẹ cho đi học đem san sẻ với một người bạn nghèo để giúp người này khỏi thất học... Lẽ tự nhiên, gia đình chúng tôi nghĩ đến sự học của Bích Khê, không thể chấp nhận.

Nhưng Bích Khê đã muốn thì không thể cưỡng được và tôi, người mà gia đình cho là có tài thuyết phục nhất đối với em,

cũng bất lực trước quyết định của chàng. không những chàng không bỏ ý định giúp bạn, lại cho rằng sự phản đối của tôi là một cử chỉ ích kỷ, là tâm hồn hèn mọn. trong khi giận, chàng thi nhân của tôi còn giơ tay giơ chân nhất định đòi để cho chàng thôi học, giúp bạn.

Phản ứng của tôi là nói với em rằng em thiếu.. lẽ độ với chị và thiếu sáng suốt đối với tình cảm chung trong gia đình. Ai ngờ phản ứng của tôi đã gây một phản ứng vừa nghiêm trọng vừa ngộ nghĩnh đơm một hương vị hài hước tế nhị trong tâm hồn em tôi: Bích Khê chạy ra cửa lao đầu vào cửa đánh rầm rầm, khóc to, làm cả nhà chạy lên. Té ra chàng đã trút cả cái bực tức và hối hận vào cánh cửa...

Ngay tối hôm ấy, chàng đến bên chị, âu yếm nói: “Em có lỗi với chị... Chị tha thứ cho em...!” Rồi chàng thêm: “Giá chị đánh em một bạt tai, có phải gọn và đỡ đau xót cho em không!”

Một tháng sau, người chị thứ sáu đưa Bích Khê cùng người bạn nói trên vào Phan Thiết, ở nhà người anh cả chúng tôi để học. Người ta thường nói chỉ có tình bạn đẹp trong tiểu thuyết mà thôi. Có lẽ lắm: tình bạn trong văn chương còn kém tình bạn ngoài đời. Đôi bạn của Bích Khê như đôi chim, thân thiết với nhau đến mức độ chàng vận động cho nhà trường tư thục ra đời để giúp cho sự tiến thân của người bạn dễ dàng. Nhà trường sống gần hai năm bỗng nhiên tôi bị chính quyền thực dân bắt giải về sinh quán là Quảng Ngãi. chàng thương chị nên buồn nản; còn cảnh trường cũng mất thứ tự. Và kết quả trường chuyển hoàn toàn về người bạn và cũng từ ấy Bích Khê sinh chán không còn dấn dăng đến trường, đến tiền bạc nữa, người bạn cũng xa dần trong tiến thức.

Bích Khê rời Phan Thiết. chàng đi Mũi Né rồi lên ở núi Tà Cú, mang theo không phải một ân hận mà là một... tình yêu.

III. MỐI TÌNH ĐẦU

Chàng yêu. Song Châu một cô học trò nhỏ có đôi mắt say sưa, làn da trắng mịn và dáng điệu mảnh khảnh yêu kiều.

Ai ngờ cái con người làm thơ ngang tàng trong văn chương như vậy là lại e lệ trước người mình đương yêu; đồng thời lại có mặc cảm phong kiến rằng yêu... học trò là trái đạo lý. Nhưng rồi tình yêu đã nói tiếng nói của tình yêu; và tình yêu của chàng đã gặp một tình yêu say sưa nhưng cũng e lệ của người con gái, Song Châu càng e lệ, thi nhân càng say mê. bài “Song châu” trong tập “Tinh Huyết” là bức chân dung của một mối tình đầu...

Bích Khê, sau khi sống mấy tháng ở núi Tà Cú, về sống với mẹ ở Thu Xà, chàng nói với mẹ: *“Con sẽ ở gần mẹ”...*

Rồi trong gia đình cũng chẳng ai muốn đi sâu vào tâm sự buồn đau của chàng, về bạn bè, trường trại.

“Bình đã nứt rồi, xin đừng động đến!...”

Câu nói ấy của một thi nhân thật đúng với trường hợp Bích Khê khi về với mẹ và người chị thân yêu. Sự ấm áp trong gia đình đã đem lại nụ cười cho người thi nhân bị thương nặng.

Rồi ngày ngày Bích Khê vào phòng làm thơ. Chàng làm thơ nhưng chàng không thích ngâm thơ mình vì chàng không có một giọng trong trẻo, nên mỗi một bài thơ làm xong là chị chàng phải ngâm để chàng thưởng thức. Và những bạn đến chơi cũng phải ngâm thơ chàng, làm cái nhiệm vụ đã không chán lại còn có hứng thú là khác!

Được ít lâu, chàng đau: ngực hơi mệt. Thế là phổi chàng yếu! Tôi phải đưa em tôi ra Huế điều trị ở bệnh viện, và săn sóc chàng ngót một năm. Người nữ y tá là tôi phải làm nhiều

việc: săn sóc em, gọi mọi thứ chuyện nói với em, ngâm thơ em, họa thơ em...vẽ cho em tất cả những viễn ảnh có màu sắc của đời sống, kể cả những màu sắc giả, cần cho một người đương đau ốm và đau thương.

Một năm sau bệnh lành, chàng về Thu Xà với mẹ thêm một lần, rồi lại dời lên núi ở. Cái đời của thi nhân cũng như cái đời của trẻ thơ: muốn phải được, muốn là được. Mẹ và chị phải làm cho Bích Khê một cái chòi trên núi Thiên Ấn, và gửi đến ở với chàng một “chú tiểu” để phục vụ con người ngày càng khó tính như một cậu con cưng con nhà trưởng giả.

Lúc này Bích Khê vui lắm; chàng nói với mọi người bạn đến thăm: “Thật là tuyệt diệu!” rồi chàng tả cái thoải mái của tâm hồn bằng cách chuyển tâm tư qua thiên nhiên cây cỏ lá: chàng giải thích thế nào là cái đẹp cho chị nghe... Chàng hằng say đưa cả cánh tay ra vẽ một vòng bao trùm cả thắng cảnh đương bày ra trước mắt chúng tôi, đã từng làm cho tâm hồn thi nhân rung cảm. Mà phong cảnh đẹp thật! Dưới chân chúng tôi, từ chỗ “Long đầu hí thủy”, giải sông Trà bọc lấy chum hòn Thiên Ấn khăng khít như tình non nước ấp ủ lấy nhau, tức là thắng cảnh “Thiên Ấn niêm hà” Và xa xa ở phía bên kia hiện ra thắng cảnh “Bút lãnh phê vân”. Bích Khê chỉ vào núi Bút và nói đùa:

– Đó là ngọn bút của em đó.

Rồi chàng lại bảo chị:

– Nơi đây là nơi cực lạc của em rồi. Em say mê với cảnh thiên nhiên và nguyện sống ở đây mãi mãi để tận hưởng...

Nhưng một thời gian rồi Bích Khê cũng chán cảnh núi, lại ước mong được sống giữa cảnh trời nước bao la. Thế là một lần nữa, mẹ và chị Bích Khê phải chiều chàng, cho di chuyển tất cả vật dụng và cái chòi về dựng ngay tại ven biển. Chốn

cực lạc thứ hai này hiện ra, bao nhiêu vần thơ khác của thi sĩ lại tuôn ra...

Nhưng rồi cũng chỉ một thời gian mà thôi. Năm tháng sau vì gió biển không hợp với bộ phổi yếu của chàng – nhưng nếu không phải tại gió biển thì lại có những lý do khác – Bích Khê lại đòi về nhà để rồi lại xin lên ở một ngôi chùa ở Phú Thọ để vừa làm thơ vừa nghiên cứu triết lý đạo Phật. Tại đây, câu kinh tiếng mõ đã làm tâm hồn chàng lắng xuống và sự tín ngưỡng lần lần đi vào tâm hồn tinh vi của chàng như gió chiều bốn hướng mênh mang đi vào cảnh lá cây nơi núi non trùng điệp...

Một hôm, tôi lên chùa thăm Bích Khê và nói với em:

– Ở nhĩ, đây là cực lạc em nhĩ ?

Biết là chị nói mỉa mình, Bích Khê trả lời:

– Đối với em, mỗi chốn đều là chốn cực lạc, tùy từng lúc, từng giây phút. Chị nhớ cho rằng mỗi khi em nói em đều chân thành.

Rồi Bích Khê từ giả cửa thiền về với mẹ và chị. Vẫn chiều theo sở nguyện của con, bà cụ thuê cho chàng một chiếc thuyền, để chàng bồng bênh trên mặt nước, nay ghé Phú Thọ, mai Cổ Luỹ, Sa Kỳ... Trên chiếc “thuyền con bé tẻo teo” mà chàng sống với “hơi gợn tí”, với “gió đưa vèo”, thiên nhiên từ đây lại gây thi hứng cho chàng, một thứ thi hứng triền miên, liên tục...

IV. TÌNH YÊU DANG DỞ

Thuyền trôi, thuyền về... thuyền lên đênh trên sông Trà Khúc, và thuyền ghé bến yêu thương. Một hôm nọ thả thuyền trôi về ngã Sa Kỳ. Bích Khê gặp lại Bích Thủy, một thiếu nữ quen biết khi Bích Khê ở nhà người anh cả ở Mũi Né. Những

lúc Bích Thủy cùng mấy người bạn xuống thuyền thăm Bích Khê, là những lúc không khí trên thuyền trở nên sống động. Trong thuyền giọng ngâm nga càng dòn và Bích Khê cũng lộ vẻ vui tươi. Có lúc Bích Khê ra đứng với chị trước mũi thuyền và nói:

– Thuyền Hàn Mặc Tử chở đầy trăng, thuyền em chở trăng và chở cả giai nhân nữa.

Từ ấy, hai người thường gặp nhau và mối tình càng trở nên khăng khít. Đối với Bích Khê, mối tình ấy là một mối tình mới, nhưng với người con gái, lại là mối tình đầu, tình đầu say mê đắm đuối. Và cũng vì thế Bích Thủy chớm đặt vấn đề trăm năm cùng chàng thi sĩ.

Bích Khê dè dặt: tình đối với thi nhân bao giờ cũng lẫn mộng, cho nên sự ốm ờ của người làm thơ trước nhan sắc và trước sự chân thành của người đàn bà đương yêu cũng chỉ là kết quả của những ngày đêm dài đầy mộng và đầy thơ. Kết quả của một sự gặp gỡ nên thơ này là cái buồn đượm nỗi đau thương dài dằng dặc của người con gái. Sự đau thương biến thể: Bích Thủy lâm bệnh, đâm ra loạn trí, nằm nằm trên giường bệnh, kêu tên Bích Khê, mộng thấy Bích Khê, tay viết tên Bích Khê... Đoạn đời đau ốm người đàn bà đầy hình dáng thi nhân đã làm cảm động thân mẫu chúng tôi, và bà có ý thúc đẩy Bích Khê kết duyên với nàng. Bích Khê từ chối và nói: “Gần nhau mãi có đẹp gì!”

Bích Khê ngưng sự yêu thương trong sự đau thương của cả hai người và bỏ “chiếc thuyền con bé tẻo teo” để về sống với mẹ một lần nữa.

Ở nhà với mẹ và chị được ít lâu, Bích Khê lại muốn ra đi. Nhưng bây giờ Bích Khê hết thích núi, hết thích bể, hết thích chùa mà còn chán cả ngao du trên thuyền. Chàng cũng như con chim chán cảnh lồng son muốn bay đến một chân trời xa

lạ để tìm nguồn sống mới. Chàng tỏ ý muốn vào Nam. Tôi bàn với em là muốn đi xa đâu cũng được, nhưng dù là thi nhân, con người phải đặt nguyên tắc sống sát với thực tế: đời sống vật chất có thoải mái, đời sống tinh thần và trí thức mới có nơi nương tựa. Hai chị em bàn nhau mở một trường tư tại Phan Thiết. Thực hành kế hoạch đó đã có anh Lạc Nhân một người bạn (về sau trở thành anh rể chàng) lúc đó đương làm Tổng Thư ký tòa soạn báo Tiếng Dân của cụ Huỳnh Thúc Kháng và là Nghị sĩ của Viện Dân biểu Trung kỳ.

Trường mở cửa vào năm 1938. Và người ta được chứng kiến một cảnh sum họp ấm áp của một số người mà tình bạn đã tập hợp dưới một mái nhà. Trong một công cuộc chung, mỗi người chia nhau lo mỗi việc. Người giữ “mối giềng” của cái gia đình thân mật ấy là tôi, và người điều khiển công cuộc tập thể ấy là anh Lạc Nhân. Cũng xin thêm rằng, trong các bạn cùng chung sống, có anh Trúc Lâm – bây giờ là nhà văn Tam Ích – một người trong số bạn Bích Khê đã được chứng kiến Bích Khê làm thơ..

Trường được tín nhiệm, học trò đông. Và để đáp lại yêu cầu của một số học sinh lớn tuổi, trường mở thêm một lớp dạy tối do Lạc Nhân và Bích Khê đặc biệt phụ trách. Chính lớp dạy tối này đã để lại cho Bích Khê một kỷ niệm êm đẹp mà cũng là một vết đau thương mà chàng giữ mãi cho đến ngày tắt thở.

Trong số những người học trò tối có nàng Ngọc Kiều. Ngọc Kiều có gương mặt hiền lành và đôi mắt buồn như báo trước những điều tan vỡ... Ngọc Kiều và Bích Khê mến phục nhau và từ chỗ mến phục, đôi trai tài gái sắc đã đi đến yêu nhau tha thiết.

Rồi một đêm rằm, trăng sáng như ban ngày, Bích Khê dắt chị ra chơi bãi biển ở sau trường. Sau khi ngồi lên bãi cát trắng, Bích Khê lấy giấy viết, hý hoáy bốn câu thơ:

“Chị ơi trời sáng màu xanh,

Tình trăng sóng dậy trên cành hoa tươi.

Nói ra xin chị chớ cười,

Tình nay đẹp lắm hơn mười tình xưa...”

Rồi trao cho chị.

“Xin chị chớ cười” nhưng người chị đã cười, cười thiệt vì sung sướng thấy em vui, vui vì em yêu. Lần này, người làm thơ tính chuyện trăm năm thiệt: chàng nhờ chị viết thư về thưa mẹ để sắp đặt việc cầu hôn. Và cả nhà ai nấy đều mừng vì quyết định ấy của con người khó tính.

Nhưng gia đình Ngọc Kiều lại từ chối, vì xem là “ván đá đóng thuyền...”, vì đã “hứa gả nàng cho một nơi khác” rồi. Nơi ấy là con một nhà phú thương.

Kết quả của sự ngang trái là Ngọc Kiều đau loạn trí (lại một người loạn trí nữa!). Nàng khóc, rồi cười, rồi nàng đòi quỳên sinh... Và gia đình Ngọc Kiều muốn bảo vệ một tính mạng, đành bằng lòng và mời chúng tôi đến để ưng thuận.

Nhưng việc đòi thật không ai có thể ngờ vì chính Bích Khê bây giờ trở lại từ chối! Trong gia đình, từ thuở lên ba, Bích Khê muốn gì được nấy. Bây giờ cũng vẫn vậy: Bích Khê muốn từ chối thì ai cũng phải từ chối, kể cả bà mẹ đã hết nước mắt, kể cả người chị đã hết lời năn nỉ khuyên lơn. Trong việc từ chối này, điểm chính là lòng tự ái của thi nhân thà chịu đau khổ vì mối tình dang dở chớ không để cho danh dự thằng con trai bị xem thường.

Từ dạo ấy, thơ đau thương của Bích Khê tuôn ra lai láng để than khóc cho thân phận mình, thân phận Ngọc Kiều và cả cho những éo le trong nhân tình thế thái. Nhưng rất tiếc là phần lớn các vần thơ đã bị khói lửa chiến tranh thiêu hủy (nhà người anh cả chúng tôi bị dội bom, cháy rụi). Tôi còn nhớ mấy câu gửi khuyên Ngọc Kiều khi Ngọc Kiều quyết tâm ra đi xây tổ uyên ương nơi một chân trời xa lạ.

*“Hạnh phúc ngoài trời nhiều vẻ đẹp
Em đừng bận bịu ái ân xưa
Lòng anh chẳng muốn cho em phải
Lẻ tẻ chân trời bóng nhận thua”*

V. TÌNH BẠN

Trường Quảng Thuận của chúng tôi, nơi nung nấu những tâm hồn dự bị va chạm với nhân sinh, đã bị hai lần đóng cửa vì những âm mưu đen tối của bọn quan lại và thực dân muốn phá hoại. Nhưng hai lần anh Lạc Nhân đều tranh đấu mở cửa lại.

Đến lần thứ ba, vì mang sẵn một mối ưu phiền và không muốn sống thêm ở một nơi khiêu gợi cho chàng những niềm đau khổ, nên Bích Khê không cho anh Lạc Nhân tranh đấu mở cửa lại và muốn để trường chết luôn.

Rồi Bích Khê ra đi. Chàng ghé Qui Nhơn thăm Hàn Mặc Tử mấy ngày và an ủi Tử trong những ngày đau khổ. Một người đau khổ yên ủi một người đau khổ: tình thương giữa hai người đau khổ thật đã làm vơi sự xót xa của mỗi người. Bích Khê tặng Tử một tấm hình trong đó chị chàng và chàng chụp chung. Ý của Bích Khê muốn hình ảnh chị mình gây cho Tử một vài mảnh mộng. Mộng đối với Tử lúc bấy giờ là một liều thuốc làm dịu sự ai oán của tâm hồn.

Quả nhiên Tử làm bài thơ gửi cho Bích Khê:

TRUY
105/05 154/17 30

*"Ta đề ch? Ngọc trên tàu chuối
"Sương ơ cùng Thiên nhỏ chẳng thôi
"Tình ta khuấy mãi không thành khói
"Nư giận đòi phen cắn phải môi".*

Bích Khê xem xong, giấu không cho tôi biết: chàng vui sướng riêng tư trong tâm tư vì chàng đã thành công trong một kế "bá đạo" thuộc tình cảm. Người đau cần thuốc: thuốc gì hàn gắn được vết thương là thuốc hay.

Rồi Bích Khê về Thu Xà ít lâu rồi vào Nam sáng tác thơ và viết sách. Chuyển đi vào Nam này có thêm một người bạn: Nguyễn Hữu Thoại. Ba người sống với nhau bằng tình bạn và nước lạnh nhiều hơn là sống bằng cơm áo: sự nghèo cực đã mỗi ngày qua ngày trong sự vui vẻ của hy sinh và trong sự ấm áp của tình bạn và tình đồng chí.

Tôi đã thu xếp một công cuộc thương mại để nuôi ba miệng ăn, nói là "công cuộc" cho to chuyện: Sự thật là ba người không nghèo và đói là đủ rồi. Suốt một năm dài, mỗi người đều có sáng tác, dịch thuật các loại sách về văn chương và xã hội. Thi nhân của chúng tôi còn dịch cả quyển "Retour de L'U.R.S.S." của André Gide.

Chúng tôi có một người bạn mới: Phương Thảo. Người bạn mới này phải nằm đất để ngủ vì thiếu giường. Bích Khê nói với bạn:

*"Ở đây chịu khó nằm đây
"Đất tôi mát lắm bạn xây mộng vàng"*

Để thấy rõ chỗ tương quan mật thiết của những nỗi vui buồn của Bích Khê và tôi, tôi xin kể một chuyện đã xảy ra cho tôi cũng như Bích Khê ở ngày đám cưới tôi.

Trước khi đi dự lễ cưới của tôi, Bích Khê có báo hỉ tín cho Hàn Mặc tử. Tử gửi mừng chúng tôi một câu đối viết trên lá thiếp trắng như màu tuyết.

Rồi đến khi về chung vui cùng chị, Bích Khê lại gặp một chuyện không vui, gởi cho Bích Khê một niềm ân hận về một việc làm của Bích Khê hồi năm năm về trước.

Trong khi tòng học ở Hà Nội, Bích Khê có kết thân với một người bạn cùng quê, cháu một nhà cách mạng có danh tiếng. Kỳ nghỉ hè đến, Bích Khê đưa bạn về giới thiệu với gia đình và giới thiệu luôn với chị. Bích Khê cương quyết: “Chị không đồng ý người này thì quê nhà mình khó có người thứ hai vẹn toàn ấy”. Chẳng mấy lúc gia đình người bạn cũng đến thăm nhà và ngỏ ý cầu hôn. Bích Khê rất tán thành và nhận thấy đó là cuộc hôn nhân rất “nên” về nhiều phương diện. riêng người chị thì không chịu cho gia đình nhận lễ và xin nhất một thời gian để dò xem tư cách tánh tình...

Về sau người chị vạch rõ cho Bích Khê thấy những chỗ dị đồng không thích hợp, và từ đó Bích Khê cũng không dám ép chị nữa. Người chị muốn giải quyết dứt khoát nhưng trước những giọt nước mắt của bà mẹ và quan niệm tất nhiên là khác với con, muốn trông thấy con mình sớm thành gia thất, câu chuyện vẫn dây dưa và kéo dài đến ngót năm năm trời người chị mới tự cởi được mối giây vô tình ràng buộc...

Bỗng đến ngày đám cưới của chị, người bạn cũ của Bích Khê lại xuất hiện để mừng với... một bó nhang vàng bạc đặt trên bàn thờ thân phụ chúng tôi. Cử chỉ ấy phải chăng bao hàm một ác ý đem điềm xấu hay chứng tỏ một cái tang lòng? Dù sao, phần thì xót thương cho người chị đến ngày vu quy mà niềm vui không được trọn vẹn, phần thì ân hận vì nhận xét hơi hợt của mình mấy năm trước đã để lại một cảm tình lẩn át... Bích Khê cầm lấy tay tôi đôi mắt rưng lệ, chàng xin

tha lỗi. Niềm vui của Bích Khê trước giờ chị lên xe hoa vẫn pha lẫn ưu phiền. Mỗi lần hễ có việc vui là sự buồn liền đến với Bích Khê. Đời người thi nhân thật không có gì vẹn, mà cũng không bao giờ vẹn.

VI. NHỮNG NGUỒN YÊN ỦI

1942

Bích Khê đau phổi lại và phải ra lại Viện Pasquier ở Huế điều trị. Tôi lại phải theo ra nuôi em. Sau tám tháng, bệnh thuyên giảm, chàng về Thu Xà điều dưỡng.

Vì chàng bệnh nên cả gia đình chiều chuộng nâng niu và săn sóc: một căn nhà ấm áp hoà thành một phòng bệnh viện và mỗi người trong nhà đều làm phận sự một điều dưỡng viên, đồng thời ngâm thơ, chép thơ cho Bích Khê. Giúp vào công việc này lại còn các cháu nhỏ Lệ Xuân, Hải Đường, Phi Hiền...

Từ xa, các bạn đều có tới thăm chàng: Nguyễn Viết Lãm, Nguyễn Ngọc Vy, Minh Trai. Minh Đức, Nguyễn Khắc Khoan, Nguyễn Hữu Thoại, Mai Ảnh, Trương Quốc Oai và người anh ruột Thanh Khê Lê Quang Khâm ở xa cũng về thăm. Hai anh khác: Tùng Khê Lê Quang Thuần và Tĩnh Nam Lê Quang Hường đều ở bên cạnh Bích Khê. Người chị là tôi tuy có gia đình riêng nhưng cũng thường về ở bên Bích Khê.

Muốn cho Bích Khê đổi không khí, tôi có đưa Bích Khê ra Quảng Nam ở Hoàng Hoa trang nơi quê chồng. Nơi đây rất yên tĩnh và không khí thôn quê rất hợp với Bích Khê.

Một buổi sáng Chế Lan Viên và Anh Đình hiện đến Hoàng Hoa trang: Bích Khê mừng quá. Nhưng khi Viên đi về Bích Khê khóc: “Bao giờ gặp lại nhau? Gặp nhau nữa không?”.

Ở Hoàng Hoa trang được mấy tháng thì Bích Khê cùng chị về Thu Xà.

Một hôm Hoài Thanh từ Huế tìm đến chàng tại Thu Xà nơi hàng tịnh dưỡng để xin những bài thơ và tấm ảnh về đăng vào tập “Thi nhân Việt Nam”, sắp xuất bản. Được đưa thơ mình vào tập Thi nhân Việt Nam Hoài Thanh nghĩ dù ai cũng sẵn sàng chấp thuận. Nhưng trái lại Bích Khê chưa tin tưởng Hoài Thanh, Hoài Thanh thêu gấm hoa cho nền văn học mà e rằng thơ chàng sẽ bị phơi giữa chợ đời, Bích Khê từ chối. Cuối cùng sau lời năn nỉ Bích Khê chỉ trao cho Hoài Thanh hai bài “Tỳ bà” và “Tranh lỏa thể” nhất thiết không chịu trao ảnh. Vì vậy, tập “Thi nhân Việt Nam” không có ảnh Bích Khê.

Độ này sức khỏe Bích Khê xuống nhiều lắm, Bích Khê thấy cuộc đời trống trải làm sao. Có ngày Bích Khê ngồi bên cửa sổ dăm dăm nhìn ra xa hàng buổi như đang tìm kiếm bạn thơ trên dặm mồn...

Lúc này là lúc Quách Tấn nẵng thư từ cho chàng, xướng họa với chàng và giới thiệu cho chàng người bạn thơ: Chị Liên Tâm, khi Bích Khê khám phá được Liên Tâm là người yêu của Quách Tấn chàng trêu bạn liền họa một bài thơ của chị Liên Tâm và nhờ Quách Tấn trao lại.

*Canh sương tiếng hạc vắng kia sông,
Thơ đẹp em đang ướp cạnh lòng
Thưa chị đêm nay dường nhớ quá!
Đưa thơ hồng nhận biết mang không?
Một nhành mai trắng rung rinh Ngọc
Đôi cụm sao vàng lớt đớt bông
Muốn thấy người xa trong giấc mộng
Khuya lơ còn tựa ở bên song.*

Bích Khê đã tìm thấy trong tình bằng hữu và thú làm thơ một niềm khuây khỏa trong những lúc cơn bệnh dày vò. Trong quãng đời này, Bích Khê đã khóc cái chết của một người anh, Tỉnh Nam Lê Quang Hường, của một người bạn Hàn Mặc Tử, và của vài người khác... Nghĩ đến sự sống và sự chết của những người có mặt trong đời Bích Khê, Bích Khê buồn lắm, và thường khóc một mình. Nhất là mỗi khi nghĩ đến riêng mình, Bích Khê thường không giấu được sự bi quan đến cực độ. Chàng thường nói với tôi:

– Đời e ngắn ngủi, sự nghiệp văn thơ ắt dở dang; em mong sao sống thêm ba năm nữa để hoàn thành tập thơ thứ ba... rồi sẽ chết.

Tôi cố nói tất cả những lời nói mà một người chị, một người bạn có thể nói được, để yên ủi chàng nhưng chàng biết rằng tôi nói dối, vì chàng cho rằng bệnh chàng không thể lành.

Thân thể chàng càng ngày càng tiêu tụy... và gia đình bắt đầu lo.

Trước kia đã một lần, khi còn ở bệnh viện, chàng nằm mộng thấy một bà Tiên hiện ra trên không và tung ra những nắm bông trắng, bông rơi xuống mặt đất kết thành chữ và Bích Khê đọc được bốn câu thơ ý nói chàng sẽ chết vào một mùa Xuân. Vì vậy, mỗi lần Xuân đến, chàng thấy lòng manh nao nao và lo âu.

Nhưng rồi một mùa Xuân qua, một mùa Xuân nữa đến rồi lại qua. Chàng vẫn sống rồi chàng không tin ở điềm mộng nữa.

Một đêm trăng sáng, Bích Khê bảo đưa ghé ra vườn để chàng nằm ngắm trăng. Ánh sáng diệu huyền của chị Hằng gọi lại cho chàng tâm sự năm xưa và hình ảnh giai nhân trở lại trong tâm hồn thi sĩ.

Hôm sau, Bích Khê đưa cho chị bài thơ “Làng em” và nói:

- Em mong một hình bóng trở lại. Nhưng có lẽ chẳng bao giờ.

Nhưng rồi trăng sao mang đi niềm cảm nghĩ ấy “hình bóng” đã trở lại. Sau đó không bao lâu, chàng nhận được thư của Ngọc Kiều từ miền Đông Nam bộ ra hỏi thăm Bích Khê. Trong thư Ngọc Kiều tỏ ý muốn ra thăm Bích Khê nếu có thể, trả lời chấp thuận, vì người thiếu phụ hiện sống ở quê hương bao nhiêu năm cách biệt vẫn còn ghi đậm trong tâm trí một hình ảnh của ai...

Tiếp thư Ngọc Kiều, Bích Khê mừng mừng tủi tủi, cảm động nhưng ngại ngùng. Cả nhà, nhất là bà cụ, thì rất đổi vui mừng và hối thúc viết thư trả lời mời Ngọc Kiều ra vì biết rằng cuộc thăm viếng của Ngọc Kiều sẽ là một niềm an ủi lớn cho cuộc đời tuyệt vọng của Bích Khê.

Khi Ngọc Kiều bước vào phòng để gặp Bích Khê, bốn mắt nhìn nhau, hai người nghẹn ngào không nói ra lời. Nhất là khi nhìn thấy thân hình tiêu tụy của người xưa, Ngọc Kiều không ngăn được giọt lệ... Bích Khê bảo cháu nhắc ghé đặt ra giường mình đang nằm mời Ngọc Kiều ngồi nói: “Chúng ta nhớ em là gái có chồng”

Sau cơn xúc động, quả thật cuộc thăm viếng của Ngọc Kiều là cả một phương thuốc hồi dương sanh mạch. Căn bệnh của Bích Khê hầu như thuyên giảm thấy được. Sắc mặt chàng trở nên tươi vui khác thường, làm cho cả nhà cũng vui theo chàng.

Sau 5 ngày ở lại với gia đình Bích Khê, Ngọc Kiều lại cất bước đi về một chân trời khác, để lại cho khóm lan bên ngõ một hôn đau xác gầy...

Ngày tiễn đưa bạn Ngọc ra về, Bích Khê cảm thấy lần này xa bạn là lần vĩnh biệt. Ngọc Kiều đi rồi, Bích Khê đóng cửa, nằm trong phòng suốt buổi. Gia đình không ai hỏi han và kính trọng giây phút thiêng liêng của chàng.

Bích Khê tuy bệnh nhưng vẫn tìm đủ cách để tranh đấu với vi trùng bệnh phổi và dùng hết nhân lực để hy vọng... Chàng dùng cả phương pháp nằm ghì trên giường tuyệt đối không cử động để cơ thể nghỉ ngơi. Nhưng phương pháp ấy kết quả là làm cho gân cốt tê bại, nên một thời gian sau, chàng phải tập đi đứng như trẻ thơ tập đi vậy.

Từ khi làm thơ Đường đến đây Bích Khê có 100 bài chọn lọc định xuất bản. Cũng trong khoảng thời gian này, chàng dự định cho ra tập “Tinh Hoa” hoặc “Ngũ Hành sơn”. Không may cho chàng, chàng khuất trước ngày những đứa con tinh thần ra đời. Sức khoẻ càng ngày càng xuống, cơ thể càng ngày càng mòn, bấy giờ cái buồn nghe đất lạnh mới thấm tận lòng chàng, chàng lặng lẽ khóc cho thân thế, cho sự nghiệp, cho tất những mối tình đối với tất cả những người thân yêu trong đời mình.

Chàng có đứa cháu tên là Thu An mới lên 4 tuổi mà chàng rất thương. Cũng như các cháu khác, chàng không cho bé Thu An lại gần.

Trên đầu giường Bích Khê có đặt một cái chuông. Bé Thu An không được lại gần cậu, nên mỗi sáng, bé đứng ngoài phòng và nói lớn vọng vào:

– Cậu Bích Khê ơi! Cậu có thương Thu An thì cậu nhận chuông lên...

Chuông reo lên, âm thanh cao lên vun vút... Chàng cảm thấy tình thương yêu tràn ngập xung quanh chàng, đi vào lòng chàng; chàng buộc miệng: “Trời ơi, tại sao ta không được sống mãi trong gia đình ấm áp này...!”

Bệnh tình làm chàng thất vọng bao nhiêu thì hy vọng càng làm chàng cố bám lấy sự sống. Chàng hy vọng có một trường hợp mâu nhiệm nào đó sẽ đến thay đổi đời sống của chàng...

VII - NHỮNG NGÀY CUỐI CÙNG

1945

Một đêm có tiếng reo hò vang lên: quân Nhật đầu hàng. Sáng hôm sau, thiên hạ hay rằng có cuộc khởi nghĩa.

Bích Khê mừng quá, bắt người nhà khiêng cả chàng nằm trên ghế bố ra cửa đón phong trào đương lên. Chàng nói với chị:

– Em chưa muốn chết! Em yêu đời quá!...

Ngay lúc chàng yêu đời, yêu dân tộc đương khởi nghĩa thì chàng không thể sống được nữa... Bài thơ rải bông trong mộng năm trước lại nhắc nhở cho Bích Khê nhớ cái chết trong mùa xuân.

Một mùa xuân mới lại sắp tới. Chàng nói với chị: “Mùa Xuân này chẳng? Em có linh tính...” Tháng sau, chàng đưa cho chị bài thơ “Năm mộ” và bốn câu “Đề bia trước mộ”.

Bệnh tình Bích Khê càng ngày càng trầm trọng. Tuyệt vọng rồi! Gia đình đã “tận nhân lực” và cũng đã biết chàng không còn sống bao lâu nữa.

Một buổi chiều, chàng nghe người ta vừa giết Tạ Thu Thâu, đâm ra sững sờ rồi chàng khóc!

Những ngày chàng gần cõi chết lại là những ngày chàng sáng tác nhiều nhất. Và hai tháng sau ngày khởi nghĩa và hai tháng trước ngày từ giã cõi đời, Bích Khê niệm kinh Di Lạc và tin tưởng ngày nhắm mắt có Phật đến rước.

Đông chí qua, tiết Lập xuân đến. Bích Khê sửa soạn cái chết của chính mình. Chàng mời mẹ lên ngồi một bên, chàng nói chuyện để có dịp nhắc nhở ơn sanh thành dưỡng dục, nhất là trong những năm nằm trên giường bệnh.

Tháng 11 vừa hết, tháng Chạp âm lịch bắt đầu: chàng cho gia đình biết chàng thở hơi cuối cùng trong tháng này. Chàng

mời người chị thứ sáu lên, đọc lời di chúc, nhờ chị chép xin mẹ, căn dặn mẹ làm đúng theo lời tuyệt mệnh:

1. Khi chết không được khóc.
2. Chết xong liệm liền, chôn liền.
3. Liệm rất giản dị, tấm vải trắng đắp thi hài, một cái hòm thường, và đám tang không có kèn trống.
4. Bà con bạn hữu đến phúng điếu, không nhận tiền bạc.
5. Ngày giỗ chỉ đốt hương, trâm và cắm hoa; không được đặt đồ ăn trên bàn thờ.
5. Các tập thơ, chị Ngọc Sương và người anh rể là Lạc Nhân mang quyền xuất bản.

Một buổi tối, sau khi ăn cơm xong, Bích Khê gọi mẹ lại, âu yếm kéo mẹ ngồi một bên, nắm tay mẹ, nói rất bình tĩnh:

– Còn ba ngày nữa, con không ở với mẹ nữa. Đúng ngày Rằm thì con chết.

Rồi chàng xin mẹ mời thầy tụng kinh ba đêm ngày. Trong ba ngày này Bích Khê chỉ xin ăn cam và sữa cốt để cho bao tử nhẹ nhàng tinh khiết. Đêm thứ ba Bích Khê nhắm mắt nghe kinh, chốc chốc chàng mở mắt dòm chừng kim đồng hồ... khi kim đồng hồ chỉ 11 giờ 30 phút Bích Khê thấy hơi thở mình chưa báo hiệu cho sự chết, vì chàng còn khỏe lắm. Bích Khê tỏ ngạc nhiên bằng tiếng: “Ủa.. lạ chưa..”

Kim đồng hồ ta nặng nề đi qua như muốn kéo dài sự sống của chàng. Bích Khê lấy làm lo ngại nói một mình: “Tôi chết đêm nay mà!” Khi 11 giờ 45 phút Bích Khê chỉ còn hơi thở đều đều... rất nhẹ rất mong manh... Bích Khê bảo mẹ các chị đi ngủ nói rằng trong mình chàng nghe khỏe lắm, chàng cần ngủ một chút.

Giấc ngủ ngàn thu bắt đầu từ giây phút ấy. Trước 12 giờ khuya, người nhà ngồi bên Bích Khê trông thấy một vệt sáng xanh từ trong giường Bích Khê vọt lên mái nhà...

Tiếng kinh và tiếng mõ của nhà sư vọng lên từ xung quanh chàng, và tiếng nức nở của mọi người thân yêu thì dồn vô lồng ngực, vì ai cũng muốn giữ đúng lời di chúc của chàng.

Nhưng sau khi đậy nắp hòm, và khi đất đã khóa trên cuộc đời của thi sĩ, gia đình cũng như bạn hữu không còn ai làm theo lời di chúc Bích Khê: nắm mộ vẫn được thắm tràn giòng lệ trắng. Và tiếng nức nở của người chị được kết thành tiếng thơ: “Khóc em”.

*Tôi vừa mất một người em yêu qui
 Một nàng thơ hồn trắng ý trong xanh
 Một chàng trai tình tiết vẹn nguyên lành
 Say xây đắp lâu đài thơ tuyệt mỹ
 Tôi vừa mất một người em tri kỷ
 Bước giang hồ bàn bạc dưới vắng trăng.
 Rượu thơ ngâm khúc điệp nhạc cung hằng
 Tình non nước từng phen say lại tỉnh
 Ngắm bể Phan thành, nhìn mây núi Lĩnh
 Đã từng khi khóc mướt giữa tay mềm
 Lệ đau sâu nhân nghĩa tự ban đêm
 Nhạc trời khúc giữa tình yêu ma quái
 Cùng nức nở khóc một thiên tình ái
 Dem bạc vàng xây mộ giữa yêu đương
 Tôi mất em là mất cả một mùa hương
 Cả ánh sáng và cả gì man mác
 Tôi mất em, ôi! cõi lòng tan nát!*

Tôi mất em! trời hỡi! tôi mất em!
Tình lên mi sầu dựng giữa màn đêm
Tôi muốn xé tử thần ra trăm mảnh
Tôi gào thét giữa đêm tàn trắng lạnh
Đòi hồn em và xác thịt em tôi
Người thi nhân trong trắng tợ mặt trời.
Sao mi nữ xây mồ ngay tuổi trẻ ?
Em chết đi bỏ lại đời một mẹ
Bao tình thương khắng khít tợ trăng sao
Em chết đi chưa hái nụ hoa đào
Giòng sông núi tình thương ngời cây lá
Em tôi chết tựa sông nhào núi ngã,
Mắt rừng rừng miệng hé gọi căm hờn
Hồn em thiêng về với chị: Cô đơn!
Nghe chị khóc dưới cây sấu Vĩnh biệt

Bích Khê mất trong thời kỳ khói lửa, nên ngày lâm chung, bạn văn thơ ở xa không ai về được. Sau đó chỉ Chế Lan Viên và Nguyễn Viết Lãm đến viếng một lần và khóc một lần.

Nấm mồ được đặt trên miếng đất Hội quán ở gần Thu Xà và luôn bao năm khói lửa chỉ một con quạ đứng im hơi..

Em tôi đã chết. Nhưng mãi đến bây giờ tôi vẫn không tin là em tôi đã chết... Có những người khác cũng không muốn tin rằng Em tôi đã chết...

ngọc sương

(Cuối xuân Giáp Thìn 1964)

Trích thơ

Bích Khê



Nguyễn Huệ

Dáng mặt anh hùng giữa bể Đông
Đánh tan quân Mãn khiếp oai rồng
Sông Hà đượm máu thây ngang dọc
Tướng Nghị kinh hồn chạy tứ tung
Đất Bắc quyết toàn châu Lương Quảng
Trời Nam còn tạc chuyện Quang Trung
Hai bàn tay trắng làm nên thế
Tiếng ngụy mang oan có tức không ?



Đèo Hải Vân

Bước tới đèo Vân cảnh vắng teo
Rõ ràng trước mắt bức tranh treo
Một vùng bể cả cơn triều dậy
Đôi cụm rừng sâu tiếng gió reo
Đường sắt xe quanh còi dậy đất
Đầu non ác lặn bóng nghiêng đèo
Xung quanh phong cảnh mình trơ trội
Văng vẳng lưng xa giọng cuộc kêu

Cước kêu văng vẳng ở đâu đâu
Trời nước mênh mông lẫn một màu
Thành cổ rêu phong sương nhuộm đá
Bia xanh chữ lợt súng trơ đầu
Đường đời thành bại chòm mây bạc
Tiến cử anh hùng ngọn gió lau
Nhìn cảnh nước non non nước ấy
Ngàn xưa dâu bể chạnh lòng đau.



Sông Lãm

Hoa cỏ bốn mùa thay đổi tiết
Ngàn năm còn mãi cụm cây xanh
Cheo leo lắt léo đèo treo quán
Róc rách đìu hiu nước xuống gành
Gió thốc rừng mai bông dã dươi
Mưa thêu làn nắng chỉ mong manh
Mục tử năm ba tiêu thổi điệu
Nắng vàng cao thấp, núi rung rinh



Về Thu Xà cảm tác

Phố phường hai dãy đứng trơ trơ
Phong cảnh nhòm xem đã khác xưa
Chợ búa lảng xãng tôm cá thịn
Điểm dàng xông xáo sớm chiều trưa
Thần tiền đầu vắng khoanh tay ngó
Ma dối nên ghê đứng cửa chờ
Phần thuế xâu, phần công nợ nũa
Thăm quê khiến khách rối lòng tơ!



Nghe chuông

Mười:

*Đêm khuya giấc điệp mơ màng
Nghe chuông sực tỉnh một tràng mộng xuân
Trở trêu cho khách phong trần
Nghe chuông đối cảnh tinh thần ngẩn ngơ*

Nói:

Chuông đầu thánh thót
Giữa đêm trường như đem rót vào tai!
Giọng càng ngân, tiếng càng dội, hơi càng dài
Mường tượng khúc Bồng lai thiên nhạc phách
***Hoán khởi mê tân thuyên thượng khách
Tĩnh hồi trường dạ mộng trung nhân.***
Bóng yên hoa, màu khiêu vũ, mây phú quý, bả phù vân..
Tiếng linh động trong ngân thiên vạn cổ.
Riêng tở những chứa chan bầu thống khổ
Đã phong trần còn khổ với ba sinh.
Mộng giang hồ bay bổng tận mây xanh
Nghe tiếng dội rồi trở quanh về non nước
Đêm dài đặc ấy ai người tỉnh trước
Nấm chày kinh đồng dượt động cho kêu
May ra người tỉnh thức đều



bán sầu

(Sầu đầu sầu lạ sầu lòng)

Sầu theo lẻo đẻo ngàn trùng cũng theo)

Bán sầu chi đó tệ

Xưa đã từng có kẻ bán hoàng thiên
Người bán trời không chứng mới là phiền
Còn tôi bán hàng sầu tiền chẳng lấy.

Sầu nhám ma men men khó tẩy

Sầu mời thân ngủ ngủ không ngon

Này sầu hoa, sầu cỏ, sầu núi, sầu non

Sầu tất thấy bà con say tỉnh dở

Chưa nói đến tứ sầu vì tứ

Bôn ba là vỡ lở nét tang thương

Ma dất lối quỷ đưa đường

Sầu đây đó sầu vương chằng chịt mãi.

Tôi muốn bán hàng sầu không vốn lãi

Khoẻ tinh thần hầu tính lại cuộc trăm năm

Để sầu thêm rối ruột tầm



bán thơ

Mở đầu:

Hôm xưa tớ đã bán sấu
Món hàng khá đắt, khách cầu khách mua.
Còn món Thi vẫn của chua
Khách nào có thích, tớ cũng bán đũa làm quen

Nói:

Sầu đá bán thời thơ cùng bán nốt
Mới thi sầu không cột lại làm chi
Kìa như đau, như khổ, như oán, như si
Nào giọng đàn ai oán, giọt lệ thương bi
Kết cuộc lại “mốc xì” gì đâu ráo!

Rông về lối xưa toàn những sáo

Cua bò thơ mới chả nên câu!

Cũng rung đùi xưng Lý, Đỗ, Hàn, Tô,
Rõ “bát xáo cõi quần mò không thấy cái...”
Tớ trót đã cùng mang bệnh dại
Từ nay xin đem bán lại cho đời
Khách làng thơ ai cần đến đồ chơi
Tớ xin bán không lời cả vốn
Đời cạnh tranh xen thi vào càng lộn xộn
Chẳng ích chi thêm hao tổn lòng người
Để công phần đâu với đời



Mộng cầm ca

Dây bát ngát và thơm như sữa lúa
Nhựa đương lên; sức mạnh của lòng thương
Mùi tô hợp quyện trong trắng tơ lụa
Đây dạ lan hương, đây đỉnh trầm hương
Đây bát ngát và thơm như sữa lúa
Hồn xạ hương phơ phất ở trong sương

Không gian tơ – không gian tơ gợn sóng
Âm thanh gì sắp sửa ... Ngọc Kiều ơi!
Hay hơi thở của hoa hồng thơ mộng
Hay buồn đêm rào rạt – ứ muôn nơi ?
Không gian tơ – Không gian tơ gợn sóng
Ngọc Kiều ơi! Hồn đến bến xa khơi!...

Nú cho ta, cho ta muôn yến nguyệt!
Ngọc Kiều ơi, này khúc Lạc Mai hoa
Suối tóc mát, nhúng trong vùng mộng tuyết.
Ta tê mê, ta gảy điệu Tỳ Bà
Nú cho ta, cho ta muôn yến nguyệt
Còn đây em, này khúc Mộng Cầm Ca

.....
Trăng gầy vàng, vàng gầy lên sắc trắng
Của gương hồ im lặng tự bài thơ

Chân nhịp nhàn, lòng nghe hương nặng nặng
Đây bài thơ không tiếng của đêm tơ.
Trăng gầy vàng, vàng gầy lên sắc trắng
Của hồn thu đi lạc ở trong mơ...

Người cho ta một thanh gương rất sắc
Ổ vung lên... cắt mạch nguyệt vàng xanh
Xẻ mạch trời – mây xô sao, răng rắc
Phăng mạch đêm, hương vỡ, ứa ngậm tinh!
Người cho ta một thanh gương rất sắc
Ta điên rồi ... múa giữa ánh bình minh

(trích 7777 7777)



Tỳ Bà

Nàng ơi! Tay đêm đương giăng mềm
Trắng đan qua cành muôn tay êm
Mây nhung pha màu thu trên trời
Sương lam phơ màu thu muôn nơi

Vàng sao nằm im trên hoa gầy
Tương tư người xưa thôi qua đây
Ôi! nàng năm xưa quên lời thề
Hoa vừa đưa hương gầy đê mê

Cây đàn yêu đương làm bằng thơ
Dây đàn yêu đương run trong mơ
Hồn về trên môi kêu: em ơi
Thuyền hồn không đi lên chơi vơi

Tôi qua tim nàng vay du dương
Tôi mang lên lầu lên cung thương
Ôi tôi bao giờ thôi yêu nàng^(*)
Tình tang tôi nghe như tình lang

(*) Tài liệu khác: Tôi không bao giờ thôi yêu nàng

Yêu nàng bao nhiêu trong lòng tôi
Yêu nàng bao nhiêu trên đôi môi
Đâu tìm đào nguyên cho xa xôi
Đào nguyên trong lòng nàng đây thôi

Thu ôm muôn hồn chơi phiêu diêu
Sao tôi không màng kêu: yêu em
Trăng nay không nàng như trăng thiêu
Đêm nay không nàng như đêm hiu

Buồn lưu cây đào xin hơi xuân
Buồn sang cây tùng thăm đông quân
Ô! Hay buồn vương cây ngô đồng
Vàng rơi! Vàng rơi! Thu mênh mênh.

(trích 7997 70457)



Ảnh ấy

Anh mơ màng thấy trong ảnh ấy
Người em lãng mạn quá đi thôi
Anh nhìn trần trối anh tư tưởng
Anh ngỡ là em đứng đấy rồi

Anh tính ôm chầm lấy mắt mơ,
Lấy môi, lấy má, lấy ngây thơ
Để anh nút ớn mùi hương ấm
Của một tình yêu giận hững hờ!

Anh tính kê tay lên trái tim
Ta đòi nóng hổi với say im
Nhưng chao! sao chỉ không gian lạnh
Không bóng, không hình! – không có em!

Anh ghì lấy ảnh. Những đau thương
Thấm tận lòng anh khổ chán chường
Anh úp mắt vào đôi mắt ấy
Rồi không ngăn được, lệ anh tuôn...

Nước mắt tràn trên đôi mắt ấy
Nào hay anh khóc, phải em đâu!
– Đời mô em khóc vì anh khóc
Cho lệ lòng anh bạc vè sâu!

Anh không rời nữa ảnh thơ ngây
Và trở nên người dễ khóc lây
Anh khóc mất anh trong mắt ấy
Để rằng:

– Em khóc với anh đây!

(trích 77NH 77NHÉ7)



Nhạc

Ô! Nắng vàng thơm rung rinh điệu ngọc
Những cánh hồng đơm, những cánh hồng đơm
Nhẹ nhàng, nhịp nhàng thổi đều trong sương:
Màu trắng không gian như gợn gợn sóng
Từ ở phương mô nhận mang thư về
Đàn thơ cơ hồ lên cung âm điệu
Đây giây trinh bạch khóc mướt trong mơ:
Đây hồn ngọc thạch xanh sao như tờ ?

Ô! cõi lầu mây ánh gì kim cương
Áo nàng thơ ngây nao nao Nghê thường
Thơ bay! thơ bay vô bàn tay ngà
Thơ ngà ngà say! Thơ ngà ngà say!
Nàng ơi! đừng động... có nhạc trong giây
Nhạc gây hoa mộng, nhạc ngát trời mây
Nhạc lên cung hường, nhạc vô đào động
Ô nàng tiên nương! – hộp nhạc đầy hương

(trích 7977 7977)



Thơ vè

Lá vàng rơi

(tôi khóc, anh ơi!)

Đàn rung tiếng:

Người yêu đương ngồi...

Trăng vàng rơi

(Tôi khóc, anh ơi!)

Đàn nghẹn tiếng:

Người yêu dậy rồi...

Hoa vàng rơi

(Tôi khóc anh ơi!)

Đàn rụng tiếng:

Người yêu đi rồi...

Sao vàng rơi

(Tôi khóc anh ơi!)

Đàn câm tiếng:

Người yêu xa rồi...

Đêm vàng rơi
(Thôi hết, anh ơi!)
Đàn bẻ phím:
Người yêu chết rồi!

(trích 7777 7777)



Hiện hình

Gió thiết đa tình hôn mặt hoa
Thơm tho mùi thịt bất say ngà
Gió đi chơi với trong khung trắng
Lộ nửa vần thơ nửa điệu ca

Tôi rập lại xem. Ô! sự lạ!
Một người thiếu nữ hiện trong trăng
Khăn hồng chùi lệ ngấn đôi mắt
Da thịt phô bày ý tuyết băng

Nường hé môi ra. Bay liệu nhạc
Mát như xuân mà ngọt tợ hương:
Ôi sao là khúc Ba sinh lụy
Rào rạt như dây nổi cảm thương!

Tiếng ngọc, màu trắng quán quít nường
Phút giây người lộ mỏng như sương
Nường tan ra nhạc ? – Tan ra nhạc!
Khung trắng trời mây trắng lạ thường!

(trích 7777 7777)



hoàng hoa

Lâm nhung ô! màu lưng chừng trời
Xanh nhung ô! màu phơi nơi nơi
Vàng phai nằm im ôm non gầy
Chim uyên eo mình nương xương cây
Đây mùa hoàng hoa, mùa hoàng hoa.
Đông nam mây dùn nơi thành xa...

Oanh già theo quyên; quên tin chàng
Đào theo phù dung: thư không sang!
Ngàn khơi, ngàn khơi, ta ngàn khơi!
Làm trắng theo chàng qua muôn nơi
Theo chàng ta làm con chim uyên:
Làm mây theo chàng bên nhung yên.

Chàng ơi, hồn say trong mơ màng
– Hồn ta ? hay là hồn tình lang ?
Non Yên tên bay ngang muôn đầu
Thâm khuê oan gì giam xuân sâu ?
– Ai xây bờ xanh trên xương người
Ai xây mồ hoa chôn đời tươi ?

(trích *TÌNH KHUYẾT*)



Cuối thu

Đêm nay hồn lặng làm sao
Cánh thu ôm cả chiêm bao vào lòng
Sao xanh lợt tím tơ đồng
Gió ơi là gió! buồn đông thổi về.
Không gian mưa lệ đầm đìa
Đầy sân trắng toát hoa lê đầu mùa.
Trời lam ứ đặc tình thu
Ô kia! mây bạc nặng lùa về tây
Hồn sao không động mà say!
Chà! đôi chim khướu nó bay tung trời...

Nhạc đầu bỗng vót từng khơi
Hồn theo với nhạc, hồn ơi là hồn.
Buồn thôi như rượu thấm dần
Lên men nồng khướt, xoay tròn trên không.

(trích 7777 7777)



Nghê Thường

Ôi trời hôm nay sao mà xanh!
Ngọc trắng xây vàng trên muôn cảnh
Nhưng mây tê ngời sao kim cương
Dạ lan tê ngời say men hương

Lầu ai ánh gì như lưu ly ?
Nụ cười ai trắng như hoa lê ?
Thủy tinh ai để lòng gương hồ ?
Không gian xa cừ hay san hô ?

Đêm ôm hồn tôi chơi phiêu diêu
Bắt gặp nàng thơ diện yêu kiều,
Man mác cho nên nhớ chị Hằng

Hai tôi nhíp nhàng lên cung trăng...

Ô! là ngọc thạch hay trân châu ?

Mã nào bay là hổ phách đây ?

–Cung thiềm vắt vẻo cài lên mây.

Tiên nữ ra chào, tình ngây ngây...

Này! muôn ngọc nữ ngớp y thường

Tóc quyện hay mùi tô hợp hương

Uốn mình say lượn sóng xiêm nghe

Khúc Phụng Cầu Hoàng sôi dê mê...

Diễm lệ Hằng Nga bước xuống đèn

Điệu ca thần diệu vắng đưa lên

– Chúng tôi lạc giữa mộng như gà

Ngỡ vướng vào muôn tơ lụa sa...

... Hai tôi vừa ghé bến sông Ngân

Ô! nàng Xuân Hương ngực để trần

Ngâm bài “Vấn nguyệt” tiếng trong ngần

Nhìn xuống nhân gian cười như điên.

(trích 7977 7977)



Mộng

Ô! Mộng đêm thu, mây vút xa
Say sưa lộ sắc cạnh đào hoa.
A ta! Lý Bạch! hồn ba lệ!
Rượu nốc vào: rung khúc đập ca..

Mộng trắng phau phau, vót cung nga
Xuân Hương! người ngọc máu say ngà
Nhân dây tơ loạn, buồn lơ lả
Đờn phát hương trăng nẩy điệu ra

Muôn dặm sông Ngân, còn mộng lớn
Ô! là đài điện ánh trên châu...
Có người thi sĩ nhật hoa rụng
Những cánh đau thương sắp mặt lâu!

(trích 7777 7777)



Quả măng cụt

(Chất ngọt da thơm vào giữa mắt
A ha! mùi sữa mớm vô răng)

Ôi khối tình! khối mộng
Lộ sắc tương mùa thu
Màu da huyền lên nước
Sóng mặt nổi vân nu.

Môi ai làm hoa nở.
Mời mọc khách qua đường
Ôi bàn tay rạn mỡ
Cả một bầu thanh hương!

Múi trắng sao như ngọc!
Múi mát tợ thịt thơm!
Môi hoa ai mời mọc
Ngọt lịm đến linh hồn!

Những hòn răng anh ánh
(Đây không phải hòn trăng)
Hiện ra sau núi ngọc
Cười vỡ cả không gian!

(trích *TINH HUỆ*)



Đồ Mi hoa

Lòng nao nức như hương trầm mới dậy
Gió tâm tư say chúi nửa lừng mơ...
Đêm kim sa hay sao mà run rẩy ?
Không khí men, trăng liễu mướt đường tơ.
Đây một đoá Đồ Mi – ta đón lấy
Áp hồn hoa... đem đặt giữa bài thơ.

Dài nồn nhụy hoá nguồn trinh tinh khiết
Uớp một làn hương rượu quyện láng láng
Trần cánh trắng biến ra da thịt tuyết
Một tiên nương mùa tựa một giai nhân,
Ngửng đôi mắt chứa mùa xuân phẩm tiết
Giữa bài thơ... đưa vắng tiếng ngân ngân

Ô! sắc đẹp, anh hoa hồn vũ trụ
Phẩm tràng sinh! tinh chất khí âm dương!
Mi làm long phím lòng muôn trinh nữ
Muôn tài hoa nghiêng trước vẻ thiên hương
Mi rớt ngọc cho vang muôn tình tứ
Mi nhả sâm ngọt lịm vạn sâu thương

Giai nhân đi trong chiêm bao ảo lả
Để lời ca gợn sóng khí hoa men
Tay búp sen kẻ lên vàng óng ả
Những đường thêu kim tuyến rúng đêr huyền.
– Ngừng hơi thở... ta nép trong bóng lá
Để vần thơ theo nhịp điệu thuyền quyên

Ta những muốn sâu thương thối biểu lộ
–Sắc trong màu, màu trong sắc; hân hoan...
Ta những muốn mùa đông nhường lại chỗ
– Nhạc gầy hương, hương gầy nhạc; lan man...
Ta những muốn màn đêm về cõi mộng
– Cả không gian là bể sáng tràn lan...

Rồi sắc đẹp hiện ra trong chính phẩm
Linh thiêng như mây nước đỉnh Nga Mi
Và muôn hồn hoa lên vì say ngắm
Và muôn lòng phát tiết cả uy nghi.
– Đêm nầy đây ngời ngọc ngà sa gấm
Sắc đẹp vừa hiện giữa đoá Đô Mi.

(trích 79777 77777)



Nàng bước tới

Nàng bước tới như sông trăng chảy ngọc
 Như nắng thơm hớp đặc cả nguồn hương
 Là nơi đây đoàn tụ nhạc mười phương
 Ứ thành xuân cho niên hoa bất tuyệt
 Cho mở rộng muôn cảm hoài tình khiết
 Cả thời gian dồn lại ở bàn tay
 Hồn hoa men ôm cả trí đêm nay
 Tìm thi vị bay rờn qua ý sắc...
 Ai giam lỏng một vì sao giữa mắt
 Ánh con người hàm súc biết bao lời ?
 Lời truyền sóng đánh điện khắp muôn trời
 Chữ bí mật chứa ngấm hơi chất nổ^(*)...
 Nàng bước tới là tìm tôi lay đổ
 Đường thẳng thiên tình cứ việc bay lên
 Tôi lay trời, tôi lay cả vô biên
 Tình tôi sống vì ăn nhiều ánh sáng
 Nao nao quá, hồng thơm vị ửng rạng.
 – Quả nhân duyên mùi mẫn vị phong trần.
 Nàng! Nàng! Nàng! không có nữa châu thân
 Xác là mộng mà tình là tuyệt đích
 Hỡi không gian! hãy tan ra tiếng địch

(*) Tài liệu khác: Chữ bí mật chứa ngấm bao thuốc nổ

Của lòng yêu ca ngợi tuyệt vời cao
Hỡi trần gian! Hãy chết ngọt trong sao
Cho chân lý ngời ra như lưỡi kiếm
Cho tình ta xô đôn sang cực điểm
Và hào quang khiêu vũ với hào quang...

(trích 7777 7777)



Song Châu

Tôi nói làm sao – Cái đẹp cầm
Đẹp trong pho tượng xuất ra thân
Một con người mộng – con người mộng
Trẻ nải thanh tân biếng nhác thắm

Muôn sợi đàn tơ buông loã xoã
Về gì sùm sụp ướm trên mi
Về gì dã dượi không lay động
– Cặp mắt mùa thu đương đắm si

Ôi đẹp đau thương sáng thiết tha
Hồn ơi! Cặp mắt mở men hoa
Hồn ơi! Cặp mắt say thơ mộng
Dần biến ra châu trắng mịn mà

Tới đắm hồn tôi cho chết say
Như hoa mảnh khảnh xác thu gầy
Ở trong cặp mắt như châu ấy
Và biến ra châu lã chã đây

Em cũng là châu, lệ cũng châu
Mắt tôi đỡ khát biết bao sâu
Biết bao ánh ngọc rung rinh nổi
Giữa bể vàng mơ giữa cảnh mơ

(trích 7997 HUYỆT)



Tôi chết rồi tiếng nói như châu

Tôi chết rồi! Tiếng nói như châu
Vỗ sóng vàng mơ động mái lầu
Người đứng người đi người hỏn hển
– Tình tôi khóc mức ở chiêm bao

Tôi chết rồi! Tiếng nói như châu
Tản mác ra muôn vạn ý sâu
Người khóc: “Tình ta thơ mộng cả”
Để tìm khoái lạc ở chiêm bao

Tôi chết rồi! Tiếng nói như châu
Ánh sắc phương phi rất nhiệm mầu
Tôi sù tình trong đôi mắt ướt
Mơ màng phối hiệp ở chiêm bao

Người khóc ? thiên tài của anh mô
Cho em ôm ấp chốn phòng thu
Cho em thờ phụng như châu báu
Rồi chết theo em tận đáy mồ”

(trích 79777 77777)



Đây bản đàn thơ

Đây bản đàn thơ rất xốn xang
Là đôi mắt biếc của mơ màng
Màu thu lướt lướt trong làn sóng
Run rẩy cảm hồn nức nở than

Thơ tôi lưu luyến giữa dòng châu
Trẻ nãi cho nên ứ mộng sâu
Châu vỡ thiên tài lai láng cả
Chết rồi, khí phách của tôi đâu ?

Tôi đã hôn lên đôi mắt thơ
Rồi mang đôi mắt ở trong mơ
Giờ đôi mắt hiện xanh như ngọc
Ám ảnh hồn tôi đến ngắt ngư

Tôi chết ngay đây chẳng nói rằng
Cả mình lạnh khớp đến hàm răng
Thần gì đã xuất ra đôi mắt
Vội đẩy hồn tôi tới bóng giăng

Một bóng giăng rồi một bóng giăng
Hồn vẫn phiêu lưu^(*) rất nhẹ nhàng
Đến mút không gian là bát ngát
Một trời thơ mộng đẹp mê man

Châu báu có chi không động đậy ?
Bầu xanh đầy đặc vẻ huyền mơ
Cơ hồ không khí thanh bai quá
Y sắc thiêng liêng sáng dật dờ

Bỗng khúc dương cầm nức tiếng thu
Bỗng đôi mắt ngọc hiện xanh mờ...
Và châu và báu và thanh khí
Nức nở tan thành vụn giọt thơ

(trích 7777 7777)



^(*) Tài liệu khác: phiêu diêu

Tranh lửa thế

Dáng tâm xuân uốn trong tranh tố nữ
 Ô tiên nương! Nàng lại ngự nơi này ?
 Nàng ở mô ? Xiêm áo bỏ đâu đây ?
 Đến triển lãm cả tấm thân kiều diễm
 Nàng là tuyết hay da nàng tuyết điểm
 Nàng là hương hay nhan sắc lên hương ?
 Mắt ngài châu rung ánh sóng Nghe thường
 Lệ tích lại sắp tuôn hàng đũa ngọc.
 Đêm u huyền ngủ mơ trên mái tóc
 Vài chút trắng say động ở làn môi
 Hai vú nàng! Hai vú nàng ? Chao ôi
 Cho tôi nút một dòng sâm ngọt lộng
 Ôi lồ lộ một toà hoa nghiêm động
 Tôi run run hăm lại cánh hồn si...
 Ô hai tay rơi chén ngọc lưu ly
 Ô hai chân nở màu sen ảo lả
 Cho tôi nàng! Cho tôi nàng! Tất cả...
 Tôi miên man uống lại mộng quỳnh giao
 Cho dê mê, chơi với, hồn lên cao
 Một tinh cầu sẽ tan ra biển lệ...
 Tiên nương hỡi ? Nàng sống trên thế hệ
 Bóng thời gian phải quy dưới chân nàng
 Xuân muôn đời di dương giữa vùng tang

Gương phép tắc suốt soi ngàn mộng ảnh!
Cớ làm sao nâng niu bầu giá lạnh
Ấp tranh người, lơ đãng ngắm thi nhân ?
Hay nàng nhớ nhung các phượng đềm lân
Hay nàng ước mơ tình trong trắng ngọc ?
Ôi! Nàng ôi! Làm sao nàng chẳng khóc
Người thi nhân, vẻ đẹp của khiêu dâm
Trăng thanh tịnh còn lóng trong thơ câ
Nhạc vô minh hằng sôi trên nét chữ ?
Ôi! Nàng ôi! Thốt lên, lời ngọc nữ
Lời trần châu rún cả phím lòng tôi
Ngọc Kiều! Ngọc Kiều! Đến cặp song đôi
Cho tôi đo vẽ hương trời sắc nước
Vẽ huyền diệu ứ men say lướt lướt
Vẽ yêu tinh đồn giận thấu vô gan
Ta thiệp đi – trong một phút mê loạn
Xuống muôn đợt rồi bay lên tột bực...

(erich 77N7 777E7)



Xuân tượng trưng

Hỡi lời ca man dại
 Điệu nhạc thở hơi rừng
 Đêm nay xuân đã lại
 Thuần túy và tượng trưng
 Nâng lên núp vú đôi
 Sữa trắng nhi nhĩ giọt
 Bay qua cụm liễu phơi
 Những cườm tay điểm hột
 Sương phát phơ lau lách
 Khe uốn mình giai nhân
 Đường non khéo điêu khắc
 Những dáng hình khoả thân
 Lụa mây nẩy vàng chạm
 Tía ngọc bén màu ngân
 Chúa xuân đương triển lãm
 Lời ca như hạc theo
 Gió lên. Tình múa reo
 Những điệu vàng châu báu
 Đường có con chim báu
 Rửa cánh trên ngai lòng
 Xòe xòe màu lông công
 Vườn thơm khua sắc mát
 Rong uốn vốc từng công

Ao bạch mai khoát khoát
Môi đào chờ khoái lạc...
Hồn tôi như đỉnh hương
Bốc lên mình thánh giá
Ý xuân mát đến xương
Ngậm tuyết phun lá chả

(trích Tinh Hoa)



mộng Xuân Hương

Nửa cánh giang hồ bạt nhớ thương
Đêm nay buồn lắm, gục bên giường
Ngoài ly Lý Bạch trời như mộng
Sau khói phù dung mộng có hương
Thì mộng: Xuân Hương nường đã đến
Thưa cô, dáng nguyệt tuyết còn vương
Tỉnh ra thì thấy mình trong mộng
Nửa mảnh trăng treo một mặt buồn

(trích Tinh Hoa)



Hồ Xuân Hương

Canh sương quán lạnh nguyệt tà song
Bên gối hương lan đến ấp lòng
Người vợ trong thơ gần cách mộng
Đêm nay chẳng biết có về không ?

Văn chương quán thế không ai biết
Trong mộng mình về thưởng với tôi
Xanh liễu ngoài song thay đổi lá
Đã ghen tài sắc mấy đêm rồi ?

Đến nay nửa gối nghiêng nghiêng mộng
Muôn dặm người xa đã thấy về
Xanh liễu ngoài song vừa đổi biếc
Màu thi sắc lá độ dung nghi.

(trích Tinh Hoa)



Tóc xõa đàn tơ

Tóc xõa đàn tơ rơi lướt thướt
Hồn thu đã hiện khóc thu gầy
Tôi nhìn đôi mắt rưng rưng lệ
Cả mảnh hồn thơ rợn ý say

(trích Tinh Hoa)



Hàn Mạc Tử

Bóng nào nhợt như ma
Khắp châu thân hỗn hển
Huyền hồ nhìn không ra
Lưu luyến dường thiết tha
Chờm chờm trên gương bệnh ?
Bóng nào nhợt như ma
Khắp châu thân thấp thển
Huyền hồ nhìn không ra ?

Hay là tôi hoá dại
Đã chết đi một nửa
Hay là trời ban mai
Bị mù sương vây bủa
Làm buồng ngập hoàng hôn
Ảnh hưởng tới linh hồn
Tiểu tụy

Hiện ra hình ủy mị ?

Bóng nào trắng dần ra
Trên đầu đơm vòng hoa
Khấp thân in màu tuyết
Trong trẻo và diễm tuyết
Tỏ tỏ gần như nguyệt
Biếc biếc gần như thu
Đều qui trên nét mặt
hoàng hôn phai mờ sắc
Buồng ban mai trắng ra
Ôi, ôi không là ma
Đừng nhìn trong ý ứ
Quanh quẽ nhận không ra
Gần rồi không còn xa:
Hàn Mạc Tử!
Châu lệ thấm tình say
Gặp gỡ có hôm nay
Chiêm bao ngày liền ngày

Ngoài mình, ai mà hay ?
“Anh ơi từ đâu đến ?
Em buồn em đang bệnh
Anh ơi sao ra hai
Huyền hồ trong phi thai ?
Hóa thân trong phương phi
Người em rày mệt quá
Mà nay gặp cố tri
Hai tay, đây rả rả ?
Dìu lấy cùng nhau đi”
Lời nức ra hơi hương
Dìu dịu tỏa trong buồng
“Anh ơi tôi mới đến
Là hiện thân của bệnh
Quần quại đau xót xa
Máu mủ không nhìn ra
Giờ phương phi! phương phi!
Là hình thơ tinh vi
là hình thơ qui y
Mướt trong màu tuyết vẽ
Hai ta đều quạnh quẽ
Đứt ruột nhớ thương nhau
Nấn ná sẽ lia nhau
chiêm bao còn thấy nhau

Rùng mình ta nhìn ra
Huyền hồ đà như ma
Ôi không phải là ma
Gần sao mà còn xa
Lại đây là quê nhà
Hàn Mạc Tử! Hàn Mạc Tử!
Qui Hoà! Qui Hoà!

(trích Tinh Hoa)



Hai tiên nữ nhớ

Lưu Nguyễn

Khúc Nghê vắng lỵ lâu rồi
Mộng tiên dài dặc, mộng người biết đâu
Trời trong động, quanh xuân sâu
Nẻo trần không lối rầu rầu trăng soi
Hương đầy suối, cánh đào trôi
Men khe cát trắng, cỏ thôi bơ sờ
Sương mai đê gió mơ hồ
Sống đành không chốn hỏi dò lưu lang

(trích Tinh Hoa)



Cùng người trong hội

Trong sách có người ngọc
Khép cửa mặt hoa xuân
Đốt lò vàng. Mở quyển
Tương hội với tân nhân
Ngu Cơ theo Bao Tự
Phi Yến lẫn Ngọc Chân
Người đẹp ở trong quyển
Niên hoa mãi có phần
Ngoài trời là mộng cả
Hương lại thêm vài phân
Người như Trang Đạo Uẩn
Ta như khách Tô Tần
Tương kỳ cùng tương ứng
Tương cảm lại tương thân
Cùng nhau ta hoan lạc
Hư thực chẳng phân vân

(trích Tinh Hoa)



quê Liên Tâm

Nhờ Quách Tấn trao lại

Canh sương tiếng hát vẳng kia sông
Thơ đẹp em đang ướp cạnh lòng.
Thưa chị đêm nay dường nhớ quá!
Đưa thư hồng nhận biết mang không ?
Một nhành mai trắng rung rinh ngọc
Đôi cụm sao vàng lớt đớt bông.
Muốn thấy người xa trong giấc mộng
Khuya lơ còn tựa ở bên song

(trích Tinh Hoa)



Lên Kim tinh

Thơ thủy tinh nơi lòng trắng mật
Nhạc thiên nhiên đầy nhạc pha lê
Đêm nay gấm trên nền xanh lục
Bút thi nhân mềm chữ tơ đề:

Lên Kim tinh xác bằng thanh khí
Đất lưu ly không khí xạ hương
Cây du dương lâu đài sóng sóng
Trên biển châu trời lộng kim cương

Trăng có đôi: rung rung ánh ngọc
Mùa rất cao: đẹp xuống anh hoa
Chàng gặp chàng: lời bay ý sắc:
Khí trang nghiêm và chuyển thần qua

Nàng Vệ Nữ theo nàng Vệ Nữ
Áo âm dương gió tóc thơm rừng
Người như nhạc trong xuân bằng nhạc
Thơ tình rờn đội báu linh lung!

(trích Tinh Hoa)



Tính chất ngàn xuân

Tính chất ngàn xuân hiệp lại ta
Minh như chim tước nhẹ bay qua
Ở ai êm luyến màu nhan sắc
Níu thiếp mơ loàn vẻ nguyệt ba
Sơn trẻ thiên tài lông hạc múa
Xanh tươi nghệ thuật bút đào pha
Đâu đây lãnh đăng bầu hương nhạc
Phất phất gần như phất phất xa

(trích Tinh Hoa)



Dặm mòn

Ơ! chiều mùa thu sao mà buồn

Tầng khói biếc đầy tràn về thôn
Giòng sông như dờ không muốn chảy
Có phải hôm nay chở nặng hồn ?

Gió về mang cả mùi lãng tã
Buồn cất lên đên những miếng đen
Người viễn khách, lòng sầu vạn cổ
Dặm mòn muốn gặp một người quen

(trích Tỉnh Hoa)



Giọt lệ trích tiên

Sông dài chảy tận về đâu
Non xanh xanh mãi bên sâu thế nhân
Lòng này gửi Hán Vân có được
Xin gửi về non ngọc dài dao
Bụi hồng cách mấy hoa đào
Bụi hồng cách mấy hoa đào nẻo xưa
Nước lạnh lòng sông đưa lá thắm
Cuốn nổi buồn thăm thẳm vào chãng ?
Non còn mãi ngó vùng trăng
Bàn cân nhân sự sao bằng mộng mơ
Vắng tiên, hạc bơ vơ dưới thế
Gảy tiên cầm điệu lẻ trong sương
Sông Ngân cách mấy sông Tương
Sông Ngân cách với sông Tương mấy trời
Chưa xong một tiếng cười Bao Tự
Hẹn ngày về mấy độ chiêm bao
Gió hương đưa lại đồng sao

Trâu bầy ăn tại đồng sao xanh rì
Lại đưa đến Diêu Trì thuở trước
Hội Bàn Đào chén ngọc rời tay...
Ao xuân lỏng bóng mây bay
Rèm châu tuyết phủ mây bay nửa lầu
Sông dài những tương tư trời rộng
Non xanh còn đứng mộng vùng trăng

(trích Tinh Hoa)



Duy tân

Đường kiến trúc nhịp nhàng theo điệu mới
Của lời thơ lóng đẹp. Hạt châu trong
Hạt châu trong ngời nhỏ giọt vô lòng
Trần âm hưởng như chiều thu sóng nắng
Trong vòm xanh. Màu cười^(*) màu, bình lặng
Gây phương phi: chiếu sáng ngả sang mờ
Vì hình dung những sắc mát, non, thơ

(*) Tài liệu khác: cười

Như mặt trời lọc qua khóm liễu, một
 Hoàng hôn. Ôi đàn môi, chim báu tốt:
 Chữ biến hình ảnh mới, lúc trong ngâm
 Chữ điêu khắc, tựa nghệ thuật sâu cam
 Đây thẩm mỹ như một pho thần tượng
 Lúc trong ngâm, giữa kho vàng mộng tưởng
 Múa song song khiêu vũ giữa^(*) đêm hồng
 (Những con cừu tim trẻ mướt như lông
 – Men da thịt lên lần sa lụa mỏng,
 Mỗi con cừu bốc lên men hy vọng...)
 Thơ nhịp nhàng ý nhị nhịp theo Thơ
 Tôi cắn vào trái bồ vỏ xanh mơ
 Tìm chất quý thơm tinh mùi khoáng lạc
 Bằng hơi mộng, trong hàm răng, tản mát
 Mộng?

Thiên tài?

Trên hỗn độn khoả thân

Đẹp tử mỹ, hơi rung động truyền thần
 Ròng âm nhạc của lòng trai ấp má
 Người họa điệu với thiên nhiên, ân ái.
 Buồn, và xanh trời (Tôi trôi với bờ
 Êm biếc – khóc với thu: lời úa ngò
 Vàng ... Khi cách biệt - giữa hồn xây mộ –

(*) Tài liệu khác: dưới

Tình hôm qua – dài hôm nay thương nhớ
Im lặng nhìn bóng ý, lặng lẽ lên
Những dáng hình thanh khí...). Giữa mông mênh
Đường nhiếp ảnh, sắc khua màu – Tiếng thở
Hơi hội họa, đến muôn đời nức nở!
Ta nhịp nhàng ý nhị nhịp theo Ta.
Lời nối lời bố thí lộc^(*) tinh hoa
Của âm điệu mơ màng run lấy bấy
Một hồn độn đẹp xô bồ say dậy
Bằng cảm tình, bằng hình ảnh, yêu thương
Và mới mẻ – trên viện cổ Đông phương!
(Ai có nghe sức tiềm tàng bí mật ?)
Thơ loã thể! – Giai nhân tuần trăng mật
Nữ thần ơi! Ta nô lệ bên người

(trích Tinh Hoa)



^(*) Tài liệu khác: lộc

Ngón giai nhân

Đây em gượng khúc tranh này
Mới lên trục gấm nét mày đã cau
Em ơi nhấn mạnh thì đau
Em ơi nhấn nhẹ khôn lau nét buồn
Tiếng mau e ruột như cồn
Lại trong tiếng đục lũng hờn bấy thân
Tình anh lụy ngón giai nhân
Sống lia nay được ấy ngần đoàn viên

(trích Tinh Hoa)



Tiếng đàn mưa

Mưa hoa rụng, mưa hoa xuân rụng
Mưa xuống lâu, mưa xuống thêm lan
Mưa rơi ngoài nẻo dặm ngàn
Nước non rả rích giọng đàn mưa xuân

Lầu mưa xuống, thêm lan mưa xuống
Cùng nước non mưa rụng hoa xuân
Mưa rơi ngoài nội trên ngàn
Nghe trong ý khách giọt đàn mưa rơi

Đầm mưa xuống nẻo đồi mưa xuống
Bóng dương tà rụng bóng tà dương
Hoa xuân rơi với bóng dương
Mưa trong ý khách mưa cùng nước non

Rơi hoa hết mưa còn rả rích
Càng mưa rơi càng tịch bóng dương
Bóng dương với khách tha hương
Mưa trong ý khách muôn hàng lệ rơi

(trích Tinh Hoa)



Đêm Xuân đến thôn Vũ Dạ

nhạc Tân Sáo

Ti trúc mê ly xuân dưới nguyệt
Cỏ hoa vờ vật mộng trong hương
Tràng An thú ấy ai không biết
Vũ dạ đêm nay khách chập đường

(trích Tinh Hoa)



Huế Sa tình

Thu về lạnh sắc tà dương
Hoàng cung chùng đã hơi hương bay hồn
Thuận An khuất bóng hoàng hôn
Gió bao giờ thổi lại hồn tràng giang
Nơi đây rụng đổ lá vàng
Lãng vua xa lắm, dặm đàng nhạt xanh
Dòng Hương in gái nguyên lành
Là thuyền du khách thanh thanh tiếng đờn
Vỹ Dạ thôn, Vỹ Dạ thôn
Biếc che cần trúc không buồn mà say
Non xa trắng đã tròn đầy
Em ơi để mặc lòng ngậy lên mùa
(trích Tinh Hoa)



Dưới trăng ngồi gảy đàn

Mây nước mê ly cầm dưới nguyệt
Cỏ hoa vờ vạt mộng trong hương
Tĩnh hồn như có ai kêu gọi
Ngàn liễu trắng soi ngát dặm đường

(trích Tĩnh Hoa)



Tiếng ca

Ta đến sau màn vắng tiếng ca
Ta đi ca lý vọng theo ta
Khúc người khuê phụ hầu ông lớn
Sâu đối đông quân điểm nọ hoa

(trích Tĩnh Hoa)



Nam hành

Mâm vàng đây, đĩa^(*) ngọc đây
Tiệc hoa sang, rượu chung đây
Trông ra mây nước muôn trùng biếc
Nước ái non tình bóng nguyệt đây^(*)
Tiếp ly cạn, cạn ly đây
Năm con một vợ ngồi vòng xoay
Nhạc chim thanh tước rót về đây
Đổ cành vàng lá lục
Nâng chén tình ròn ca một khúc
Tiệc hoa hê, chén ngọc hê
Giang hồ vút cánh sau^(*) chung rượu
Năm vẻ rồng bay ánh sắc mây
Tiền ròn bạc tốt trong tay trắng
Danh nghĩa cao sang tợ mặt trời
Tiếng xe rồn rảng sau bờ trúc
Bóng vợ bóng con lẫn bóng cây
Đồng liễu tây đào ngồi khép nép
Nẻo xuân rữ gấm phủ hoa đây

(*) Tài liệu khác: dưa

(*) Tài liệu khác: rây

(*) Tài liệu khác: say

Mình ơi! Rót chén này
Nụ cười Bao Tự điểm xuân ngây
Rạng màu yến tiệc ngọc lung lay
Xa xa đường thoảng tiếng châu reo
Dặm cỏ ven đồi huê lác đác
Ngựa ai rung lạc tiếng trong veo

(trích Tinh Hoa)



Làng em

Nơi đây: làng cũ buồn thu quạnh
Anh có khi nào trở lại chưa ?
Ngày đi chậm lắm. Giòng sông biếc
Cứng sáng trong trời sợi sợi mưa

Nơi đây: Thành phố đời ngưng mạch
Mấy nàng lai khách vẫn buồn mơ
Đường lên hội quán sương khuya xuống
Đâu mấy chàng trai rồi nhớ hờ ?

70 năm đọc thơ Bích Khê

Anh có khi nào còn trở lại
Chờ lúc hoàng hôn trắng đã lên
Tìm ngõ nhà em anh sẽ thấy
Khóm lan thơm nặng khí ưu phiền

Là lúc đêm về trên mái ngói
Những nhành nhân muện cánh dơi bay
Em đang nổi bệnh trong phòng vắng
Tình đậm theo trăng sáng sáng đây...

(trích Tinh Hoa)



Ngũ Hành Sơn

(tiên)

Lên chơi hòn Non Nước
Gót trở ngọc song song
Chàng ơi đêm đã ước
Mắt sao trên sườn cong
Long lanh ngời, sáng, mướt
Là gấm hay là nhung

Những hình điêu khắc nổi
Sắc sỡ voi uốn ngà
Cánh dơi nghe phát phới
Tiền đồng bước giữa hoa
Mục đồng lưng trâu cỡi
Thổi sáo bên rừng mai
Bí mật trời thiên thai
Động Huyền Không bốc khói
Lờ mờ đường lên mây
Chén trắng vừa tằm với
Chàng ơi vàng ròng đây
Kề môi say ân ái
Nhà nhà đậm râu xanh
Dàu dàu màn sương quynh
Là là bông ren lụa
Gót trở gần mà xa..
Hiện lên đôi thạch nữ
Sữa trắng như tuyết pha
(Nhi nhĩ nơi một vú)
Chàng ơi lòng vữa sao
Khi hứng giọt thơm ngào
Thôi lên đài Vọng Hải
Nhìn kim cương rưng rưng
Nhạc vàng đầu bay lại
Trời nước lộn trong sương

Hình trập trùng múa nhảy
Trên nền sóng rung rinh
Những tiên nữ trắng tinh
Ngang thân làn biếc khoả
Ty trúc nhấn gần xa
Lay bay hơi báu tỏa
Miệng nào rục điệu ca
Tóc nào buông lỏa xỏa
Mắt nào diên long lay
Tay nào như sắp bay
Gió lồng hang Âm Phủ
Hoa mộng thắm màu thâm
Bóng đa phờ tóc rũ
Ô con tinh đứng nằm
Đưa vông hát ru con
Điệu buồn trợn giọng cú
Làm ứa mảnh trăng lòn
Hai ta là mảnh vỡ
Của ngai báu thiên đường
Hai ta là chất bổ
Cắn ở trái Đau Thương
Chàng ơi đêm nín thở
Để hồn biến ra hương
Chập chờn trong nữ yêu
Vào ra theo răng lựu

Chập chờn trong ba tiêu
Dường mưa thu nhỏ giọt
Chập chờn trong tiếng chuông
Điểm kinh ngân thánh thót
Chập chờn trong bể sương
Lượn theo nếp y thường..
Hai ta là mảnh vỡ
Của ngai báu thiên đường
Hai ta là chất bổ
cắn ở trái Đau Thương
Ái ân là Ô Thước
Cây ngọc trở vãn chương
Lên chơi hòn Non Nước
Ôm nhau chết bên đường
Mơ màng trắng hạc rước..

(trích Tinh Hoa)



Ngũ Hành Sơn

(Hàn)

Lại chơi hòn Non Nước
Chẳng mọc cánh mà bay
Bạn bè thôi bỏ hết
Ngất ngưỡng Vọng Hải đài
Ngó lên trời xanh ngất
Cheo leo quán sông Ngân
Phải chăng chàng Lý Bạch
Ngồi chuốt chén đêm ngày
Thuyền neo bên lau lách
Sông lạnh bóng sao rơi
Mặt nước vỗ bành bạch
Da trắng trắng tợ hào
Đứng trên đài Vọng Hải
Ngỡ tới Hoàng Hạc Lâu
Tuyệt thay hòn Non Nước
Hồn Thôi Hiệu ở đâu
Kim, Mộc, Thủy, Hỏa, lạ
Trên, dưới, đất, trời, châu
Vàng sao ngời mắt rạng
Sương châu nhỏ giọt sa

Gọi sắc cỏ thơm dầy
Lát quất khí rừng hoa
Gọi hồn đại hải lại
Nhập khói động Huyền Không
Điều thú về hết thủy
Phụng hoàng múa theo công
Rồng xuống khoe năm vẻ
Bạch viên ngoạn trái đào
Thần tiên rủ yêu quái
Cử lên nhạc tiêu tiêu
Sức nức lò hương xông
Trập trùng màu xiêm áo
Lác đác trở mưa bông
Phật Như Lai thoát hiện
Trên bảy sắc cầu vồng
Quái thay hòn Non Nước
Nghe giảng đủ mười tông
Muôn năm lòng đá rắn
Nhuần thấm giọt từ bi
Biển xanh thay chất mặn
Rừng thắm lọt hơi sâu
Có ai biết trên cao
Da trời màu thịt sữa
Da trời se chất sữa
Thuyền cảm hứng mệnh mông

Gió thơm vung nổi dậy
Cảnh sắc biến thành không
Ta trên đài Vọng Hải
Ngất ngưỡng mặt thần đồng
Khô ngô và lấm liệt
Cát tiếng hát trong veo
Trước chơi hòn Non Nước
Vần điệu ngọc vàng reo
Nay chơi hòn Non Nước
Thi hứng, suối tuôn đeo
Không hiểu người đến trước
Mấy kẻ biết “đăng đài”
Không hiểu người đến sau
Ngất ngưỡng sẽ là ai
Từ nay lên ngọc điện
Chỉ nhượng Phật Như Lai
Lượn theo thế biển rừng
Xếp lại hình lá cỏ
Động hoá mây năm vừng
Đại bàng bay chẳng tới
Ngòi Nhược Thủy bao quanh
Suối Thiên Thai chảy đặng
Rắn bẫy đầu đến khoanh
Bảy lần đài Vọng Hải
Ta sẽ ngồi nhập định

Bốn mươi chín ngày đêm
mặt nguyệt rớt êm đềm
Mặt trời tuôn sáng tạo
Thần trí mở kho tàng
Tượng trưng vầy cao đạo
Chỗ chính phẩm văn chương
Ta bước xuống long sàng
Viết trên hai tảng đá
Bài hậu Ngũ Hành Sơn
Ngó trời cười sáng sáng
Trở lại giữa bạn bè
Vỗ hai bàn tay trắng!

(trích Tinh Hoa)



Ngũ hành sơn

Quái thay núi thấp nước danh đồn
Tuyệt nhất năm hòn ngọn Thủy sơn
Chẳng suối Phong Nha nghe róc rách
Chẳng mây Hồng Lĩnh thấp chờn vờn
Giữa trời bóng nguyệt lỏng vô động
Trên biển mù sương thổi lại non
Tiền hậu hai bài ngâm chứa dứt
Hồi chuông thiên cổ động bon bon

(trích Tinh Hoa)



Trên núi Ấn nhìn sông Trà

Trà Giang Thiên Ấn chuông gầm sóng
Vang tiếng ngàn năm đất Cẩm Thành
Ngàn năm quả Ấn nằm trơ mốc
Một giải sông Trà chảy sậm xanh
Xót hồn cổ độ sương vài giọt
Xịch bóng tà huy nguyệt mấy canh
Nghìn dặm cố nhân đâu có tá ?
Cánh chim kêu lạnh đập trong cành

(trích Tinh Hoa)



Gỗ bôn

Lieu Trai trở lại tránh vòng trần
Ma Phật mơ hồ mộng với thân!
Mặt ngọc bên trời tàn bóng nguyệt
Mình ta trước cửa thưởng hoa xuân,
Gỗ bôn chẳng thấy ai tao khách
Cách núi khôn tìm bóng cố nhân
Một tiếng trên không trong ác lặn
Hạc kêu bay lẫn đám phù vân

(trích Tinh Hoa)



Quán khách xuân về

Thân bệnh triền miên sầu quán khách
Đầu đường dương liễu xấp tươi xanh
Gởi tình cái én xuân muôn dặm
Hắt giọt lòng đông cảnh một mình

(trích Tinh Hoa)

Trăng sáng lên đò xưa

Trăng sáng giữa trời trong
Soi về miền cổ độ
Lòng ta bến đò xưa
Bóng trăng sao chẳng tỏ ?

(trích Tinh Hoa)



Chùa Ông Thu Xà

Mây trắng bay về núi Thạch chưa
Chùa Ông chim hót ở ngoài mưa
Ngồi trên gò mả nghe chuông vọng
Sắc cỏ thơm mùi kinh sách xưa

(trích Tinh Hoa)



Như nhà lảng giềng gầy Tần

(Thoát ý bốn câu sau bài
Văn gia lãn lý tranh của
Tử An Trinh đời Đường)

Khúc xong lũng tưởng cau mảy,
Lại e điệu rục lạnh tay ngọc liền.
Mấy tầng khoá bạc nghe im,
Thôi thà về ngủ để nhìn trong mơ.



Đề bia trước mộ

Thân bệnh: ngô vàng mưa lá rụng
Bút thần: sông lạnh ánh sao rơi
Sau nghìn thu nữa trên trần thế
Hồn vẫn về trong bóng nguyệt soi



Với cả tình hấp dẫn vị bằng trình

Với cả tình hấp dẫn vị bằng trình
Với cả tình thôi miên trí óc mình
Ôi! Ngây ngất trong nguồn sương khói mỏng
Thần kinh hệ muôn giây chiều rúng động
Để van lơn niềm lệ khóc khôn ngừng
Nơi cõi lòng đầy đặc ứ muôn xuân
Nơi khí rã tinh sầu và tuyết lạnh
Nơi khí rã tinh sầu và máu lạnh
Tôi dường nghe trong một phút mê man
hồn thanh thiên cho đến phách dương gian
Đều vỡ lở cho rung rinh thần thức
– Một thế giới mờ đi trong sáng đục
Và im hơi cho xuất khí âm hư..
Sao ? màu vàng vẩn vít lấy màu thơ
Với tình tiết và tên hoa vô thượng
Với đôi mắt đẹp cắm trong sắc tượng
Biến ra châu nguyên vẹn cốt thiên đàng
Nên thiên tài đang tắm ở suối vàng
Theo trực giác bay lên nguồn ngọc lệ

Cho đã khát trong mê mê huyền bí
Ánh tiên tri nức nở sóng anh linh
Đường kinh tuyến hút nhiễm chất vô hình
Dẫn địa ngục đi vào đôi giếng loạn ?



Mỹ tửu ca

Trăm năm vui được mấy hồi
Rượu ngon còn đó còn mời vương tôn
Ngựa hồng nghỉ dặm quan sơn
Thuyền bơi: sen động, khe đờn, trăng lên
Chén này khách hãy cạn liền
Ngó đôi mặt ngọc thì quên bụi hồng
Tóc mây chảy suối hương nồng
Em là Ngọc Nữ, Kim Đồng là ai ?
Chén rồi lại chén nữa đây
Núi không, đêm tịnh, nhớ say chớ sầu!
Xuân thơm tuy hết mặc dầu
Rượu ngon còn mãi khách lưu lại cùng



Năm mộ

Mây, tuyết, thời gian bay tợ nhạc
Hồn tôi đã thoát để tiêu dao
Những tờ thơ nát đầy hơi hám
Tay khách đa tình sẽ chuyển trao

Rồi những mùa thu vô hạn thương
Trở về dưới nguyệt chập chờn hương
Mùa thu ám ảnh nhà thi sĩ
Muốn thổi tiêu vàng giữa khói sương

Gió tiêu sẽ quạt buồn thanh tịnh
Về chốn thôn gia viếng má tôi
Đầy cỏ xanh xao mây lớp phủ
Trên mồ con quạ đứng im hơi

(trích Tinh Hoa)



Hàn Mặc Tử

(Nhà Thơ)

Bích Khê thi nữ thần linh

Mồng tám tết năm ngoái (1938) tôi nhận được ba bài thơ của Bích Khê ở Phan Thiết gửi tặng tôi. Ba bài ấy đã làm cho tôi sững sốt với cái khởi điểm của một thiên tài sắp sửa..

Tôi xin trích ra đây vài đoạn ở mỗi bài:

... Là mùa xuân và là mộng, là hương;
Là bao nhiêu rạo rục của lòng thương
Trong cát bụi như là trong xanh thắm
... Cửa cỏ hoa chen rất rậm;
Cửa thời gian tàn tạ lẫn muôn đời;
Cửa mền yêu cay đắng động thơm tươi;
Là thi tứ, là đức chung một áng.
(Thơ 7ú)

Anh ghi lấy ảnh. Những đau thương
Thấm tận lòng anh khổ chán chường
Anh úp mắt vào đôi mắt ấy
Rồi không ngăn được, lệ anh tuôn...

*Nước mắt tràn trên đôi mắt ấy,
Nào hay anh khóc, phải em đâu!
– Đời mô em khóc vì anh khóc,
Cho lệ lòng anh bạc về sâu!*

*Anh không rời nữa ảnh thơ ngây,
Và trở nên người dễ khóc lây.
Anh khóc... mắt anh trong mắt ấy
Để rằng:*

– Em khóc với anh đây!

(Ảnh Ấy)

*Tôi với anh không biết nhau bằng mắt
Nhưng hai tim đều lắng tiếng âm ty,
Với lệ máu cùng mờ xa muôn sắc,
Hai tim thôi đều yêu lìm trong si
(Thời Gian)*

Chùng ấy thôi mà tài và tình hoà hợp một cách song toàn rung cảm người đọc đến da diết, tê mê.

Suốt trong một năm 1938 tôi hết sức khích lệ chàng. mong mỗi ở chàng một thi sĩ xuất sắc, cao cường.

Cái hy vọng của tôi sốt sáng quá, nóng nảy quá, đã một lần đưa tôi vào sự thất vọng chán chệ và tức bực. Gần cuối năm ấy, chàng gửi ra cho tôi nhiều thơ, mà tôi chẳng lựa được

bài nào cả. Tôi gửi trả lại chàng kèm với bức thư mà tôi đã dùng nhiều lời khiêu khích mỉa mai (cốt làm cho chàng tức). Quả nhiên chàng giận run người lên và vội trả lời, thể với tôi rằng: Trong sáu tháng sẽ trở nên một thi sĩ phi thường, bằng không sẽ chẳng bao giờ nghĩ đến làm thi sĩ nữa.

Ngờ đâu sự hần học của chàng đã bật nảy thiên tài của chàng ra. Không đợi đúng sáu tháng, chỉ trong vòng ba tháng thôi, chàng đã viết được một tập thơ, viết bằng máu huyết tinh tủy và châu lệ, và tất cả say sưa, đắm đuối của một hồn thi sĩ.

RA ĐỜI...

Một bông lạ nở hương, một thứ hương quý trọng, thơm đủ mọi mùi phước lộc.

Ta có thể sánh văn thơ của Bích Khê như đoá hoa thần dị ấy.

Và đem ra phân chất, ta sẽ thấy thơ chàng gồm có ba tính cách khác nhau:

1. Thơ Tượng trưng,
2. Thơ Huyền diệu,
3. Thơ Trụy lạc,

Lối tượng trưng và huyền diệu ngời ánh như màu sắc của Paul Valéry, cho ta nhận thấy thi sĩ đã chịu ảnh hưởng của tác giả tập thơ "*Charmes*". Nhưng, chịu ảnh hưởng với một tài trí thông minh, khiến người đọc chỉ biết phục thiện mà không dám chê. Vẫn biết tài bất chước mô phỏng, ai cũng có thể làm được. Song le nếu không phải một chân tài, 'sự mô phỏng sẽ trở nên vụng về sống sượng. Và vì thế ta mới bảo trái lại là bất chước được như người đã sáng tác ra, hoặc có giá trị tương đương, hoặc xuất sắc hơn, là một sự khó khăn vậy. Bích Khê

là người có tài, có sẵn cái tài đã lâu, chỉ gặp cơ hội phát triển, là bao nhiêu anh hoa đều tiết lộ ra cả⁽¹⁾.

Sự phát triển bỗng bột quá, dồi dào quá, sẽ đưa linh cảm chàng đến một địa hạt siêu thần hơn; thơ chàng cũng như hồn chàng, sẽ qua hết những không khí nhiệm mầu, bay cao đến tột cùng của Nước – Trời hay chìm đắm dưới đáy sâu Địa – Ngục.

Sự điên cuồng ấy uyên nguyên ở một phần thiên tài, và ở một phần của “đau khổ”. Chàng là người đã “sống”. Những tình cảm sâu xa dù là ở cõi tiềm thức đi nữa, cũng đã hơn một lần nảy nở rồi... Tình cảm càng giàu sang bao nhiêu, tâm hồn chàng càng thanh thoát bấy nhiêu. Tư tưởng vì thế nhiều khi biến đổi bất thường, tin tưởng đó rồi lại ngờ vực liền. Với thời gian, trí tuệ sẽ tiến hoá, đi tới một mực quá khích, lay chuyển hết các sợi giây thần kinh trong người thi sĩ, xô đẩy thi sĩ đến những bờ bến xa lạ của cảm giác, đắm chiêu sa ngã vào sự khoái lạc của thần hồn cũng như của thể xác. Ở những miền thú vị chưa khai phá, thi sĩ khát khao hoài vọng cái mới cái đẹp, cái gì rung cảm hồn phách chàng đến tê liệt, dại khờ, dù là cái đẹp ấy cao cả, hay đê tiện, tinh khiết hay nhơ bẩn, miễn là có tính chất gây nên đê mê, khoái lạc. Tới đây, ta nhận thấy văn thơ của Bích Khê nhuộm đầy máu huyết của Baudelaire tác giả tập *Les Fleurs du Mal*. Thơ lúc ấy rất ham thích hết sức những cái gì thanh cao, như hương thơm nhơn đức của vị á thánh, hay say mê điên dại cái gì hết sức tội lỗi mà người thế gian chưa từng phạm tới...



⁽¹⁾ Xem báo Tiếng Dân, ta thấy Bích Khê được hoan nghênh về Thơ Cũ (1931 – 1936)

Bây giờ đây, mời các vị vào chơi vườn nghệ thuật của chàng. Trước hết, ta hãy đến khu vực Tượng trưng.

Thi sĩ Bích Khê là người có đôi mắt rất mơ, rất mộng, rất ảo, nhìn vào thực tế, thì sự thực sẽ trở thành chiêm bao, nhìn vào chiêm bao lại thấy xô sang địa hạt huyền diệu...

Với những cảnh trí, sự vật rất tầm thường, hơn nữa, tội lỗi, nuốc nha, rùng rợn mà chàng, trái lại thấy ở những chỗ ấy là cao siêu, là nhơn đức, là thơm tho, khoái lạc cả... Những bài như *Sọ Người*, *Khách Sạn*, *Tranh Lụa Thê*, *Trái Tim*, *Đồ Mi hoa v.v...*, đã đưa đến cho ta những sự nhận xét rõ rệt. Thí dụ bài *Sọ Người*. Ta không kịp rùng rợn với mảnh óc trắng trơn, với hàm răng như tinh, thì thi sĩ đã vội bảo ta đây là bình vàng chén ngọc chứa bao chất ngọt ngào say dại, uống đến ngất người đi cả tủy thơm cả não mát.

Ôi khối mộng của hồn thơ chếnh choáng!

Ôi buồng xuân hơ hơ cánh đào sương!

Ôi bình vàng! Ôi chén ngọc đầy hương!

Ôi hồ nguyệt đọng nhiều trăng lấp lánh!

Ôi thần tình! Người chứa một trời thương!

Người yên tịnh nhưng người đi muôn dặm

Máy thu thanh hòa âm nhạc thơm tho!

Miêng yêu kiều môn ánh sáng say no!

Nguồn trinh tiết gầy hồng tươi xanh thắm!

Bầu sữa người êm mát vạn sâu lo.

Cái sọ người không còn là cái sọ người nữa. Mất hết cả ghê rợn của sự chết, sự hãi hùng tàn phá của thời gian đối với sự vật. Để còn lại hình ảnh của khối mộng, của buồng xuân, của hồ nguyệt.

Trước kia, thối tha, nhơ nhớp bao nhiêu, thì bây giờ lại thơm tho, sạch sẽ, đến muốn cắn vào hàm răng trắng dễ, muốn nếm hết chất gì ngọt ngọt ở miệng, chất gì mát mát ở mắt, ở hai lỗ lũng, hai cái hố sâu hoắm.

Ở *Sọ người*, cũng như ở *Tranh loã thể*, sự trần truồng dâm dăng nhường lại cho ý vị nên thơ, của hương, của nhạc, của trắng, của tuyết. Quả nhiên là một sự khong khen thanh tao quá đến ngọt lịm cả người và cả thơ:

*Dáng tâm xuân uốn trong tranh Tố nữ,
 Ô tiên nương! Nàng lại ngự nơi đây ?
 Nàng ở mô ? Xiêm áo bỏ đâu đây ?
 Đến triển lãm cả tấm thân kiều diễm.
 Nàng là tuyết, hay da nàng tuyết điểm ?
 Nàng là hương, hay nhan sắc lên hương ?
 Mắt ngời châu rung ánh sóng Nghê thường ;
 Lệ tích lại sắp tuôn hàng đũa ngọc.
 Đêm u huyền ngủ mơ trên mái tóc.
 Vài chút trắng say động ở làn môi.*

Trực giác của thi sĩ mạnh quá đến nỗi thấy nhan sắc lên hương, thấy cả sóng Nghê thường đương nao nao gợn, và so sánh hai hàng nước mắt trong trắng của nàng là hai chiếc đũa ngọc. Và thấy mái tóc u huyền xinh như một mùa thu mơnon mướt, thi nhân bảo đấy là đêm đang ngủ mơ...

Nếu chẳng phải là một nghệ thuật siêu thần, thi nhân làm sao đưa đến một nguồn sống phong tình mà thanh khiết cho giai nhân ? Để có cái ma lực huyền diệu cảm dỗ được ngũ quan của người trần...

Sự say mê, tìm kiếm những nguồn hoan lạc vô biên đã dần dần đẩy thi nhân vào bờ bến của Huyền diệu. Ở đây, sự mừng tượng của thi nhân lại dồi dào hơn nữa, người ta chỉ gặp toàn âm thanh đương ngã ngớn, với muôn thứ xạ hương bay lẳng lơ trong lồng nhạc, trong khi có hàng hà sa số là ánh hào quang va vào hồn hoa, chạm nhằm không khí lạ. Không có sự say đắm nào ở phương xa, hay sự mong nhớ nào cách biệt mà không đến đây để sum vầy, gây nên cảnh tượng đoàn viên của một nhà thơ, mùa trăng bát ngát.

Ở địa hạt Huyền diệu, ta thấy thi nhân chú trọng về âm thanh và màu sắc. Trong khi nói đến nhạc, thi nhân nghĩ ngay đến những cung cầm chơi vui, âm điệu rung động cả không gian. Và bởi mê man với sự “nhẹ nhàng, nhịp nhàng thở đều trong sương” thi nhân đã sáng tạo được rất nhiều bản ca thần tình diễm ảo. Và nhạc lúc bấy giờ cũng không còn là nhạc nữa. Nó đã bay ra hương, ra hoa, ra thơm, ra mát, ra ngọt, ra ngào, ra gì mê tơi, run rẩy, hay âm thầm nức nở, lạnh lạnh như giọng cười, mơn man như ân tình đòi hỏi..

*Vàng sao nằm im trên hoa gầy
Tương tư người xưa trôi qua đây
Ôi! Nàng năm xưa quên lời thề
Hoa vừa đưa hương gầy đê mê*

*Tôi qua tìm nàng vay du hương
Tôi mang lên lầu trên cung Thương
Tôi không bao giờ trôi về nàng
Tình tang tôi nghe như .ình lang.*

*Buồn lưu cây đào xin hơi xuân
Buồn sang cây tùng thắm đông quân
Ô! Hay buồn vương cây ngô đồng
Vàng rơi! Vàng rơi! Thu mênh mông.*

(Tỳ Bà)

Đây là cả một trời yêu thương da diết, một trời tương tư, một trời âm hưởng, buồn nào buồn nê:

Vàng rơi! Vàng rơi: Thu mênh mông

Thi nhân kéo ta đi lướt thướt trong cõi u hoài đắm thắm từ những bản đàn xôn xao hồi hộp như Tỳ Bà, Mộng Cầm Ca, Hoàng Hoa, sang qua một thế giới hào quang, gảy cho ta nghe một điệu nhạc hiền hậu và ngọt ngào vô cùng đến tê cả lưỡi và hàm răng:

*Ô! Nắng vàng thơm... rung rinh điệu ngọc,
Những cánh hồng đơm , - những cánh hồng đơm
Nhẹ nhàng, nhịp nhàng thờ đều trong sương ;
Màu trắng không gian như gợn gợn sóng.
Tử ở phương mô nhận mang thơ về,
Đ n thơ cơ hồ lên cung âm điệu,
Đây giấy trinh bạch khóc mướt trong mơ ;
Đây hồn ngọc thạch xanh sao như tở ?
Ổ, cõi lầu mây ánh gì kim cương,
Áo nàng thơ ngây nao nao Nghê thường,
Thơ bay! thơ bay vô bàn tay ngà,
Thơ ngà ngà say! Thơ ngà ngà say!*

*Nàng ơi! đừng động... có nhạc trong giây,
Nhạc gầy hoa mộng, nhạc ngát trời mây;
Nhạc lên cung hưởng, nhạc vô đào động,
Ô nàng tiên nương! – Hớp nhạc đầy hương.*

(Nhạc)

Đây là một lối sáng tạo, bỏ vần ở chữ thứ tư (vần giữa) ta đọc đến những câu:

*Nhẹ nhàng, nhịp nhàng thở đều trong sương...
Đây hồn ngọc thạch xanh sao như tờ ?...
Thơ ngà ngà say! Thơ ngà ngà say!...
Ô nàng tiên nương! – Hớp nhạc đầy hương.*

Phải chăng ta nhận thấy sóng âm thanh xao gợn, nổi trôi, lên xuống như muôn hoa lá bị cơn gió lùa. Lời thơ rất thanh, ngào ngạt những tình ý say sưa, mát mẻ, phôi ta, tim ta, hồn ta, nở nang ra, háo hức một mối lương duyên kỳ ngộ.

Tác giả khéo dùng hơi (césure) và hạ vận ở chữ thứ tư, làm cho câu thơ nửa như riêng tây, nửa như thuận hòa..

Chưa hết! Thi sĩ Bích Khê vốn là tay sành âm nhạc, đã nghe quen tai những bản đàn tây như valse, menuet, sérénade, marche... đã từng lĩnh hội và thiệp liệp đến thể cách của văn thơ Thái tây, nên am hiểu một cách thông minh những lối sáng kiến từ điệu...

Và đây là một đoạn thơ phẳng phát như âm điệu bài “*Réver-sibilité*” và “*Harmorie du soir*” của Baudelaire, hay bài “*Féerie*” của Valéry:

*Trăng gầy vàng, vàng gầy lên sắc trắng
Của gương hồ im lặng tợ bài thơ.
Chân nhịp nhàng, lòng nghe hương nặng nặng,
Đây bài thơ không tiếng của đêm tơ.
Trăng gầy vàng, vàng gầy lên sắc trắng
Của hồn thu đi lạc ở trong mơ...*

(Mộng Cẩm Ca)

Âm thanh là một nửa tinh thần, anh hoa của thế giới Huyền diệu. Còn một nửa khác phải là màu sắc phương phi của khí thiêng hun đúc, rạng rỡ cả một trời lưu ly, mã não, trân châu. Hình như, đã lâu lắm, chàng thi nhân có cái ý niệm bao quát, tân kỳ, đem mình ví với một thiên tượng luôn luôn áp ủ những khối mây huyền ảo. “*chaque être est un ciel qui fabrique in définitement des nuées*”. Tôi ráp gán lại câu nói của Edmond Jaloux, tác giả L'Oiseau Lyre để biểu thị cái ước mơ vô hạn của một linh hồn khát khao vàng ngọc của nước Trời cao cả.

Màu sắc, như ta thấy trong các thi phẩm đông tây đều gồm có hai tính cách:

1. Màu sắc cụ tượng
2. Màu sắc trừu tượng

Màu sắc cụ tượng thì lộ nguyên hình bằng bản chất của nó, như gấm, như hoa, mà ta sờ được, nắm được với đôi tay (palpable), còn màu sắc trừu tượng là thứ gì nửa thực, nửa hư, nghe, thấy, biết mà không làm chủ được nó, ví dụ: ánh sáng, hương thơm, nhạc vui, không gian, thanh khí...

Màu sắc cụ tượng rất dễ tìm, dễ kiếm, trái lại màu sắc trừu tượng rất khó sáng tạo, vì đây là cái đẹp của thơ, và phải có con mắt của thi nhân, của một kẻ siêu phàm, thoát tục mới nhận thấy cái đẹp thiêng liêng, phép tắc ấy, và mới thấu triệt hết tinh hoa của nó. Với màu sắc trừu tượng, thi nhân có cái công phu làm cho trở nên cụ tượng. Nghĩa là có thể nắm được một nạm hào quang, lùa không gian vào vạt áo, dồn kinh cầu nguyện về phương Nam, cho hai tiếng sáo đuổi nhau là là.

Bất cái vô hình trở nên hữu hình, khiến cái chết trở nên sống, cho vật cầm không còn là cầm nữa.

Đây là tất cả nghệ thuật và trí tưởng tượng phi thường của thi nhân, nếu thi nhân là một thiên tài!

Bích Khê đã tỏ cho chúng ta thấy chàng xứng đáng với hai thiên tài ấy:

Ôi cặp mắt đa tình ngời sắc kiếm!
Một bàn chân ve vuốt một bàn chân!
Mát làm sao, mát rợn cả châu thân.
Máu ứ lại, máu dồn lên giữa ngực
Ôi! Thớ thịt có đàn lên cung bực.

(Bàn Chân)

Bên những chữ cụ tượng cặp mắt, bàn chân, châu thân, ngực, thớ thịt, rất tầm thường không gọi cho ta được một sự rung động tâm kỳ nào cả, mà thi sĩ đã khéo đưa cho chúng một nguồn cảm giác tinh thần khiến đôi mắt ngời sắc kiếm, bàn chân được ve vuốt, châu thân mát rợn lên và thớ thịt lại có đàn lên cung bực.

Và đây là những màu sắc mầu nhiệm mà trí người thường không tạo ra được:

Lầu ai ánh gì như lưu ly ?

Nụ cười ai trắng như hoa lê ?

Thủy tinh ai để lòng gương hồ ?

Không gian xa cừ hay san hô ?

(Nghê Thường)

Ở khu vực Tượng trưng và Huyền diệu, ta đã ngợp với màu sắc chan chói, no ớn với nhạc hương dịu dàng, bây giờ ta hãy sang chơi địa hạt Trụy lạc. Ở đấy giây thần kinh và gân huyết ta rung động say mê bởi những làn khoái lạc của xác thịt nóng, thơm, ran ran lên cả người:

Tôi vỗ người như một miếng mỡ ngon ;

Miệng ngậm hờn riết chặt lấy môi son ;

Mắt đỏ lửa lườm qua làn sóng sắc...

Tôi giật nảy rồi cười lên sặc sặc,

Hai tay cào đôi vú trắng như bông...

(Xác Thục)

Ở địa hạt dâm cuồng này, ta thấy thi sĩ Bích Khê hoàn toàn là Baudelaire. Vì trong tác phẩm chàng, gợi dục tình thì ít, mà làm cho người ta ghê rợn đến gớm guốc cái cảnh trần trường khả ố thì nhiều.

Tới đây, ta tưởng là đi đến chỗ tận cùng của vườn hoa nghệ thuật, nhưng không, chàng còn mở rộng biên giới để cho ta thấy chàng là một thi sĩ Đông phương rất “Tàu” mà lời thơ chàng nhuộm đầy màu sắc của các thi gia đời Đường:

*Mộng trắng phau phau, vót cung nga:
Xuân Hương! người ngọc, máu say ngà!
Nhấn dây tơ loạn, - buồn lơ lả,
Đờn phất hương trắng nẩy điệu ra...*

(Mộng)

Thơ Bích Khê đủ các vẻ tài tình, nghệ thuật của thơ chàng là nghệ thuật một tay trường trai, rất lão luyện tinh thông niêm luật thơ Đường.

Nhưng, thơ chàng rồi đi đến đâu, một khi đã lên cao chót vót?

Sau khi đã chán chê tất cả những khoái lạc của xác thịt, đã ớn ớn với phong vị trắng, hoa, trái, rượu..., thi sĩ bây giờ như đã tự giác ngộ, tự nhận thấy tâm hồn mình thanh sạch quá chừng và đâm ra ghê rợn những điều tội lỗi... Thi sĩ liền nâng thần trí lên với trời để ca ngợi cái nhân đức sạch sẽ. Tìm mãi cái đẹp không thấy, vì tất cả mọi sự ở thế gian đều tầm thường cả, thi sĩ mới nhận ra rằng chỉ có cái gì đời mới, cái gì hằng sống (éternité) mới thỏa mãn được nỗi khát khao thương nhớ vô hạn của thi sĩ.

*La douteur: passe et finis!
Mais toute joie veut l'éternité,
Veut la profonde éternité.*

(Nietzsche)

Cho nên thơ chàng sắp bay sang thế giới huyền bí để đi đến chỗ tuyệt đích là: Tôn giáo^(*)

Có say khướt mới dào muôn tử ngọc ;

^(*) Xin hiểu nghĩa chữ ấy với tất cả tinh thần của nó.

*Có diên rổ môi hợp ý trăng sao ;
Có dâm cuồng môi dâng cả lên cao,
Nơi chu lưu một nguồn thơ bất tuyệt,
Nơi trí người tạo ra rồi xóa hết,
Nghiêm nhiên người là Chúa tể vô biên.*

Hàn Mặc Tử

Hoài Thanh

(Nhà Nghiên Cứu)

Bích Khê

Chính tên là Lê Quang Lương, Quê quán: Thu Xà (Quảng Ngãi).

Đã đăng thơ: Tiếng dân, Tiểu thuyết thứ năm, Người mới.. (ký Lê Mộng Thu hoặc Bích Khê).

Đã xuất bản: Tinh Huyết (1939)

Tôi đã gặp trong Tinh Huyết những câu thơ hay vào bậc nhất trong thơ Việt Nam:

Ô! Hay buồn vương cây ngô đồng

Vàng rơi! Vàng rơi! Thu mênh mông.

Hay mấy câu này trích trong bài “Tranh lỏa thể”:

Dáng tấm xuân uốn trong tranh Tố nữ.

Ô Tiên nương! Nàng lại ngự nơi này ?

Nàng ở mô! Xiêm áo bỏ đâu đây ?

Đến triển lãm cả tấm thân kiều diễm.

Nàng là tuyết hay da nàng tuyết điểm ?

Nàng là hương hay nhan sắc lên hương ?

Mắt ngời châu rung ánh sáng Nghê thường;

Lệ tích lại sắp tuôn hàng đũa ngọc.

Đêm u huyền ngủ mơ trên mái tóc.

Vài chút trắng say động ở làn môi.

Mấy câu ấy đã được Hàn Mặc Tử phẩm bình bằng những lời xứng đáng: “Thi sĩ Bích Khê là người có đôi mắt rất mơ, rất mộng, rất ảo, nhìn vào thực tế thì sự thật sẽ thành chiêm bao, nhìn vào chiêm bao lại thấy xô sang địa hạt huyền diệu... Ở “Tranh loa thể”, sự trần trụi dâm dăng đã nhường lại cho ý vị nên thơ của hương, của nhạc, của trăng, của tuyết. Quả nhiên là một sự khong khen thanh tao quá đến ngọt lịm cả người và cả thơ” (*Tựa Tinh Huyết*).

Vừa bước vào đã thấy vàng ngọc sáng ngời như thế, ai không tin đây là biệt thự một nhà triệu phú. Huống chi chủ nhân còn nói: “*Không, quý gì những vật mọn ấy! Kho tàng của tôi chính ở trong mấy phòng kia*”.

Nhưng tôi chưa thể nói nhiều về Bích Khê. Tôi đã đọc không biết mấy chục lần bài Duy Tân. Tôi thấy trong đó những câu thật đẹp. Nhưng tôi không dám chắc bài thơ đã nói hết cùng tôi những nỗi niềm riêng của nó. Hình như vẫn còn gì nữa...

Còn các bài khác hoặc chưa xem hoặc mới đọc có đôi ba lần. Mà thơ Bích Khê, đọc đôi bà lần thì cũng như chưa đọc.

Hoài Thanh

Tháng 11/1941

Chế Lan Viên

(Nhà Thơ)

thơ bích Khê

Đến Quảng Nghĩa, chúng tôi đi tuột ngay về Thu Xà cho kịp thăm mộ Bích Khê trước khi trời tối. Trong đời tôi, tôi đã thăm Khê vền vện bốn lần. Một lần anh nằm ở bệnh viện lao Pasquier, một lần anh nằm tại Hoàng Hoa Trang (vẫn lao vẫn bệnh), và hai lần anh nằm dưới đất. Thăm mộ Khê lần này cách lần trước (1946) là 42 năm. Đủ thời gian cho hai cuộc chiến tranh, một “cuộc” hòa bình, cộng thêm cái không gian chia cắt về đất đai và tư tưởng nữa. Ấy thế nhưng chiều nay hình như các thứ đó chẳng có hiệu lực gì. Nhà cửa, ruộng đồng, phố xá quê anh đã đổi thay dữ dội, vì đạn bom, vì xây dựng, nhưng tôi vẫn thấy mình đi trong không khí, khí hậu các câu thơ:

... Nơi đây làng cũ buồn thu quạnh

... Nơi đây thành phố đời ngưng mạch

Những nàng lai khách vẫn buồn mơ

Tôi hỏi người cháu Khê cùng đi “ở đây có phụ nữ Hoa Kiều chứ?”. Vừa hỏi vừa nghĩ: “Khê là người đầu tiên đưa hai chữ lai khách vào thơ” và nghĩ “con gái lai khách chắc là rất đẹp”

– Dạ, ở đây có đông Hoa Kiều đến từ đời Thanh. Nay còn vài ba bộ.

Những nàng lai khách vẫn buồn mơ

Đường lên hội quán sương khuya xuống

Đâu mấy chàng trai rồi nhớ hờ .

Một người phụ nữ bà con cùng Khê chỉ cho tôi mái nhà hội quán sau các lùm cây. Nhà phê bình trong tôi nghĩ: “Khê là người đầu tiên dùng chữ hội quán. Hội: quán mới gặp sương khuya cũ, ngộ lắm”, còn “nhà” tò mò trong tôi tự hỏi: “Có Khê trong các chàng trai kia không ? Cô buồn thì buồn mơ chàng lại nhớ hờ được lắm!”

Tìm ngô nhà em, anh sẽ thấy

Nhà Khê đây rồi, giữa phố, không có ngô. Tôi bỗng dừng tiếc cái ngô trong thơ ấy. Như ngày nào về thôn Vỹ Dạ “*Lá trúc che ngang mặt chữ điền*” tiếc không thấy trúc ở đâu.

Những cành nhãn muộn bóng giời lay

Những gốc nhãn, cành nhãn Khê tả ấy không còn. Vườn đây chuối. Đứng giữa chuối, người cháu đưa tay chỉ xa xa chỗ Khê nằm.

*Em đang nổi bệnh trong phòng vắng**Tinh đậm theo trăng sáng sáng đầy*

Bỗng dưng ta thấy Khê đang nằm trong phòng ấy, thêm thiệp, thêm thiệp như tôi thấy anh nằm ở Pasteur ngoài Huế, ở Hoàng Hoa Trang quê chồng chị Ngọc Sương trong Quảng, nằm và cười một nụ cười nhợt nhạt héo hon, he hé đôi mắt chào tôi.

Trên mộ con quạ đứng im hơi

Mộ Khê đây rồi, không có con quạ vĩnh cửu thiên thu nào đe dọa mộ Khê cả. Có, thì chúng ta cũng xua đi cho Khê đỡ sợ. Khê nằm giữa mộ các người thân trong quuyến tộc. Tôi, Yến Lan và anh Thu Hoài (người có công tổ chức chuyến đi này) thấp một tuần nhang trước mộ người đã khuất. Hai ngày

trước đây, chúng tôi cũng đã thấp hương trên mộ Tử ở Quy Nhơn. Tôi báo cho Khê một tin mừng:

Những tờ thơ nát đầy hơi hám

Tay khách đa tình sẽ chuyển trao

Lời mơ ước ấy của Khê sắp được thực hiện. Quê hương Nghĩa Bình của Khê không muốn Khê nằm lâu trong quên lãng. Đã hai năm nay, Sở Văn hóa Nghĩa Bình và anh Hồng Nhân giám đốc Sở thiết tha có một tập thơ Hàn Mặc Tử, một tập thơ Khê. Thơ Tử đã có rồi, thơ Khê cũng đã tuyển chọn xong, chỉ chờ có giấy, chỉ chờ có tựa. Tôi cũng báo cho Khê rõ người tuyển chọn và đề tựa vẫn là người Khê đã giao phó 44 năm xưa, hồi 1943, 1944. Và tinh thần tuyển chọn cũng là tinh thần mà chúng ta đã đồng ý với nhau hồi ấy. Nghĩa là phần thơ trong Tinh Hoa (chưa in) được đánh giá cao hơn Tinh Huyết. Trong Tinh Huyết, thì cái tịnh nhất, tịnh nhất không phải là loại bài “đây sự thật trần trỗng nằm giữa háng”, mà dù cho đổi ra “đây hư ảo phủ che nằm giữa háng” thì cũng chẳng phải là thơ. Thơ nằm chỗ khác. Đâu trong trái tim mình.

*
**

Một bài thơ của Khê lấy tên Duy Tân. Có dính dáng gì không đến ông vua yêu nước trùng tên. Khê vốn hay làm thơ vịnh sử. Nhưng dịch cái đề ấy ra ngôn ngữ thời sự thì nó là “đổi mới tư duy” đấy. Đổi mới tư duy về thơ.

Rồng vẽ lối xưa toàn những sáo

Cua bò thơ mới chả nên thơ

Khê đã tự phê bình rồng xưa và cua mới của mình, như chính Khê đã không vui lòng lắm với những cái sáo ngữ của

thơ cũ, cũng như các cái chả nên thơ, chả phải thơ mới đương thời... Anh muốn duy tân, để có một thứ thơ khác:

Đường kiến trúc nhịp nhàng theo điệu mới

Của lời thơ lóng đẹp. Hạt châu trong

Thơ ấy sẽ là nhiếp ảnh:

Đường nhiếp ảnh sắc khua màu, tiếng thơ

Cũng là hội hoạ:

Hội hội họa đến muôn đời nức nở

Là âm nhạc:

Ròng âm nhạc của lòng trai ấp má

Là điêu khắc:

Đầy thẩm mỹ như một pho thân tượng

Là vũ đạo:

Múa song song khiêu vũ giữa đêm hồng

Như người xưa xem múa kiếm mà tìm ra cách viết chữ, thay đổi biến hóa thủ pháp, bút pháp của mình. Nhưng đây là các quan niệm về thơ “tổng hợp” của Châu Âu lúc đó. Quả mặng cụt của Khê, ta biết đấy là quả lựu của Valéry, Valéry hóa thân, con quạ trên mồ Khê là con quạ của Edgar Poe, của thơ Mallarmé bay đến, da thịt, rồi xác thịt rồi xác chết trong anh nguyên là Baudelaire

Những nhà thơ ít rạch ròi trong các vụ việc này, họ vay mượn nhau, giạt tạm nhau là thường, vốn cùng gia đình, cùng bộ tộc. Vấn đề vay mượn thế rồi có ăn nên làm ra không, có gây được vốn liếng riêng gì, của mình không, có thêm lãi thêm lời không hay lại ăn cụt vốn! Phải nói ngay Khê không phải là kẻ ăn theo, anh đã từ đường băng của thầy, của bạn mà cất cánh mình lên nhanh, bay những đường bay đẹp.

Thậm chí anh có những hơi thở riêng mà các thầy không có. Anh nhờ các thầy Tây phương đánh thức bản năng, trí tuệ mà anh vốn có, nhờ các thầy cho những phương thức tìm hiểu sự vật, và tương quan giữa các sự vật đã có sẵn đấy rồi, khi chưa có các thầy, Khê muốn tạo ra giữa thơ rỗng hay của đều khá yên tĩnh lúc bấy giờ.

*Một hỗn độn đẹp xô bồ say dậy
Bằng cảm tình, bằng hình ảnh yêu thương
Và mới mẻ...*

Nhưng cái mới ấy có nên, có gốc nữa chứ. Nó mới mẻ ở đâu, ở giữa trời à ? Không phải...

*Và mới mẻ, trên viện cổ Đông Phương
Ai có nghe sức tiềm tàng bí mật*

Và chính nhờ các sức tiềm tàng của Đông Phương chưa ai hiểu hết, kể cả thầy Tây. Nhờ Khê quá nửa đời người, quá nửa tâm hồn thân thể đắm mình trong Đông Phương, trong dân tộc ấy, mà Khê đã tìm ra cái mới. Khê viết:

*Trập trùng màu xiêm áo
Lớt đớt trận mùa bông
Phật Như Lai thoát hiện
Trên bảy sắc cầu vồng
Quái thay hòn Non Nước
Nghe giảng đủ mười tông*

Đừng cười anh duy tâm, lạc hậu. Anh là người tự cho mình “Ta trên đài Vọng hải, chỉ nhượng Phật Như Lai” như Hàn Mặc Tử tự cho mình không phải “là cát bụi trở về cát bụi” mà là “thánh thể kết tinh”. Các anh đâu có dễ dàng mê tín.

Những danh nhân lớn của Đức từ triết gia Chopenhauer, Nietzsche đến nhạc sĩ Wagner không dấu giếm quan hệ mình với Đông Phương, với vài ba tông của Phật, khi Khê viết:

Kim, Mộc, Thủy, Hỏa lay

Trên, dưới đất trời châu

đừng thấy chữ lay, chữ châu mà bảo anh là thầy phù thủy, anh đang nói về hòn Kim, hòn Mộc, hòn Thủy, hòn Hỏa của Ngũ Hành Sơn đương phủ phục trước quyền hành của thi ca. Một trong những vị thầy của nền phê bình Pháp hiện nay, người ta gọi ông là Copernic trong phê bình (như Coperic trong khoa học) Bachelard khi nói đến hai lực, bốn yếu tố, khi xếp các nhà thơ theo dòng Thủy, dòng Hỏa, dòng Thổ, dòng Không khí, phải chăng đã dựa vào của Phương Đông thuyết Âm dương và thuyết Ngũ hành ? Ta ở phương Đông nhằm chán nó, xem nó và viện cổ, nhưng nhiều viện sĩ Tây Phương lại liếc mắt về nó mà tìm mới mẻ mà kiếm đề tài.

Đầu tiên ta thấy Khê muốn duy tân, đổi mới tư duy trong chữ:

Chữ biến hình ảnh mới lúc trong ngâm

Chữ trong vắt sáng nghệ thuật sấu cầm

Ta viết cây cao cây thấp, cây gần cây xa, cây xanh cây héo. Ta thấy Khê viết:

Cây du dương lâu dài song sóng

Mất Khê thấy và nghe, thấy cây giống lâu dài và nghe cây du dương như nhạc, so với ta, Khê có con mắt “kép” giàu hơn.

Ta viết tia trắng, ánh trắng. Khê lại viết: “Da trắng trắng tợ hầu”. Trắng thành cô gái, Khê sờ được làn da trắng ấy. Cảm giác của Khê nhiều hiệu quả hơn, Khê duy tân Câu. Câu với anh không chỉ là đường thẳng, đường cong mà còn là chữ

chi, cửu khúc hay đường gãy gập. Câu thơ không chỉ liền một hơi mà tám tức, ray rứt, nối đứt, đứt nối nhiều lần:

*Buồn và xanh trời. (Tôi trôi với bờ,
Êm biếc – khóc với thu: lời úa ngô
Vàng – khi cách biệt*

Có phải học Khê, tôi đã tập qua hàng:

*Chỉ một ngày nữa thôi. Em sẽ
Trở về. Nắng sáng cũng mong. Cây
Cũng nhớ. Ngô cũng chờ. Và bướm
Cũng thêm màu trên cánh đang bay*

Khê duy tân cách qua hàng, khá độc đáo:

*Thoảng tiếng gáy của cu
Cườm, Hiu hiu vàng đượm*

Chữ cườm tách riêng ra, đứng đầu câu, long lanh như một hạt cườm. Hoặc:

*Như mặt trời lọc qua khóm liễu, một
Hoàng hôn. Đàn môi, chim báu tốt*

Chữ một ăn với một hoàng hôn câu dưới. Nhưng Khê tách đặt ở câu trên sát kê khóm liễu, nhờ thế ta có khóm liễu cô đơn, khóm liễu một lọc mặt trời. Chữ hoàng hôn, tách riêng ra, càng rục rờ hơn, và đứng đầu câu sau chói rọi khắp mình câu, chim báu, và môi đều có ảnh rọi của nó. Ta thấy ở đây kỹ thuật về *trang*, về *page* của Mallarmé. Ta thấy Khê làm kỹ thuật Khê làm. Làm, bố trí, chế tạo rất có ý thức. Anh làm thơ chứ không bị thơ làm như Hàn Mặc tử, đó là chỗ yếu và chỗ mạnh của Khê.

Khê duy tân đoạn, mảng, bài, những bộ phận trên câu. Trong bản thảo chị Ngọc Sương giao cho Sở Văn hóa Nghệ Bình, rồi Sở chuyển cho tôi, tôi thấy thiếu đôi đoạn, đôi câu xưa kia tôi biết. Câu:

Nụ cười ai trắng như hoa lê

Trắng xóa bên kia vùng Phan Thiết

Nụ cười không mang sắc hồng của môi mà lại mang sắc trắng của tình yêu trong trắng, tình yêu không với được nơi xa kia trắng xóa một vùng. Về đoạn thiếu đi đoạn này, tôi vừa phục hồi lại được:

Hoàng hôn ô bên cồn

Bên cồn ô cô thôn

Cô thôn ô trúc vàng

Trúc vàng điểm riêng thu

Thoảng tiếng gáy của cu

Cướm. Hiu hiu vàng đượm.

Vì sao tôi nhớ được ? Không phải nhờ bộ óc của tôi mà chính nhờ bộ óc của Khê đã dựa vào, đã nắm được các qui luật của sự nhớ mà làm ra đoạn, mảng bài thơ để nhớ này. Đọc lại xem, những chữ ngữ mất đi với câu trên lại hồi sinh ở câu dưới, cô thôn rồi cô thôn, trúc vàng rồi trúc vàng những ô, những cô, những hôn, những cồn, những thôn ngoặc vào nhau chặt chẽ mà đi qua sóng gió giông bão của thời gian. Bù dít với nhau thành một khối bền chặt về âm thanh, về ý nghĩa như thế, thời gian nào làm tan rã chúng được. Nhờ thế, sau gần nửa thế kỷ, bộ óc già nua của tôi vẫn nhớ.

Khê duy tân trong Nhạc. Xưa nay ta hay dùng bằng trắc. Nay cùng Xuân Diệu ở Nhị hồ, cùng Xuân Sanh trong bài thơ *Tay sương lam mờ đường giăng tơ* đăng ở báo Tiếng Dịch

(Bình Định). Bích Khê dùng vần bằng làm chủ lực. Nhưng Xuân Sanh, Xuân Diệu chỉ làm một bài. Bích Khê không phải chỉ thể nghiệm mà sản xuất đại trà chủ trương tạo hẳn một thể loại.

Khê duy tân trong lối tạo hình. Hình ảnh cũ vốn tĩnh. Khê làm cho nó động, hoạt động. Thơ cũ nói trắng như sữa. Khê làm cho trắng ấy thành sữa, sữa kia nhỏ giọt, nhỏ từ vú hẳn hoi là các núm đôi:

Nâng lên vú núm đôi

Sữa trắng nhi nhĩ giọt

Hình ảnh động theo bề dọc thời gian và bề ngang không gian. Theo bề dọc thời gian, nó tiến triển, nó dây chuyền, con tinh đứng, con tinh nằm, con tinh đưa võng, con tinh ru con hát, rồi thì tiếng hát ru con ấy lại thay nó, tiếp nó mà tác động lên vành trăng, vành trăng ứa nước ra và luồn qua cửa động .v.v.

Bề ngang không gian, mỗi hình ảnh trong đoạn thơ này cùng hoạt động với một quần thể các hình ảnh khác đồng thời với nó, bao vây quanh nó, tác động lên nó.

Lên Kim tinh xác bằng thanh khí

Đất lừ ly không khí xạ hương

Cây du dương lâu đài song sóng

Trên biển châu – trời lộng kim cương

Để làm các duy tân trên, Khê đã húc đầu vào nhiều cánh cửa, vái đủ tứ phương, áp dụng các thuyết của Valéry, Rimbaud, Mallarmé, Poe, Baudelaire và của vị "thiền sư công giáo" là Henri Brémond nữa. Ông có thuyết thơ thuần túy sức nức vị thiền là món Khê khá sở trường:

Hỡi lời ca man dại

Điều nhạc thở hơi rừng

Đêm nay xuân đã lại

Thuần túy và tượng trưng

Khê mê một thứ thơ *thuần túy*, một thứ vàng ròng, chỉ là thơ thôi, không có tạp chất nào khác. Đồng thời nó lại đại diện, *tượng trưng*, nói giùm cho những cái không phải nó, oái ăm chưa? Nó được làm ra, chế tạo ra, nhưng lại phải hỗn nhiên như cửa trời cho, như cửa tự nhiên, *thở hơi rừng, man dại*. Thế lại càng oái ăm hơn nữa! Tóm lại từ gần nửa thế kỷ trước, Khê đã động đến các vấn đề sự vật (chose) và ký hiệu (signe), vấn đề đa nghĩa, vấn đề lao động và cảm hứng, ý thức hay tiềm thức .v.v. Ban nãy tôi có nói *Khê làm thơ* và *Tử bị làm thơ*. Cả hai phương pháp đều có cái mạnh cái yếu của nó. Tháp Eiffel người làm cũng đẹp như mây trời mà trời tự làm ra trên tháp. Đứng ra phải nói Hàn Mặc Tử bị thơ làm (bị bệnh tật, bị tình yêu làm) và anh đã làm thơ. Còn Bích Khê thì đã làm trên chữ, trên câu, trên trang giấy, trên các yếu tố, năng lực của tâm hồn mình, rồi thì các cái ấy *làm* anh trở lại. Chữ Pháp có chữ *travail de sol sur sol* mình làm tác động lên chính bản thân mình, động tay, động chân, động lòng, động não của mình, và một khía cạnh của cái động ấy biểu hiện ra ngoài là động chữ, động câu, động nhạc, động hình trên trang giấy. Khê đánh động bộ gõ của trí tuệ, nó đẻ ra những danh từ khô khốc, ô, gỗ và sắt cũng đang rất cần trong việc kiến trúc lâu đài thơ chớ sao ?

Đường kính tuyến hút nhiễm chất vô hình

hoặc

Lời truyền sóng đánh điện khắp muôn trời

Chữ bí mật chứa ngấm bao chất nổ

Nhưng Khê cũng đánh lên, động vào bộ giầy, bộ hơi, của cảm xúc, cảm tình, bản năng, kể cả bản năng vật dục nữa... Tôi đã nói, ngoài thì anh vái tứ phương, trong thì anh húc vào mọi cửa má. Thời gian ở trái đất của anh có còn dài đâu. Anh định trong sáu tháng thôi phải giải quyết cho xong khối lượng hay đúng hơn *chất lượng Thơ* một đời. Một câu thôi cũng được, nhưng nó là thứ vàng ròng thuần túy, tượng trưng mà anh mơ ước đó. Thơ có thứ *đơn chất*, có thứ *đa chất*, có thứ là *nguyên chất*, có thứ lại là *hợp chất*, *hóa chất* kia. Khê thích *biến hóa*, *tổng hợp*. Anh nhặt các chất, cái thì bên Tây, cái thì bên Tàu, cái trên tòa sen, cái ở hang âm phủ, cái ở hồn anh, cái ở ngoài đời, đầu cua tai nheo trên trời dưới bể rồi bỏ cái lò bát quái thơ của anh mà nung lên vạn độ, bỏ vào cái hồ-lô-thơ anh mà lắc đến triệu lần. Từ đấy sẽ chảy ra chất thơ anh tâm niệm. Việc làm trên có thể nghiêm túc, có thể lộ bịch, hóa ra trò cười.

Nếu ra được một chút gì đấy từ các hồ lô kia, lò bát quái kia, nếu thành công thì người ta gọi đấy là tập đại thành như khi người ta đánh giá Đỗ Phủ, là *somme* (tổng hòa, tổng hợp), khi người ta đánh giá Saint John Perse, hoặc lai được giống mới khi đánh giá con bò sữa Hà Lan (xin nói rằng nhà thơ lớn Guillen của Cuba và cũng của thế giới nói rằng bản sắc dân tộc Cuba là *mutala* (mulâtre) là lai, hỗn hợp tinh hoa của người da trắng, da đen và da đỏ. (Xuân Diệu đã thuật lại quan niệm này trong tựa thơ Guillen).

Còn khi lai không thành công, lắc không thành công, đun lò bát quái không thành công, làm cái việc đem trăm thứ đầu Ngô mình Sở bỏ vào một cái bị kia không thành công, đến nỗi Ngô đi đàng Ngô, Sở đi đàng Sở, đầu đi đàng đầu, mình đi đàng mình, thì người ta sẽ bảo đấy không phải là lai mà là

lai căng, mất gốc, là hổ lớn, là tạp-pí-lù, là chợ giời, là xúp bát nháo, là loạn Âu... có một trăm thứ danh từ dành cho.

Thế mà để làm việc thơ, Khê chả còn bao nhiêu sinh mệnh, bao nhiêu thì giờ! Trong sáu tháng quyết thành thiên tài, quyết có văn chương quán thế không ai biết, gọi Xuân Hương trong mộng mình về thưởng với tôi... thế có liều không? Hàn Mặc Tử cũng góp phần vào ảo tưởng ấy, gọi anh là thi sĩ thần linh. Thần thì ai chẳng thích!

May thay Khê không phải chỉ có thất bại. Cùng với thất bại, Khê có những thành công. thế mới là Khê chứ. Nhưng đấy là nhờ con người Khê, chớ chả nhờ thần linh nào cả, dù đó là thần Khê, hay các vị thần tứ phương, Tây phương ta nói trên kia.

Ngay từ thuở ấu ỉa xưa khi còn làm các bài thơ cũ, Khê cũng đã có những câu thơ rất hay, rất lạ rồi. Dạng chữ Hán:

Hoán khởi mê tân thuyền thượng khách

Tinh hồi tưởng mộng dạ trung nhân

bỗng tòi ra một câu hiện đại, tổng hợp lạ kỳ:

Bóng yên hoa, màu khiêu vũ, mây phú quý, bả phù vân

Tiếng linh động trong ngấn thiên vạn cổ

hoặc những câu khác:

Người bán trời không chứng mới là phiến

Còn tôi bán hàng sấu tiền chẳng lấy

Tôi muốn bán hàng sấu không vốn lãi

Ngỡ như các câu này là các tìm tòi năm 87 mà nhiều thi sĩ trẻ đem khoe một cách huênh hoang! Hoài Thanh tuy rất dè dặt, ngại ngần nữa, khi đánh giá Bích Khê và Hàn Mặc Tử,

cũng đã mở đầu bài viết về Khê: “Tôi đã gặp trong Tinh Huyết những câu thơ hay vào bậc nhất thơ Việt Nam”

Ô! hay buồn vương cây gỗ đồng

Vàng rơi! vàng rơi: Thu minh mộng

Thế giới thơ rất dân chủ hay nói đúng hơn có lối công bằng kỳ quặc. Người có một câu hay được nhắc đến như người có vạn bài, miễn rằng câu ấy đã đến được xứ thơ, và câu kia quả thực hái từ xứ ấy hái về. Khê không chỉ có một câu, không chỉ có hai câu. Anh có nhiều câu và nhiều bài mà... các thầy có khi không có, Hàn Mặc Tử không có, thơ Việt Nam trước đây không có.

*
**

Cái đáng cho ta yêu Khê, bắt ta phải tìm đến anh, phải lôi anh ra khỏi lãng quên, đó là chất nhạc của thơ anh. Không, không phải chỉ có cái thanh bằng, chỉ cái giọng trầm, chỉ tiếng nói thầm, chỉ cái ngọn đèn anh hạ thấp xuống cho vừa nội tâm, vừa tâm tâm sự:

Tôi qua tìm nàng vay du dương

Tôi mang lên lầu lên cung thương

Tôi không bao giờ thôi yêu nàng

Tình tang tôi nghe như tình lang

Nói thầm, nói lơ mơ mà thốt ra được “Tình tang tôi nghe như tình lang” thì tình tang kiểu ấy còn gấp trăm nói thật. Rồi lại lên cung thương cung yêu, vay mượn du dương, vay mượn tình yêu muôn thuở, thế thì là ý đấy rồi chứ đâu chỉ nhạc. Nhạc và chẳng chả phải chỉ là lúc nói thầm. Có khi reo vang, sáng khoái.

Tiếp ly cạn, cạn ly đầy

*Năm con, một vợ ngồi vòng xoay
Nhạc chim xanh tước rút về đây
Đổ vàng cành lá lục
Nâng chén tinh rờng ca một khúc
Tiệc hoa hể, chén ngọc hể
Giang hồ vút cánh sau chung rượu
Năm vẻ rờng bay áng sắc mây*

Hoặc trong đoạn “Hoàng hôn ô bên cồn” đã trích trên kia, những ô, những cô, những cồn, những thôn dập dờn rộn rã.

Nhưng nhạc cũng là bước đi dịu dàng, nhịp nhàng của những lứa đôi câu, từng cặp, từng cặp đi nhau qua trang giấy:

*Cây đàn yêu đương làm bằng thơ
Cây đàn yêu đương run trong mơ
Yêu nàng bao nhiêu trong lòng tôi
Yêu nàng bao nhiêu trên đôi môi
Buồn lưu cây đào xin hơi xuân
Buồn sang cây tùng thăm đông quân*

Nhạc cũng là các nhóm chữ đi về, lặp lại, như chu kỳ ngày đêm, năm tháng, như nhịp sóng vỗ bờ, bàn tay vỗ về lên thân thể.v.v.

*Những cánh hồng đơm, những cánh hồng đơm
Nhẹ nhàng, nhịp nhàng... thờ đều trong sương
Thơ bay, thơ bay vô bàn tay ngà
Thơ ngà ngà say, thơ ngà ngà say...*

Ý nghĩa đòi âm thanh rồi âm thanh lại để ra ý nghĩa. Saint John Perse, Péguy rất thích kiểu này. Nhưng Khê thì

70 năm đọc thơ Bích Khê

khai thác lối nhạc này, chính là dựa vào vốn liếng Đông Phương, hơi thở dân tộc.

Nhờ Khê ta nghe được những âm điệu trước đó chưa có, nhưng cũng nhờ Khê ta thấy được những cảnh chưa từng. Cái nhìn của Khê có nhiều cung bậc, khi thì mờ ảo huyền hồ:

Huyền hồ nhìn không ra

Hay là tôi hoá hai

Đã chết đi một nửa

Hay là trời ban mai

Bị mù sương vây bủa

Khi thì rạng rỡ:

Vàng ròng bạc tốt trong tay trắng

Danh nghĩa cao sang tựa mặt trời

Tiếng xe rồn rảng sau bờ trúc

Bóng vợ bóng con lẫn bóng cây

Khi thì bát ngát:

Một bóng giăng rồi một bóng giăng

Hồn vẫn phiêu lưu rất nhẹ nhàng

Đến mút không gian là bát ngát

Một trời thơ mộng đẹp mê man

Kể cả những lúc khá thật thà:

Người em rày mệt quá

Hai tay đẩy ra rã

Đi lấy cùng nhau đi!

Thế nhưng anh nhìn thấy những cảnh ấy ở đâu, ở đâu? Ở bên ngoài hay ở nội tâm anh? Anh phản ánh hay là anh sáng tạo? Có thể nói anh nhìn hai nơi một lần:

*Lò mò đường lên mây
Chén trắng vừa lằm với
Chàng ơi! vàng ròng đây
Kề môi, say ân ái*

Trăng không chỉ là trăng, mà là chén rượu ân ái, là vàng ròng. Anh cũng không chỉ phản ánh trăng mà còn phản ánh lòng anh đang say, muốn cầm, muốn hôn, muốn uống:

*Quái thay hòn Non Nước
Nghe giảng đủ mười tông
Muôn năm lòng đá rắn
Nhuần thấm giọt tử bi
Biển xanh thay chất mặn
Rừng thẳm lọc hơi sầu*

Anh đang thấy cái bên ngoài của sự vật, nào hòn Non Nước, nào đá rắn, nào rừng thẳm, nào biển xanh, hay đang thấy cả cái chuyển hoá bên trong của nó, đá thì nhuần thấm tình thương mà thôi. Không đá nữa, biển thì rút chất mặn khắc nghiệt của mình, và rừng kia cũng đang thanh lọc. Nhờ nghe kinh chẳng? Kinh gì? Thơ anh đấy, lời đấy, ngôn ngữ đấy. Anh đã từng ví anh là *trên đài Vọng Hải, chỉ nhượng Phật Như Lai* kia mà .

Thương cho anh, bên vực thẳm của nấm mồ đang đợi vẫn không thôi tin ở quyền lực con người, của thi ca, đã tạo ra những bức tranh hoành tráng, những cơn mơ tổng hợp là hai

bài Ngũ Hành Sơn tiền và hậu ấy. Tuy rằng: Khi xong cơn mơ ấy, thì anh lại bị trả về thực tại phủ phàng:

*Trở lại giữa bạn bè
Với hai tay bàn tay trắng!*

Nhưng mơ được thì cứ mơ.

Tôi thường so sánh hai bài Ngũ Hành Sơn với bài thơ Chùa Hương của Nguyễn Nhược Pháp. Chỉ vì cả hai thi sĩ đều tả cảnh đất nước, cả hai đều dùng thể ngũ ngôn. Cố nhiên tôi rất yêu Nguyễn Nhược Pháp ở Chùa Hương. Nhưng tôi xin phép được đánh giá Bích Khê cao hơn Nguyễn Nhược Pháp. Nguyễn Nhược Pháp tả một cảnh, kể một chuyện có thể có, Bích Khê tạo ra một điều khó thể có. Nguyễn Nhược Pháp dẫn bài thơ dọc theo chiều dài một tuyến. Bích Khê tung hoành, hoành tráng dọc ngang qua nhiều tuyến. Chữ ở Bích Khê cũng phát huy hiệu lực cả ba tầng hơn chữ của Nguyễn Nhược Pháp. Số là Bachelard có nói chữ như ngôi nhà, có tầng trệt ăn ở, ra vào, giao tiếp lại có lầu cao nơi ta lên với các vấn đề trừu tượng, có hầm sâu nơi ta xuống các tầng tiềm thức của ta. Theo Bachelard: thơ thường từ tầng trệt đối ngoại đó, lên xuống các tầng cao và tầng hầm đối nội kia. Thơ Khê mạnh hơn Pháp chỗ ấy. Hãy đọc các chữ của anh:

*Da trời màu thịt sữa
Da trời se chất sữa
Truyền cảm hứng mệnh mộng*

hoặc:

*Miệng nào rục điệu ca
Tóc nào buông lỏa xõa
Mắt nào diên long lanh
Tay nào như sắp bay*

*Gió lồng hang Âm Phủ
 Hoa mộng thấm màu thâm
 Bóng đa phờ tóc rử...*

Ta thấy thoát cái anh ở tầng trệt, thoát cái anh lên cao trên trời tượng, thoát cái anh chấn động ta nơi thâm sâu tiềm ẩn của ta.

Năm vừa rồi, chúng ta đã tái bản Nguyễn Bính. Anh được yêu mến ào ạt xứng đáng với tài năng anh, cộng với sự bù chì cho những người đã lâu vắng mặt. Nhưng dù sao gặp lại Nguyễn Bính là gặp lại một cái gì quen thuộc. Còn Khê, thì khác. Sự e bây giờ người ta cũng chưa quen anh dễ dàng đâu. Nếu Nguyễn Bính là một miền đồng bằng thân thuộc, thì Khê là một đỉnh núi lạ. Có những nhà thơ làm thơ. Có những nhà thơ vừa làm thơ vừa đẩy lịch sử thơ ca, duy tân thêm một bước. Có những nhà thơ đem đến một mùa lương thực, lại có nhà thơ cầm một dùm hạt giống mới trên tay. Khê thuộc vào hạng thứ hai.

*
**

Loại thứ hai này, cái lõi của nó, trái tim của nó, vẫn là loại thứ nhất. Người ta yêu thơ Khê, vì thơ anh chó đâu chỉ vì anh là kẻ đi tìm. Huống nữa đi năm đồng bảy đổi, anh tìm ra ai ? Anh tìm ra anh. Có điều không bỏ công vòng quanh như thế, đâu có tìm được ra mình. Anh đi khá xa trong kỹ thuật, nghệ thuật, để tìm được cái rất gần là trái tim người. Những lúc ấy anh vút hết văn chương và kêu lên rất thật:

Anh ơi, từ đâu đến ?

Em buồn em đang bệnh

Tôi không bao giờ thôi yêu nàng

*Lên chơi hòn Non Nước
Ôm nhau chết bên đường
v.v..*

Ta đang xem một người tung dao, múa kiếm tuyệt vời. Ta đang hoa mắt lên vì đường kiếm, ánh dao kia bỗng ô kìa sao có máu ai tia ra vậy ? Máu của người đang trở tài tung dao múa kiếm đấy.

Và chính anh ta cũng không biết nữa:

*Anh ơi tôi mới đến
Là hiện thân của bệnh
Hai ta đều quạnh quẽ
Đứt ruột nhớ thương nhau
Nấn ná sẽ lia nhau
Chiêm bao còn thấy nhau*

Đọc thơ Bích Khê nhiều lúc ta có cảm giác ấy. Ba chữ xoáy vào như ba mũi dao liên tiếp và máu đã tuôn ra.

Khê tìm ra mình, tìm ra Đông phương, tìm ra Dân tộc. Những lúc ấy anh viết như không:

*Thưa chị, đêm nay dường nhớ quá
Đưa thư, hồng nhận biết mang không ?
Muốn thấy người xa trong giấc mộng
Khuya lơ còn tựa ở bên song*

Nào bên song, nào hồng nhận, nào giấc mộng, nào đưa thư, ngỡ như chuyện cũ, lời xưa, tự thuở nào. Không đâu, chỉ chút thưa chị, chỉ một chữ khuya lơ, thì ta đã ở giữa thực tại bây giờ rồi. Chỉ cần một chút nhấn nhẹ thế thôi, đã là hiện tại.

Chính Apollinaire, chính Lorca đã chinh phục chúng ta nhờ sự kết hợp truyền thống và cách tân, dân tộc và hiện đại này. Cô Hồ Xuân Hương truyền thống đã thành người vợ mới cưới của Bích Khê:

Người vợ trong thơ, gán, cách mạng

Đêm nay không biết có về không ?

Nhưng cô Hồ Xuân Hương ấy không phải là người vợ theo công thức muôn thuở.

...Nàng Xuân Hương ngực để trần

Ngâm bài "Vấn nguyệt" tiếng trong ngần

Nhìn xuống nhân gian cười như điên

Chính phải đi vòng quanh thế giới để lúc trở về mới tìm ra cô có tiếng cười điên và bộ ngực để trần như vậy

Từ già anh em trước gió xuân

Khê báo trước mình sẽ chết vào mùa đông, cái mùa học máu của những người lao phổi. Cách mạng 1945 nổ vào mùa thu tháng 8. Khê bảo người nhà đưa anh ra ngõ, để anh nằm trên giường bệnh, sắp kê cái chết vẫn có thể chào được cờ đỏ sao vàng. Bõ công cho anh nhìn được ngọn cờ thiêng liêng ấy của dân tộc. Chúng ta, những người của ngọn cờ đỏ ấy, với tấm lòng trân trọng những giọt máu tài năng của đất nước, trân trọng những lời thơ viết bằng tiếng nói dân tộc còn lại sau bao binh lửa, đạn bom chúng ta làm Tuyển cho anh. Xua con quạ đứng im hơi vỗ cánh bay trên mồ anh đi. Gỡ đi các nhãn hiệu mà anh tự dán, hay người khác dán cho anh đi, kể cả tự điển ta đã gán cho anh và cho Hàn Mặc Tử nhiều từ thô bạo! Ô, cái chế độ Sài Gòn làm rùm beng về anh, về Hàn Mặc Tử, mà họ chỉ khai thác tình yêu, bệnh tật, đời riêng các anh thôi, chớ tuyển tập đầy đủ nhất về tác phẩm Hàn Mặc Tử vẫn là những

người của ngọn cờ đỏ sao vàng làm, còn tuyển thơ Bích Khê thì cũng đến chúng ta làm thôi. Năm 1963 chị Ngọc Sương – chị ruột Bích Khê – định in cho em. Nhưng người chị cách mạng ấy làm gì có tiền! Cái một gia đình không làm được thì hôm nay một cơ quan cách mạng làm, một tỉnh quê hương cùng với gia đình chị Ngọc Sương làm! Cũng không phải chỉ có tỉnh Nghĩa Bình, vì tình quê hương mới nghĩ đến Bích Khê. Tuần trước, nhà thơ Hoàng Trung Thông viết cho tôi: “làm tuyển Hàn Mặc Tử rồi, chờ gì mà không làm tuyển Bích Khê đi? Mình rất thích thơ cậu ấy”. Anh Vũ Quần Phương, một cây bút phê bình thơ khá có trọng lượng hiện nay là biên tập viên của nhà xuất bản văn học cũng vừa viết thư cho tôi nhắc chuyện Bích Khê.

Tôi tin không lâu nữa Khê sẽ có mặt trong các tuyển toàn quốc. mặc dù thế, tôi nghĩ là nếu Bích Khê còn sống hẳn Khê rất sung sướng được in tại quê nhà, nơi Khê đã sống, nơi Khê đang yên nghỉ. Nơi Khê chào ngọn cờ đỏ sao vàng trước lúc qua đời. Còn chúng ta, chúng ta hãnh diện tuyên bố rằng: Từ mảnh đất miền Trung, từ Nghĩa Bình, sau thơ Hàn Mặc Tử, giờ đến lượt thơ Bích Khê đang nhập vào lưới điện quốc gia. Những câu thơ bừng sáng.

Chế Lan Viên

Viên Tinh Viên 5-2-1988



Gs Lê Đình Kỳ

(Nhà Nghiên Cứu)

Bích Khê - truyền thống và cách tân

Sáng tác đầu đời của Bích Khê là thơ Đường luật, thơ ca trù. Nhưng Bích Khê thực sự gây ấn tượng là với loại thơ được coi thuộc chủ nghĩa Tượng trưng. Thành tựu nổi bật nhất của nhà thơ là gắn liền với lối thơ Tượng trưng, như chính nhà thơ đã từng tuyên ngôn:

Hơi lời ca man dại

Điệu nhạc thở hơi rừng

Đêm nay xuân đã lại

Thuần túy và tượng trưng

Man dại, nhạc thở hơi rừng... thuần túy và tượng trưng - Bích Khê tâm niệm một thứ thơ tuyệt đối, thuần túy. Tham vọng này đã có trước Bích Khê gần nửa thế kỷ, từ cuối thế kỷ 19 ở Châu Âu.

Nhưng thơ Bích Khê ra đời trong cái nôi của thơ mới lãng mạn. Chủ nghĩa Lãng mạn vốn đã không thuần túy (như chủ nghĩa Cổ điển chẳng hạn), đến Việt Nam lại sinh sau, nở muộ**n**, chịu ảnh hưởng của đủ thứ chủ nghĩa khác qua Baudelaire và văn chương Pháp nói chung. Tuy được coi là chủ soái của phái Thi sơn (Parnasse), trên thực tế ở Baudelaire có đủ các mầm mống, yếu tố của thơ hiện đại vào cuối thế kỷ 19 và đầu thế kỷ 20 (chủ nghĩa Ấn tượng, Tượng trưng, Siêu thực) – những mầm mống mà Xuân Diệu đã ghi nhận trong bài thơ *Huyền Diệu* có lấy một câu thơ của Baudelaire làm đề từ: *Mùi hương, màu sắc, âm thanh hô ứng với nhau* (Les parfums, les couleurs, et les sons se repondent). Nhưng Xuân Diệu cũng như Bích Khê trước hết là nhà thơ của Việt Nam, của Đông phương. Dù mới mẻ, “man dại” thì cũng không bật khỏi gốc rễ dân tộc. Có lẽ trong thơ ca, hồn dân tộc dễ nhận ra hơn cả là ở nhạc điệu của thơ. Điều may mắn đối với Bích Khê cũng như đối với thơ ca Việt Nam nói chung là dù có hướng tới hiện đại đến đâu cũng không coi thường tính nhạc của thơ.

Với chủ nghĩa tượng trưng, được quan tâm trên hết mọi sự là nhạc điệu trong thơ (De la musique avant toute chose – Verlaine). Không phải ngẫu nhiên mà Bích Khê có nhiều bài thơ, đoạn thơ dành cho nhạc, vū: *Nghe chuông, Mộng cầm ca, Tỳ bà, Nghê thường, Dây bản đàn thơ, Tiếng ca, Nam hành, Đàn sáo dưới trăng, Tiếng đàn mưa...* Điệu thơ nghe rất lạ, rất mới mà cũng thật gần gũi, với những mâm vàng đĩa ngọc, chung rượu, muôn trùng, nước ái non tình...

Mâm vàng đây, đĩa ngọc đây

Tiệc hoa sang, rượu chung đây

Trống ra mây nước muôn trùng biếc

*Nước ái non tình bóng nguyệt rây
Tiếp ly cạn, cạn ly đầy
Năm con một vợ ngồi vòng xây
Nhạc chim thanh tước rót về đây...*

(Nam hành)

Có lẽ do yêu cầu nhạc tính mà Bích Khê không chỉ sáng tạo ra hai câu như trong Nhị hồ của Xuân Diệu, mà cả một lối thơ toàn thanh bằng như: *Hoàng hoa, Tỳ bà*, Bích Khê cũng tiếp thu rất sáng tạo lối thơ ngắt nhịp ở từ thứ tư, chia câu thơ bát cú ra làm hai nửa tứ ngôn, tạo thành cái giai điệu nửa riêng tây, nửa thuận hòa mà Hàn Mặc Tử đặc biệt tán thưởng. Dẫn mấy câu trong bài Nhạc:

*Ồ! Nắng vàng thơm... rung rinh điệu ngọc
Những cánh hồng đơm, những cánh hồng đơm
Nhịp nhàng, nhịp nhàng thở đều trong sương...
Từ ở phương mô nhận mang thơ về
Đây đây trinh bạch khóc mướt trong mơ
Đây hồn ngọc thạch xanh sao như tở?*

Hàn Mặc Tử có lời bình "*Phải chăng ta nhận thấy sóng âm thanh xao gợn, nổi trôi lên xuống như muôn hoa gió lùa*"

Bích Khê quan niệm thơ phải là:

*Một hỗn độn giữa xô bồ say dậy
... Lời truyền sóng đánh điện tới muôn nơi
Chữ bí mật chứa giấu bao thuốc nổ*

Hỗn độn, xô bồ, nhưng phải *say dậy*, vực dậy sự sống, đánh thức tâm linh. Bí mật để gây nên sức nổ dây chuyền của cái lạ lẫm, cái tiềm thức, cái vô thức qua những ẩn tượng, những liên

tưởng đột xuất, bất ngờ, xóa tan mọi khoảng cách, đem nhích lại gần nhau, chồng kê lên nhau giữa những cái vốn xa lạ, vô can... Chữ ở đây vừa là phương tiện, vừa là cứu cánh. Có khi chữ đến trước nghĩa, chữ kéo theo nghĩa, âm thanh gọi âm thanh.

Những nhà thơ tiên phong “*khinh rẻ khuôn mòn bỏ lối quen*” dù là thói quen đã đưa tiền bối cổ kim Đông Tây đến những đỉnh cao rực rỡ. Thơ hiện đại có thiên hướng biến cái trừu tượng thành cái cụ thể hay ngược lại, biến cái vốn im lìm bất động thành sống động, có hồn, biến đổi tượng thành chủ thể, từ là định ngữ, bổ ngữ vụt trở thành chủ ngữ, cựa quậy, phá phách, khi cần thì vụn vẹo, tháo tung câu thơ, xô đẩy tiết tấu, tạo nên cái cảm giác tán loạn “*một hỗn độn xô bồ, say dậy*” trong cái thế giới hiện đại đầy trần trở, bất an. Chỉ có Bích Khê mới có thể xô đẩy, đảo lộn từ ngữ, cú pháp, tiết tấu:

*Buồn và xanh trời. (Tôi trôi với bờ
Êm biếc – khóc với thu; lời úa ngò
Vàng... Khi cách biệt giữa hồn xây mộ
Tinh hôm qua – dài hôm nay thương nhớ
Im lặng nhìn bóng ý, lặng lẽ lên
Những dáng hình thanh khí...). Giữa mộng mêh...*

(Duy Tân)

Bích Khê xuất hiện trên thi đàn Việt Nam như nhà cách tân đi xa hơn cả so với đương thời. Thơ Bích Khê khi mới ra đời (tập *Tinh Huyết* in năm 1939) được Hàn Mặc Tử đánh giá cao nhưng người thưởng thức thơ Bích Khê không nhiều. Đến tinh tế như Hoài Thanh mà cũng đành viết: “*Tôi đã đọc không biết mấy chục lần bài Duy tân, tôi thấy trong đó có nhiều câu thật đẹp. Nhưng tôi không dám chắc bài thơ đã nói hết cùng tôi những nỗi niềm riêng của nó... Hình như vẫn còn gì nữa...*”

Còn các bài khác hoặc chưa xem, hoặc mới đọc có đôi ba lần. Mà thơ Bích Khê, đọc đôi ba lần thì cũng như chưa đọc

Năm 1983, Chế Lan Viên tuyển chọn và giới thiệu, đã phân tích cặn kẽ và biểu dương tác giả Tinh Huyết, Tinh Hoa, vẫn thấy cần phải dè dặt: *“May thay Khê không chỉ có thất bại, cùng với thất bại Khê có thành công”*. Kể ra người sáng tác nào mà bên cạnh thành công lại không có ít nhiều “thất bại”. Mà thành công ở Bích Khê được tác giả Thi nhân Việt Nam trích bình tuy ít ỏi nhưng cũng đủ gây ấn tượng cho một ý niệm về tài năng lớn của nhà thơ *“bí hiểm”* này:

Ô! Hay buồn vương mây ngó đồng

Vàng rơi! Vàng rơi! Thu mênh mông

Và mấy câu trích trong bài Tranh lỏa thể:

Dáng tằm xuân uốn trong trnh Tố nữ

Ô tiên nương! Nàng lại ngự nơi này ?

Nàng ở mô ? Xiêm áo bỏ đâu đây ?

Đến triển lãm cả tấm thân kiều diễm.

Nàng là tuyết hay da nàng tuyết điểm ?

Nàng là hương hay nhan sắc lên hương ?

Mắt ngời châu rung ánh sóng nghệ thường

Lệ tích lại sắp tuôn hàng đũa ngọc

Đem u huyền ngủ mơ trên mái tóc

Vài chút trắng say đọng ở làn môi

Hoài Thanh nghĩ rằng đó là “những câu thơ hay vào bậc nhất trong thơ Việt Nam” Hẳn rằng người đọc cũng dễ đồng tình với sự thẩm định ấy, cũng như với lời bình của Hàn Mặc Tử “thi sĩ Bích Khê là người có đôi mắt rất mơ, rất mộng, rất

ảo, nhìn vào sự thực thì sự thực sẽ thành chiêm bao, nhìn vào chiêm bao lại thấy xô sang địa hạt huyền diệu”

Bích Khê không chỉ có bấy nhiêu mà còn nhiều bài, nhiều đoạn, nhiều câu khác, hình thành thế giới thơ, bộ mặt thơ riêng của mình mà lịch sử thơ Việt Nam không tính đến. Có thêm những lời bình của Hoài Thanh và Hàn Mặc Tử thì người đọc dễ vượt qua cái cảm giác “khó hiểu” ban đầu, để nhập vào thế giới thơ này, mà nó được sự đền đáp xứng đáng.

GS. Lê Đình Ky

(Trích Báo Thanh Niên)

(số 12 – 21/01/1997)

Hoàng Thiệu Khang

(Nhà Nghiên Cứu)

trong thơ mới chưa có "bích Khê"

Muốn hình dung chiều cao của một vật, chúng ta phải để vật đó bên cạnh một vật khác. Muốn biết chiều cao của thơ Bích Khê chúng ta phải đặt những bài thơ ấy trong tiến trình của Thơ Mới – thời đại thơ Bích Khê, và có lẽ cũng phải đặt chúng cả bên thơ đương đại Việt Nam, dành rằng, mọi so sánh đều khập khễnh.

Thơ Mới chưa được như thơ Bích Khê về cả hai phương diện nội dung cảm hứng và cấu trúc ngôn ngữ thơ. Bích Khê đã thực thi một đoạn tuyệt cao hơn thời đại mình với thơ cũ và một thách đố đáng sợ hơn với thơ đương đại.

Trong “Chương Dân thi thoại”, học giả Phan Khôi đã bàn đến thơ ca với trí tuệ uyên bác. Chúng ta đã tìm thấy những ý tưởng ấy ở Lê Quý Đôn, Ngô Thì Nhậm... Nhưng trong những ý tưởng ấy, chúng ta chưa thấy có bóng dáng thơ Bích Khê. Trong “Thi nhân Việt Nam”, ông Hoài Thanh – đại diện có thẩm quyền cho những trái tim biết cảm thụ thơ ca của thời đại (1930 – 1945), chúng ta có một chút thất vọng về những lời bàn về thơ Bích Khê của tác giả đó. Hầu như, ông Hoài Thanh phải nhờ đến Hàn Mặc Tử khá nhiều khi nói về Bích Khê. Có lẽ với thời ấy, thơ Bích Khê phù hợp với nội dung “hình nhi thượng” trong Tuyên ngôn thơ của Xuân Thu Nhã tập hơn cả.

Thơ Bích Khê là hội họa trừu tượng.

Họa không phải là bản thể của ngôn ngữ thơ, cho nên, thơ thường phải mượn đến họa. “Thi trung hữu họa” là một lời dặn dò của kinh nghiệm làm thơ. Muốn vào trong thơ như là cái bản thể của thơ thì họa phải tự hủy cái chất tạo hình vật lý cụ thể của mình, nghĩa là phải hủy cái hình thái tự nhiên vốn dĩ của mình, để hóa thân thành họa siêu hình – cái họa lung linh trong cảm xúc của một người, khúc xạ trong một chất chủ quan cá thể.

Thơ Mới chưa ai làm điều ấy, chỉ trừ một Bích Khê.

Tiên cảnh của Thế Lữ dẫu có huyền ảo thì cũng chỉ là bức hội họa tả thực...

*Tiên nga tóc xoã bên nguồn
Hàng tùng rủ rủ bên cồn đìu hiu...*

Hình trong thơ Xuân Diệu, Huy Cận đều là hình thật, chưa là siêu hình. Thậm chí cái không gian thẩm mỹ trong thơ Huy Cận cũng là một không gian ba chiều của vật lý cổ điển:

*Nắng xuống, trời lên sâu chót vót
Sông dài, trời rộng, bến cô liêu...*

Hình trong thơ Bích Khê không còn là hình vật lý nữa, nó đã là hình của hình dung:

*Nàng ở mô? Xiêm áo bỏ đâu đây
Đến triển lãm cả tấm thân kiều diễm
Nàng là tuyết hay da nàng tuyết điểm ?
Nàng là hương hay nhan sắc lên hương ?
Mắt ngồi châu rung ánh sóng Nghê thường...
... Đêm u huyền ngủ mơ trên mái tóc.
Vài chút trắng say động ở làn môi*

Hình trong thơ Bích Khê đúng như nhà thơ nói: “Đường kiến trúc nhịp nhàng theo điệu mới”. Thơ Bích Khê mang chất hội họa mới, hội họa hài hòa kiểu hiện đại ;nghĩa là có bất hòa trên bề mặt, để đi tới thống nhất trong bề sâu:

*Chữ biến hình ảnh mới, lúc trong ngâm
Chữ điệu khắc, tả nghệ thuật sâu cảm
Đầy thẩm mỹ của một pho thần tượng
Lúc trong ngâm, giữa kho vàng mộng tưởng
Múa song song khiêu vũ dưới đêm hồng...*

Đúng là, nhà thơ đã là Đấng sáng tạo của hội họa trong thơ:

*Hỡi hội họa, đến muôn đời nước nở
Ta nhịp nhàng ý nhị nhịp theo ta*

Họa trong thơ Bích Khê là một thế giới được triệt để xếp đặt lại bằng cái Ta, bằng cái chủ quan của nhà thơ; là hội họa “nước nở” vì phải rơi đau đớn cái thói quen ba chiều muôn thuở của mình, “nước nở” vì hạnh phúc được tái sinh mỹ miều hơn; sang trọng hơn... trong thơ.

Ai cũng biết, hình thái cảm hứng đòi cấu trúc ngôn ngữ thơ tương ứng. Có thể nói, chưa một nhà Thơ Mới nào lại phá được cái cấu trúc văn xuôi trong thơ như Bích Khê, Thơ Thế Lữ, Xuân Diệu, Huy Cận... hay vô cùng, nhưng xét đến cùng, vẫn mang dáng dấp của văn xuôi có vần, vẫn là câu thơ thoát thai từ câu văn xuôi:

*Sóng gợn tràng giang buồn điệp điệp
Con thuyền xuôi mái nước song song
Thuyền về nước lại sầu trăm ngả
Củi một cành khô lạc mấy dòng*

Có tình hình như thế cũng bởi vì trong sâu xa, các nhà thơ này còn dửng dăng giữa một hiện thực có thật và một thế giới đã được cái Tôi chiếm lĩnh, giữa một *khách thể* với một *đối tượng*. Nhà thơ chưa hoàn toàn về với thế giới đối tượng của mình. Tình hình ấy làm cho nhà thơ nghiêng về loại ngôn ngữ miêu tả hơn là loại ngôn ngữ biểu hiện. Trong khi, thơ đích thực lại là ngôn ngữ biểu hiện:

Thơ Bích Khê chỉ là ngôn ngữ biểu hiện:

*Tôi cắn vào trái bồ vỏ xanh mơ
Tìm chất quý thơm tinh mùi khoáng lạc
Bằng hơi mộng, trong hàm răng, tản mát
Mộng?
Thiên tài?*

–Trên hỗn độn khóa thân

Đẹp tử mỹ, hơi rung động truyền thần...

Vì là một hệ thống ngôn ngữ biểu hiện, cho nên thơ Bích Khê có những mối liên kết các câu thơ rất lạ so với thông thường:

*Như mặt trời mọc qua khóm liễu, một
Hoàng hôn. Ôi đàn môi, chim báu tốt:*

Có khi giữa đoạn thơ, Bích Khê lại cho một vài câu thơ đi vào vòng đơn:

*Người hòa điệu với thiên nhiên ân ái
Buồn, và xanh trời, (Tôi trôi với bờ
Êm biếc – khóc với thu: lời úa ngô
Vàng... Khi cách biệt – giữa hỗn xây mộ –
Tinh hóm qua – dài hôm nay thương nhớ
Im lặng nhìn bóng ý, lặng lẽ lên*

Những dáng hình thanh khí...

Giữa mộng mênh.

Đó là hệ ngôn ngữ hủy diệt logic thông tin giữa hai trái tim đồng điệu độc đáo, là một chiếc cầu nối cái Tôi Bích Khê với cuộc đời hờ...

Mỗi nhà thơ là một chủ nghĩa. Thơ đã hay thì theo kiểu nào cũng hay, cũng làm mê lòng người. Đặt Bích Khê bên cạnh những nhà Thơ Mới không với mục đích khẳng định cái hay hơn của thơ Bích Khê, mà chỉ đi tìm cái mới, cái lạ của thơ ca ấy

Qua nội dung cảm hứng và cấu trúc ngôn ngữ thơ, người đọc cảm nhận có một Bích Khê rất cô đơn, và ông càng cô đơn trong giải pháp đưa thơ vào cái mới chưa hề có trong thời đại mình, trong Thơ Mới.

Con người cô đơn này đã tìm về với Cách Mạng Tháng Tám vì đó là điều hiển nhiên của mọi cô đơn thời ấy. Chỉ tiếc là, có một Bích Khê đã định mệnh trên giường bệnh... thì mới được nhìn lá cờ đỏ sao vàng...

Hoàng Triệu Khang

(Trích báo Xưa và Nay)

(Tháng 1/1997)

Thanh Thảo

(Nhà thơ)

chàng bước tới

Bích Khê có một bài thơ in trong tập Tinh Huyết, bài thơ có tựa đề rất mới, so với tất cả các tựa đề của thơ tiền chiến: *Nàng bước tới*. Đó là một tựa đề rất động, rất tự nhiên, rất bình thường, và như thế là hiện đại, theo cách hiểu của chúng ta bây giờ. Giữa một hình thức đã ổn định của câu thơ tiền chiến, Bích Khê quấy cựa:

Ai giam lỏng một vì sao giữa mắt

Ánh con người hàm súc biết bao lời?

Lời truyền sóng đánh điện khắp muôn trời

Chữ bí mật chứa ngầm hơi chất nổ

Nàng bước tới là tim tôi lay đổ.

Khí chất này có hơi hướng Hàn Mặc Tử. Ở một số bài thơ khác của Bích Khê, lại có hơi hướng của những thi sĩ bậc thầy Pháp thế kỷ XIX. Nhưng làm sao khác được khi nhà thơ muốn tìm con đường riêng cho mình, để thu nhận và vượt

Choát, để làm nên một giá trị mới cho thơ, giữa một không khí xã hội tù đọng, bảo thủ, dị ứng với những cách tân.

Hình như Bích Khê rất thích André Gide, một bậc thầy cách tân quyết liệt trong văn xuôi Pháp đầu thế kỷ XX, thích đến mức ông đã dịch cuốn hồi ký Trở về từ Liên Xô của Gide, để sau này cứ bị nghi kỵ là “phần tử Trốt-kít”. Những người tìm đến sự hoàn mỹ của hình thức nghệ thuật thường dễ gặp nhau. Mà trong nghệ thuật, trong thơ, hình thức là gì? Hình thức chính là sự hiện diện nghệ thuật riêng biệt của từng nghệ sĩ. Không có cái hình thức đó, thì cũng chẳng bao giờ có nghệ thuật.

Nếu nhà thơ là “con chim ngựa cỏ hót chơi” như Xuân Diệu định nghĩa, thì Bích Khê là con chim hót chơi có ý thức, muốn giọng khác. Giọng ấy có lúc trở nên thách thức:

*Cho chân lý ngời ra như luỡi kiếm
Cho tình ta xô dòn sang cực điểm
Và hào quang khiêu vũ với hào quang*

(Nhàng Bước Trời)

Và:

Ta nhíp nhàng ý nhị nhíp theo ta.

(Duy Tân)

Không khẳng định được cá nhân sáng tạo thì cũng chẳng bao giờ có sáng tạo – thông điệp ấy của Bích Khê đến giờ vẫn mang ý nghĩa thời sự. Bích Khê trần trụi với từng con chữ:

*Ngày đi chậm lắm. Dòng sông biếc
Cùng sáng trong trời sợi sợi mưa.*

Tại sao không dùng hừng sáng hoặc bừng sáng mà lại dùng *cùng sáng*? Có lẽ chữ *cùng* ấy gay gắt hơn, mạnh hơn, đậm

ngọt hơn, và như thế, câu thơ gây được ấn tượng hơn. Có thể đưa ra nhiều dẫn chứng về sự tìm tòi lời chữ, nhịp, nhạc, hình ảnh trong thơ Bích Khê. Những tìm tòi ấy không vô ích, nó đã đưa thơ ông đứng riêng, tách biệt với dòng thơ đương thời, để sau này Chế Lan Viên có được nhận định: “Nếu Nguyễn Bính là một miền đồng bằng quen thuộc, thì Bích Khê là một đỉnh núi lạ”. Nhận định ấy không quá đáng, chính Bích Khê đã tiên cảm được số phận long đong nhưng không hư mất của thơ mình:

*Hồn tôi đã thoát để tiêu dao
Những tờ thơ nát đầy hơi hám
Tay khách đa tình sẽ chuyển trao*

(Năm Mộ)

Và như thế, đây tự tin, chàng bước tới! Tự tin bao nhiêu thì cô đơn, đau buồn bấy nhiêu, đó cũng là số phận dành cho thi sĩ:

*Là lúc đêm về trên mái ngói
Những nhành nhãn muộn cánh dơi bay
Em đang nổi bệnh trong phòng vắng
Tinh đậm theo trăng sáng sáng đầy...*

(Làng Em)

Không phải đỉnh núi hay đáy vực làm nên thơ hay mà chính là lúc đang rơi, lúc lơ lửng giữa đỉnh và vực là lúc mà nhà thơ có được những thi phẩm xuất thần. Với những bài thơ *Duy tân* hay *Xuân Tượng trưng*, hồi đó được coi là rất mới, hoặc mới tới mức khó chấp nhận, thì bây giờ đọc lại cũng mới vừa hoặc đã cũ. Chắc là vì trong những bài ấy, phần can thiệp của ý thức quá rõ, quá mạnh, phần không tự giác, phần thiếu ý thức hơi ít. Trong khi những bài thơ như *Hàn Mặc Tử*, hay *Làng em*, hay *Năm mộ*, bây giờ đọc lại vẫn

thích, vẫn gây được xúc cảm mới, vì trong đó phần cảm giác đã được đẩy lên thành tiên cảm, những vết thương phơi trần ra, phần ý thức chìm lặng, ngôn ngữ thơ trở nên mờ đặc như những viên gạch xây giản dị nhưng che khuất cái khoảng trống bên trong. Với những bài thơ hay, thi sĩ sáng tạo với toàn bộ thể chất và tâm linh mình, và không biết cái nào bắt đầu trước: thể xác hay tâm linh? Đó là những bài thơ người ta chỉ phóng ra có một lần, xuất ra có một lần, rồi ngắt. Phần tích điện, phần thu góp năng lượng là cả một quá trình, nhưng sáng tạo là khoảnh khắc. Khoảnh khắc ấy xảy ra càng đột ngột bao nhiêu càng tốt bấy nhiêu. Vì thế những bài thơ Bích Khê phải dùng nhạc điệu để đưa dần thơ vào “cõi quên”, “cõi mê”, tức là đưa dần ý thức vào vô thức, phần thành công khó được trọn vẹn cả bài, mà chỉ được từng đoạn, những đoạn thơ đã nhập, như kiểu nhập đồng. Có thể dẫn chứng bài *Tỳ bà*, một bài thơ nổi tiếng của Bích Khê, Hoài Thanh đã không nhầm khi trích ra hai câu cuối của bài:

Ô! Hay buồn vương cây ngô đồng

Vàng rơi! Vàng rơi! Thu mênh mông

Đó là hai câu đã nhập, khi hình ảnh và âm nhạc đã hòa làm một, và hai câu thơ tự nhiên bật ra ngoài sự kiểm soát của ý thức.

Viết về thơ Bích Khê, những nhà thơ cùng thời với ông, những nhà thơ bạn thân của ông như Hàn Mặc Tử, Quách Tấn, Chế Lan Viên, đã viết rất hay. Đó là điều dễ hiểu: viết về người cùng thời bao giờ cũng thích thú hơn, dễ chia sẻ hơn, bởi vì viết về bạn cũng là viết về mình, những khao khát và những được, mất của mình. Nhưng những nhà thơ đã có khả năng hiện diện tới đời sau, tới những thế hệ sau, cũng cần được những người đời sau nhìn nhận theo cách của họ, với thời đại họ. Tôi tin, Bích Khê còn được yêu mến và còn bị

70 năm đọc thơ Bích Khê

hiểu nhầm, không chỉ ở quê hương núi Ấn sông Trà của ông. Được yêu mến và bị hiểu nhầm, đối với một người sáng tạo, là một niềm hạnh phúc.

Bích Khê là một nhà thơ có hạnh phúc.

Thanh Thảo

(Trích báo Tuổi Trẻ Chủ nhật)

(26/01/1997)

tam ích

(Nhà Nghiên Cứu)

nhân nhớ bích Khê

và đọc thơ bích Khê - Bàn về thơ tượng trưng

*Kính tặng cụ bà Lê-Mai-Khê, thân mẫu Bích Khê;
và mến tặng bạn Lạc nhân Nguyễn Quý Hương, anh rể
Bích-Khê...*

Hồi tiền chiến, có hai người viết về Bích Khê như sau này “... mà thơ Bích Khê, đọc đôi ba lần thì cũng như chưa đọc...”. Hai người ấy là Hoài Thanh và Hoài Chân viết trong cuốn Thi nhân Việt Nam. Hồi đó, chiếu thi nhân nhiều người ngồ: Có đến mấy chục người – kể cả những người làm thơ ngồ vào đó cho đông mà thôi! Trong cuốn sách ấy, mỗi người làm thơ chiếm mấy trang phê bình của Hoài Thanh và Hoài Chân. Riêng Bích Khê có mấy dòng..

Có ai ngờ vài ba dòng ấy lại là vài ba dòng rất đúng – đúng vì thơ Bích Khê đọc một lần chưa phải là đọc. Hoài Thanh và Hoài Chân có ngờ đâu đó gần là lời “Thú tội” đối với người hiện đã là người thiên cổ cũng như đối với văn thi giới hai ba chục năm sau đọc lại Bích Khê và hiểu Bích Khê... nhất là hiểu thơ Bích Khê và cảm thông với Bích Khê. Tôi nói cảm thông, vì người ta cảm thông với thơ, với tranh. Người ta cảm thông với nghệ phẩm, cùng với nghệ phẩm là một rồi yên lặng trong phi thời gian và phi không gian: cái

đẹp không trần trụi trong từng bừng cũng như không lóa lờ trong những cõi thiếu thông minh, thiếu tế vi... chẳng hạn là thế! người đề tựa thơ của chàng là Hàn Mặc Tử và người đề bạt thơ của chàng là Hoàng Trọng Miên: hai người này ngày đó say mê thơ Bích Khê thật đã không lầm.

Chỉ tiếc rằng thơ Bích Khê sắp ra đời thì chiến tranh lớn lần thứ hai sắp xảy ra: khí hậu nhân sinh bắt đầu thiếu thăng bằng. Lê tự nhiên, người ta quên thi nhân và quên thơ. Có chiến tranh là có quên: văn nghệ thiệt thòi nhiều nhất...

*
**

Tôi thường nói Xuân Diệu và Huy Cận tiền chiến là thi nhân Tượng trưng, thuộc thi phái Tượng trưng. Kể cũng hơi ép: vì đây là hai người đi vay mượn của những người làm thơ ở xa xôi lắm: Mallarmé, Verlaine... là những thi nhân của những chân trời mù mù mịt mịt đối với nước non này... Đã là kẻ vay mượn thì dù có tài, người làm thơ chỉ có quyền hãnh diện một cách tương đối...

Có mấy người không hề vay mượn mà vẫn là những thi nhân có vị trí riêng biệt trong thi giới: vị trí của những người làm khuôn thước cho mai sau: Vũ Hoàng Chương, Đinh Hùng..., những người “đệt gấm Á Đông” cho thanh niên trí thức tiền bán thế kỷ (và cả bây giờ); và những thi nhân làm thơ như chạm trở đồ trang sức của những đời vương giả đã khuất trên sử xanh: Quách Tấn, Đông Hồ...

Chúng ta thêm vào đó hai người có kích thước: Hàn Mặc Tử, Bích Khê. Hai người làm thơ tượng trưng và gần như không vay mượn của chân trời mới Âu tây một mẫu âm thanh nào. Đất Á Đông vốn là đất phong phú về nhạc tính: nhạc

tính là vốn liếng Á Đông có từ ngàn năm từ muôn thuở: người làm thơ chỉ cần nuôi dưỡng tình ý và nuôi dưỡng tài làm thơ: nhạc tính từ đó vang lên, vang lên...

Ngôn ngữ Á Đông vốn là ngôn ngữ đơn âm và chứa rất nhiều *thanh... tượng trưng* bắt đầu từ đó...

Thơ Tượng trưng ?

Người ngàn năm sau thường bội bạc với người đời trước và phủ nhận chất trí thức của kẻ đã có mặt trong sử xanh; đôi khi họ cứ tưởng cái họ tìm ra là cái mới nhất. Họ có biết đâu rằng cách đây bảy tám trăm năm Dante đã nói về nhạc tính trong thơ: *một bài thơ chỉ là một giai âm* (Un poème est composition de mots disposés d'une manière musicale). Ly khai với nhạc tính, thơ chỉ còn là một nhan sắc trơ trẽn, thiếu duyên. Mô phạm! Văn học Việt Nam nếu rất phong phú thì có lẽ chúng ta đã chẳng cần mượn cái Bà Huyện Thanh Quan để hãnh diện mà cũng chẳng phải mời chàng Lê Thánh Tông lên làm “nguyên súy” của cả một Tao đàn: cái ông này chễm chệ lên ngôi đó rồi ngày sau con cháu vẫn rộng lượng với bất kỳ một người đã chết nào...

Lom khom dưới núi tiêu vài chú

Lác đác bên sông chợ mấy nhà

thật quả tình chưa làm rung động được bất kỳ một hồn thơ nào! Một Bích Khê mới gần hai mươi tuổi làm thơ Đường luật vịnh Đèo Hải Vân cho Phạm Quỳnh và Huỳnh Thúc Kháng đăng cách đây hàng gần thế kỷ, còn làm lòng người băng khuâng và thê thê buồn đìu hiu hơn nhiều...

Bỗng nhiên, đời nhà Đường bên Tàu xưa, có một ông Trầm Dự đem cái mớ bằng trắc ra ngăn mọi hướng của lòng người, của tình người... rồi gọi nó là âm luật: Ở đời, thật không có ai đại dột hơn là người lấy khuôn thước để đo tình người, lòng

người, ý người! Trong thơ có cả một vụn nẻo và một nẻo lẻ một... lối và hương. Cái ông Trầm Dự ấy có ngờ đâu những bài thơ hay nhất lại là, ngoài một số thơ Đường luật, những bài Cổ phong và bài Từ. Và có ai ngờ thơ Tự do ngày nay lại cũng chỉ là một loại... Từ. Tôi có một ông bạn ở lâu năm bên Pháp mới về, và vốn lại là người yêu thơ, mơ thơ, hay hỏi tôi về thơ và... thơ. Tôi nghịch ngợm chép bài Tống biệt và đưa cho xem, nói dối rằng đó là của Đông Hồ và Thanh Tâm Tuyền cùng chung làm... Đọc xong anh cho rằng không ngờ thơ Tự do lại có bài hay đến vậy. Tuyệt tác! Tuyệt tác! Đến lúc tôi nói rằng tác giả bài ấy là Tấn Đà và bài ấy đã từng có một thuở xa xôi lắm và là một bài Từ ngắn, ông bạn mới ngã cả cái con người ra, rồi ông đâm ra thần thờ và không hiểu giữa Từ và thơ Tự do, biên giới ở đâu? Kể ra tôi có một ông bạn thơ cũng hơi quá đáng! Nhưng biết làm sao!

Sự thật, chỉ có vấn đề hay và dở! Và nhạc tính trong thơ.

*
**

Nhưng Bích Khê không phải chỉ là người làm thơ Đường luật, thơ Cổ phong và Từ một cách rất tượng trưng. Một hôm, chàng ly khai với thơ cũ và trưởng thành trong những nhịp thơ mới: nhịp của những Hàn Mặc Tử, Xuân Diệu, Huy Cận... Người của thời mới có nhịp mới. Bích Khê, thi nhân Tượng trưng của thơ Đường trở nên thi nhân Tượng trưng của Thơ Mới. Thời làm sao, người làm sao, nhịp làm vậy: câu thơ chỉ là phản ảnh của cá tính nhìn qua một thứ quang tuyến... Mariane Moore, một thi bá của Mỹ, nói đúng lắm: "Le rythme est la personne, la phrase n'est que la radiographie de la personnalité". Cùng với những thi nhân tiền chiến, chàng

sáng tạo lại (recréation) âm thanh của chàng trong một số thi tiết mới. Tôi chưa hiểu mấy câu thơ sau đây là Thơ Mới, hay thơ Tự do, hay thơ Siêu Tự do:

*Mâm vàng đây, đĩa ngọc đây
Tiệc hoa sang
Rượu chung đây
Trông ra mây nước muôn trùng biếc
Nước ái non tình bóng nguyệt rây
Tiếp ly cạn, cạn ly đây.
Năm con một vợ ngồi vòng xoay
Nhạc chim thanh tước rót về đây
Đổ cành vàng lá lục
Nâng chén tình ròn
Ca một khúc
Tiệc hoa hể, chén ngọc hể
Giang hồ vút cánh sau chung rượu
Năm vẻ rỗng bay, ánh sắc mây
Tiền ròn bạc tốt trong tay trắng
Danh nghĩa cao sang tợ mặt trời
Tiếng xe rổn rảng sau bờ trúc
Bóng vợ bóng con lẫn bóng cây
Đông liễu tây đào ngồi khép nép
Nẻo xuân rủ gấm phủ hoa đây
Mình ơi!
Rồi chén này*

*Nụ cười Bao Tự điểm xuân ngây
Rạng màu yếm tiệc ngọc lung lay
Xa xa đường thoảng tiếng châu reo
Dặm cỏ*

Ven đời

Hoa lác đác

Ngựa ai rung lạc tiếng trong veo .

Đó là thơ.

Và là thơ Bích Khê – trong bao nhiêu bài thơ như vậy của con người tài hoa bạc mệnh: thơ là sự phối hợp của âm thanh: thơ là sự tràn trề của tình ái, nhiều nhịp, nhiều khúc, nhiều hướng, một ngàn lẻ một đêm nhiều trăng sao, thiếu trăng sao buồn như nước mắt, buồn như những nỗi, những mối, những ngổn ngang, buồn như tha ma mà không buồn như tang, buồn như rượu nồng, buồn hề, buồn dĩa ngọc mâm vàng... buồn như một bài nhạc buồn đầy nhạc tính... buồn không ủy mị; buồn một thứ thê thê không gây đắm mê, buồn của kẻ ngắm cái đẹp, thưởng ngoạn rồi một đi trên một ngàn lẻ một hướng *dững* trong nhân sinh.

Ngàn năm mới thường có một thuở... thơ như thế. Cũng như ngàn năm một thuở Nguyễn Du trong *Truyện Kiều*; một thuở *Tình quê* của Hàn Mặc Tử; một thuở *Tống biệt* và *Cảm thu* của Tản Đà cũng như, ngàn sau về ngàn xưa có *Hoàng Hạc lâu* của thi bá họ Thôi... Chẳng hạn.

Những nghệ sĩ – theo cái nghĩa chân chính của nó – của cả loài người cũng như của riêng một dân tộc nào đó, đều có một nếp sống, một tác phong tư tưởng và *tưởng tượng*... một mình một cõi, không giống ai. Họ sống khác người mà khi buông xuôi hai tay, họ cũng không giống thiên hạ. Cummings gọi nó

là “unicité”. Có người gọi tác phong ấy là độc đáo. Tôi thì gọi nó là cái *một*. Ai đã gần Bích Khê đều thấy chàng có cái *một* ấy. Cả một đời Bích Khê, chàng trung thành với cái *một* ấy, và không muốn ai chạm đến cái *một* của chàng – cho đến ngày chàng nằm xuống, *một* đi... Tôi xin nói lại: cái *một* ấy, chàng nâng niu nó, nuôi dưỡng nó... đến cái trình độ người ta nhìn chàng như nhìn một ngôi sao lẻ tránh một ngàn lẻ một ngôi sao khác để đi con đường hành tinh riêng của mình. Thi nhân họ bướng bỉnh và ngửa nghiêng như vậy: ai lại gần được Bích Khê thì lại gần được Edward Cummings, một nhà thơ trứ danh của Mỹ hiện thời. Không ai hiểu được Cummings vì không ai dám chạm đến cái *một* trong đời sống cơ thể, tinh thần và trí thức ngược với tất cả những công thức giả dối của đời sống; không ai thương Cummings... Nhưng hiện thời Cummings đứng hàng đầu trên chiếu thi nhân Âu Mỹ... Về cái *một* Cummings, chàng thường nói: “Être un individu c'est surtout reconnaître une valeur sacrée à l'unicité de tout être humain, sauvegarder cette unicité et se battre sans cesse pour l'affirmer”. Ý Cummings muốn nói rằng cái độc đáo của một cá nhân có một giá trị thiêng liêng, đã là con người thì phải bảo vệ cái độc đáo ấy và tranh đấu để cho nó phát hiện. Cummings nói về con người như vậy, nhưng ông áp dụng vào ông nhiều nhất, và trước hết...

Và chúng ta thêm vào đó một người: Bích Khê.

Ai đã gần Bích Khê đều biết: mỗi bài thơ của chàng là mỗi một và cả tập thơ là cả một cái một toàn diện. Ngày nay Bích Khê đã khuất để lại cho chúng ta một sự nghiệp làm Hoài Thanh, Hoài chân chưa kịp đọc... Chị ruột chàng là bà Ngọc Sương vẫn đọc; anh rể chàng là Lạc Nhân Nguyễn Quý Hương vẫn đọc; bạn chàng là tôi vẫn đọc; cháu chàng là Nguyễn Lê

Thu An, một thiếu nữ tuổi đôi mươi đương làm thơ chờ ngày ra đời và có mặt trong thi giới, cũng vẫn đọc... nhiều lần.

Nhưng Tượng trưng là gì ?

Cũng mãi vài chục năm nay, người ta mới hay nói đến danh từ Tượng trưng. Thực ra, danh từ ấy là dịch chữ "Symbolisme" của văn học Âu Mỹ. Vậy Tượng trưng trong văn thơ là gì ? Nói cho đúng, thật khó nói: có người cho rằng Tượng trưng là một thực thể thần bí và Tượng trưng vọng từ cõi thông minh của Á Đông... Có người cho rằng vấn đề tượng trưng chỉ là một vấn đề kỹ thuật trong thơ: một vấn đề bằng trắc và thi tiết... Có người nữa cho rằng thi nhân Tượng trưng là người đi "lột" ngôn ngữ của họa, nhạc, điêu khắc... để áp dụng vào thơ; và nhà thơ Tượng trưng tìm nguyên lý của vận văn trong tinh hoa của âm nhạc. Nói một cách khác: nhạc tính là căn bản của thơ... còn có người khác nữa lại cho rằng thơ Tượng trưng là một thứ thẩm mỹ siêu hình (esthétique métaphysique)...

Ấy đấy! Những người nói về thơ tượng trưng như vậy đều là những thế lực trong thi giới Âu Mỹ; và đã vậy thì chúng ta cũng khó mà tổng hợp được một ý tưởng về Tượng trưng trong thơ.

Nhưng dù khó mà nói cho ra thế nào là Tượng trưng, chúng ta cũng nhận thấy mấy điều. Một là nguyên lý của thơ Tượng trưng là nhạc tính – hơn thế: tinh túy của âm thanh. Hai là phải có tài mới làm được thơ Tượng trưng. Remy de Gourmont, một nhà văn và là một nhà tư tưởng hiện đại kích thước cỡ Âu châu đã nói: "Il y a deux classes d'écrivains, ceux qui ont du talent – les symbolistes; ceux qui n'en ont pas – les autres". Ý ông muốn nói rằng chỉ có hai hạng văn thi nhân: một hạng có tài là văn thi phái Tượng trưng, còn một hạng nữa là hạng không có tài: hạng không phải là văn thơ Tượng trưng. Ý tưởng ấy là một ý tưởng hơi quá đáng, nhưng nó

cũng phản ánh được thái độ của văn giới đối với thi phái Tượng trưng.

Có Tượng trưng Âu Mỹ. Cũng có tượng trưng Á Đông. Tôi nghĩ rằng về thi phái tượng trưng Á Đông – thuần túy Á Đông – chúng ta có hai đại diện: Bích Khê và Hàn Mặc Tử.

*
**

Tự thở rất xa xưa, người làm thơ đã làm nhạc. Ngày nay những ngày rất mới này, những nhà thơ Tự do bây giờ cũng vẫn tạo cho họ một nếp nhạc tính mới. Nhạc không phải là một thực thể thẩm mỹ (entité esthétique) cố định muôn đời chỉ có một, mà là một thực thể tiến hóa theo thông minh của con người: nhạc không phải là âm thanh bằng trắc của cuối thế kỷ thứ 19 trở về trước, mà cũng chẳng phải là âm thanh riêng trong những thính đường âm nhạc của một địa phương nào bây giờ.

Lịch sử vẫn đi cái nhịp của nó: người của thế hệ sắp tới sẽ đòi hỏi cho thính giác một thứ nhạc tính mà hiện thời rất có thể là chúng ta đương... từ chối: Chứ sao!

Chỉ có người làm thơ giỏi và người làm thơ dở mà thôi. Cũng như chỉ có thơ hay và thơ không hay. Có lẽ Remy de Gourmont muốn nói rằng chỉ có một thứ thơ có nhạc tính và một thứ thơ khô khan – nghĩa là một thứ thơ thiếu sáng tạo (création). Và ý tưởng ấy là một ý tưởng nói cho cả muôn thở, cho cả ngàn năm... Cứ nghe thi bá Dante là người của thở rất xa xưa nói thì rõ, và chúng ta có thể kết luận với Dante rằng: thơ Tượng trưng có từ thở thơ. Lý Bạch, Bạch Cư Dị, Thôi Hiệu... đã là thi nhân Tượng trưng, vì thơ của các thi bá ấy đọc lên nghe như những giai âm: những câu thơ..

Bạch vân thiên tải không du du. Tình xuyên lịch lịch Hán Dương thụ, Phương thảo thê thê Anh Vũ châu là gì, nếu không phải là nhạc trước thính giác người đời xưa, người ngày nay và cả người mai sau...

Chẳng có Baudelaire... thì chẳng có Valéry và Valéry vẫn hãnh diện rằng mình là đứa con lõng lẫy cuối cùng của dòng họ tượng trưng bên Âu Mỹ. Còn Jacques Prévert không bao giờ từ chối thơ ông là nhạc. Từ ngày Bích Khê làm thơ, chàng đã chú trọng đến nhạc tính: bài thơ Đường xưa nhất và bài thơ dài dài ngắn ngắn hay loạn nhất của Bích Khê sau này vẫn là những bản đàn quen tai và lạ tai.

Chiến tranh thường vạch biên giới, cho nên bỗng nhiên Bích Khê đứng ra một bên. Thực ra đừng có việc những người gây lộn với những người, thực ra nếu ai cũng rủ nhau đi tắm mát, lên nền Vũ vu hóng gió rồi hát mà về... như ở một thời thịnh trị thái bình nào đó và ở trong giấc mơ của thầy Tăng Điểm thì những thi nhân như Bích Khê, đương có mặt đâu đây, sẽ có mặt đâu đây...

Nhất là bên chàng có một người rất có thể lực cũng làm thơ đầy nhạc tính Á Đông – tôi nói lại: nhạc tính Á Đông – cho người Việt Nam là người Á Đông đọc: Hàn Mặc Tử.

Tam Ích

(1964)

Đinh Cường

(*Họa sĩ*)

Nhạc và họa trong thơ

Bích Khê

Nếu nói nhạc và họa có liên lạc mật thiết với thơ, thì trong thơ Bích Khê những tính chất ấy in đậm rõ rệt nhất. Thơ Bích Khê có thể đứng vào dòng thơ Tượng trưng, trong đó gồm có đủ những chất huyền diệu và trụy lạc.

Hàn Mặc Tử đã ví thơ Bích Khê như một đoá hoa thần dị, một thứ hương quý trọng thơm đủ mọi mùi phước lộc.

Hoài Thanh ghi: “Tôi đã gặp trong Tinh Huyết những câu thơ hay vào bậc nhất trong thơ Việt Nam:”

“Ô! Hay buồn vương cây ngô đồng

Vàng rơi! Vàng rơi! Thu mệnh mỏng”

(Thi Nhân Việt Nam)

Cũng như nhắc đến hai bài thơ mà Bích Khê đã ít nhiều chịu ảnh hưởng là Baudelaire (1821-1867) tác giả “Les Fleurs du Mal” (1857) mà Rimbard đã gọi là “Nhà tiên tri, Vua Thi sĩ, một vị Chơn Chúa” “*Le premier voyant, Roi des Poètes, Un Vrai Dieu*” và Paul Valéry (1871-1945) tác giả tập thơ “Charmes” (1922).

Nhưng “chịu ảnh hưởng với một tài trí thông minh, khiến người đọc chỉ biết phục thiện mà không dám chê. Vẫn biết tài bất chước mô phỏng ai cũng có thể làm được, song lẽ nếu không phải một chân tài, sự mô phỏng sẽ trở nên vụng về sống sượng”.

(Hàn Mặc Tử - *Tựa Tinh Huyết*).

Với Tinh Huyết, tập thơ làm bằng tim, óc, thịt và máu, cùng những ý tưởng thanh cao và tội lỗi. nghệ thuật thơ Bích Khê đi đến chỗ thắm chín tuyệt đích. Thơ Bích Khê ví như cái cầu vồng, đi từ màu trắng băng khuâng đến màu gay gắt ray rứt, diên cuồng, chỉ khi nào hiểu mới thấy được những màu kia.

Bích Khê đã phát ra một rung động mới mẻ (un frisson nouveau), thường dùng những biểu tượng (symboles) đã diễn tả – những hình ảnh và những ý tưởng khác lạ có đủ ma lực gợi ra hay làm sáng tỏ đối tượng – Ta nghe Bích Khê bày tỏ sự trần trỗng một cách rất thanh tao:

Dáng tằm xuân uốn trong tranh Tố nữ.
Ô tiên nương! nàng lại ngự nơi đây ?
Nàng ở mô ? Xiêm áo bỏ đâu đây ?
Đến triển lãm cả tấm thân kiều diễm.
Nàng là tuyết, hay da nàng tuyết điểm ?
Nàng là hương, hay nhan sắc lên hương ?
Mắt người châu rung ánh sóng Nghê thường ;
Lệ tích lại sắp tuôn hàng dĩa ngọc.
Đêm u huyền ngủ mơ trên mái tóc.
Vài chút trắng say động ở làn môi.

(*Tranh Lụa Thê - Tinh Huyết*)

Thi sĩ họa với tiếng, tìm góp mùi hương vào trong nhịp và chữ. Với những hương, những sắc, thi sĩ đã dùng các biểu tượng “đũa ngọc” để ví với hàng nước mắt, “tuyết” là da nàng, thi sĩ còn thấy nhan sắc lên hương và nhìn mái tóc đen mượt u huyền mà tưởng chừng như đang đem ngủ mơ. Bài thơ có đủ vẻ huyền diệu, cảm dỗ được ngũ quan ta. Và thi sĩ tận hưởng những phong vị của Nhạc, Hoa, Trắng, Sắc một cách thanh khiết, vô tội.

Ngoài hình ảnh tân kỳ, biểu tượng đặc sắc, thơ Bích Khê còn hay về nhạc điệu. Bích Khê coi nhạc điệu là một yếu tố cần thiết trong việc truyền cảm. Bích Khê đã dùng những vần điệu thần tình. Mơ man ta như một điệu đàn ngọc, một nỗi buồn rất Đông phương trong bài Tỳ Bà:

*Vàng sao nằm im trên hoa gầy
Tương tư người xưa thổi cưa đây
Ôi! Nàng năm xưa quên lời thề
Hoa vừa đưa hương gầy đê mê*

*Tôi qua tìm nàng vay du hương
Tôi mang lên lầu trên cung Thương
Tôi không bao giờ thổi yêu nàng
Tình tang tôi nghe như tình lang.*

*Yêu nàng bao nhiêu trong lòng tôi
Yêu nàng bao nhiêu trên đôi môi
Đâu tìm đào nguyên cho xa xôi
Đào nguyên trong lòng nàng đây thôi*

*Buồn lưu cây đào xin hơi xuân
Buồn sang cây tùng thăm đông quân
Ô! Hay buồn vương cây ngô đồng
Vàng rơi! Vàng rơi! Thu mênh mông.*

Lời thơ êm như nhung, buồn tẻ như hoàng hôn, đậm thắm, phát từ những khúc đàn cổ như *Lạc mai hoa*, *Hoàng hoa*, *Trường hận ca*. Cả một trời yêu thương buồn da diết. Nhưng âm nhạc vốn là tiếng nói chung, nên Bích Khê lại sành cả những điệu đàn Tây phương nữa. Bài *Nhạc* dưới đây với vần ý thật mới:

*Ô! Nắng vàng thơm... rung rinh điệu ngọc,
Những cánh hồng đơm, những cánh hồng đơm
Nhẹ nhàng, nhịp nhàng thở đều trong sương ;
Màu trắng không gian như gợn gợn sóng.
Từ ở phương mô nhận mang thơ về,
Đàn thơ cơ hồ lên cung âm điệu,
Đây giấy trinh bạch khóc suốt trong mơ ;
Đây hỗn ngọc thạch xanh sao như tờ ?
Ô! cỡi lầu mây ánh gì kim cương,
Áo nàng thơ ngây nao nao Nghê thường,
Thơ bay! Thơ bay vô bàn tay ngà,
Thơ ngà ngà say! Thơ ngà ngà say!
Nàng ơi! Đừng động... có nhạc trong giây,
Nhạc gảy hoa mộng, nhạc ngát trời mây;
Nhạc lên cung hưởng, nhạc vô đào động,
Ô nàng tiên nương! – Hộp nhạc đầy hương.*

Tác giả cho ta nghe từng âm thanh trầm bổng, xôn xao, lời thơ mát mẻ và hơi thơ lướt thướt như những bản đàn của Schumann, Beethoven, Liszt...

Và trong bài “Mộng Cầm Ca” có đoạn:

*Trăng gầy vàng, vàng gầy lên sắc trắng
Của gương hồ im lặng tựa bài thơ.
Chân nhịp nhàng, lòng nghe hương nằng nặng,
Đây bài thơ không tiếng của đêm tơ.
Trăng gầy vàng, vàng gầy lên sắc trắng
Của hồn thơ đi lạc ở trong mơ...*

Những chữ lặp lại rất đạt, âm điệu phẳng phát như âm điệu tiếng nhạc valse trong bài “Harmonie du Soir” của Baudelaire:

*Voici venir les temps où vibrant sur sa tige
Chaque fleur s'évapore ainsi qu'un encensoir;
Les sons et les parfums tournent dans l'air du soir.
Valse mélancolique et langoureux vertige!*

*Chaque fleur s'évapore ainsi qu'un encensoir;
Le violon frémit comme un cœur qu'un afflige
Valse mélancolique et langoureux vertige!*

Le ciel est triste et beau comme un grand reposoir.

(Les Fleurs Du Mal. Tr. 158)

Nhờ có nhạc điệu, thi sĩ đã truyền sang tâm hồn người đọc một cách dễ dàng, cho nên Bích Khê còn là một nhạc sĩ. Ngoài âm thanh ra, Bích Khê còn làm sáng tỏ đối tượng bằng màu sắc hoặc trừu tượng hoặc cụ thể. Khi thì huyền mơ diễm ảo, khi thì âm u chói chang.

Bích Khê yêu cảm sắc đẹp thẩm chín của đàn bà, những âm điệu êm trong cùng những cơn mê ám kỳ dị. Bích Khê đã nói lên những sự thật vĩnh cửu qua tâm hồn mình. Đem những cái như bản, những tiếng nói cảm kết thành Tình, thành Nhạc; khiến cái vô hình trở nên hữu hình. Bích Khê đã bày tỏ một cách độc đáo, không giống phần đông mọi người như Valéry đã thấy: “Theo mắt tôi thấy, người ta biết thi sĩ ở những cái mà họ thờ kính và những cái phóng khoáng của họ, những cái không giống phần đông mọi người” (Le poète, à mes yeux, se connait à ses idoles et à ses libertés, qui ne sont pas celles de la plupart)

Bích Khê đã đem vào trong thơ những trạng thái khác thường và đặc biệt của trí não bày tỏ cái cụ thể rất tầm thường nhưng ta vẫn tìm được một cảm giác mới qua âm thanh rạo rục:

*Ô! cặp mắt đa tình ngời sắc kiểm!
... Một bàn chân ve vuốt một bàn chân!
Mát làm sao, mát rợn cả châu thân.
Máu ứ lại, máu dồn lên giữa ngực
Ô! Thở thật có đàn lên cung bực
Hồn tôi ôm gót ngọc, lắng âm thanh...*

(Bàn Chân)

Với những màu sắc máu nhiệm:

*Ô! trời hôm nay sao mà xanh!
Ngọc trắng xây vàng trên muôn cảnh
Nhưng mây tê ngời sang kim cương
Dạ lan tê ngời say men hương ;
Lầu ai ánh gì như lưu ly ?*

*Nụ cười ai trắng như hoa lê ?
Thủy tinh ai để lòng gương hồ ?
Không gian xa cừ hay san hô ?*

(Nghê Thường)

Thơ Bích Khê là cái hợp đề của muôn vàn sự thắc mắc, xao xuyên trong lòng, trong hồn, trong da thịt, với màu sắc đậm đà, với âm thanh huyền diệu, đã đem lại cho người đọc một cảm giác hứng thú mà trong đó có hồn thơ, điệu thơ, ý thơ đã gây nên bởi cái cảm giác thông minh, thành thực – Thơ siêu việt của Philippe Soupault cũng bắt đầu bằng cái thực – Do đó những hồn khát khao nguồn Đẹp tìm thấy ở Bích Khê sự khoái trá vô cùng. *“Bích Khê muốn đi đến chỗ người ta thường cho là cao nhất trong thơ Tượng trưng: Mallarmé, Valéry”*

(Hoài Thanh – Thi Nhân)

Bích Khê là một người đã sống đắm chìm vào ảo mộng. Nhưng vì *“Dù phải bị tử hình hay truy lạc, thơ không thể hòa hợp khoa học hay luân lý. Thơ không có thực tế làm đối tượng, thơ chỉ là thơ”* (La poésie ne peut pas, sous peine de mort ou de déchéance, s’assimiler à la science ou à la morale. Elle n’a pas la Vérité pour objet, elle n’a qu’Elle-même). Baudelaire – Les Fleurs du Mal, trang 23).

Những Nhạc và Lệ, Đẹp và Dâm cuồng và Ánh sáng và Châu lệ hợp lại thành một dòng Tinh Huyết, mà Bích Khê đã say mê đắm đuối đến điên cuồng vì thơ:

*“Ta là thơ! Phàm tục hãy qui y
Ta sáng suốt chiếu ra mẫu Phật tánh”*

*
**

Sau mấy năm khắc khoải với vi trùng lao Bích Khê đã nằm xuống, Nhưng tiếng thơ Bích Khê ở mãi trong lòng trần gian. Đời Bích Khê ngắn ngủi, buồn đau, tuy được mẹ và chị chiều chuộng. Nhưng dù buồn đau Bích Khê cũng đã hướng lòng lên cao để đạt đến cái đẹp và cái Thực. Bích Khê đã sống và chỉ sống vì Thơ. Với thể thơ cao kỳ, thông thái, đầy sự điều luyện và tìm kiếm, Bích Khê đã mượn tất cả những danh từ riêng, lấy tất cả những nhạc điệu, màu sắc để diễn tả những lời tâm sự sâu kín của linh hồn, những lời thú thật của sự ham muốn già dặn, và những cơn mê ám kỳ dị quanh sự cuồng loạn của thể xác. Bích Khê đã làm đọng lại tất cả những sự vật chung quanh vào trong cái Tinh Hoa thuần túy.

Phải chăng cuộc đời ngắn ngủi và tính cách thuần túy của thơ đã khiến chúng ta mến cảm và yêu thơ Bích Khê ? Trong làng thơ Tây phương lắm thi sĩ tiếng tăm lừng lẫy, không phải vì đã bày ra một chủ nghĩa gì. Người ta yêu thơ Francis Jammes, Tristan Derème, Henri de Régnier vì đó là thơ, thơ của muôn đời.

Đinh Cường

(1963)

Trần Bích Khê

(Nhà Nghiên cứu)

Hương thơ

Thơ Bích Khê tràn ngập mùi hương, có thể nói đó là một thế giới toàn hương từ cảnh vật chung quanh lan tỏa ra:

*Đây bát ngát và thơm như sữa lúa
Nhựa dương lên, sức mạnh của lòng thương
Mùi tó hợp quyện trong trắng tơ lụa
Đây dạ lan hương, đây đỉnh trầm hương
Đây bát ngát và thơm như sữa lúa
Hồn xạ hương phơ phất ở trong sương...*

(*Mộng Cầm Ca*)

Đến cả châu thân nhà thơ cũng quyện với thơ làm một:

*Chàng ơi đêm nín thở
Để hồn biến ra hương*

(*Ngũ Hành Sơn 1*)

Hương hoà nhập vào tất cả, đồng hoá với tất cả sự vật. Như trăng cũng là hương:

*Nàng bước tới như sông trắng chảy ngọc
Như nắng thơm hớp đặc cả nguồn hương*

(*Nàng Bước Tới*)

Lời nói cũng là hương:

Lời nức ra hơi hương

Điu diu tỏa trong buồng

(Hàn Mặc Tử)

Thậm chí âm nhạc trong thời gian đó cũng được ướp hương phẳng phất diu dặt:

Ta những muốn mùa đông nhường lại chỗ

Nhạc gầy hương, hương gầy nhạc, lan man...

(Đỗ Mi Hoa)

Tất cả các loại hương ấy được nhà thơ tiếp nhận, tinh lọc, thăng hoa qua một khiêu thẩm định cực kỳ nhạy bén, tinh tế dường như đến tận cùng tế bào hương, từng chiều sâu thẩm của hương. Đến độ chừng có thể vật chất hoá nó, cân đo đong đếm được:

Chân nhịp nhàng, lòng nghe hương nặng nặng

Đây bài thơ không tiếng của đêm tơ

(Mộng Cẩm Ca)

Hay:

Tìm ngõ nhà em anh sẽ thấy

Khóm lan thơ nặng khí ưu phiền

(Làng Em)

Vì thế nhà thơ có thể lắng nghe được cả âm thanh của hương nữa:

Phẳng mạch đêm, hương vỡ, ứa ngấm tình

(Mộng Cẩm Ca)

Và đoán chừng bóng dáng của hương thấp thoáng đâu đây, khi xa khi gần, truy tìm nó để chộp lấy:

*Đâu đây lãng đãng bầu hương nhạc
Phất phất gần như phất phất xa*

(Tinh Chất Ngàn Xuân)

Đến cả không gian cũng được nhuộm một mùi không định nghĩa được mà chỉ có nhà thơ mới phát hiện ra:

*Gió về mang cả mùi lãng tã
Buồn cất lênh đênh nhữnh miếng đen...*

(DẶM MÒN)

Không chỉ say đắm với những loại hương cụ thể, Bích Khê còn mơ thấy, tưởng tượng thấy những mùi thơm ảo giác qua mối ám ảnh về nhục cảm ái ân, vốn là nét độc đáo táo bạo trong thơ ông:

*Này, muôn ngọc nữ ngớp y thường
Tóc quện hay mùi tở hợp hương...*

(Nghe Thường)

Từ mùi tóc đến hương thơm da thịt hiện về trong mộng:

*Gió thiệt đa tình hôn mặt hoa
Thơm tho mùi thịt bắt say ngà...*

(Hiện Hình)

Đó hoàn toàn là những mùi hương không có thật từ những con người không có thật mà kinh nghiệm chung đụng của nhà thơ trong đời sống riêng lúc đó chắc không nhiều:

*Nàng Vệ Nữ theo nàng Vệ Nữ
Áo âm dương gió tóc thơm rừng...*

(Lên Kim Tinh)

Từ kinh nghiệm thẩm định hương thơ của Bích Khê cho thấy vai trò của khứu giác trong nghệ thuật sáng tạo của ông

rất đặc biệt. Mà điều này lệ thuộc nhiều vào hoạt động của bộ phổi: hít, thở, hít vào, thở ra. Đó là hoạt động được tượng hình, thể hiện qua những hình ảnh mô tả mối quan hệ giao tiếp giữa tác giả và các loại mùi hương:

Ô nàng tiên nương! Hộp nhạc đẩy hương

(NHẠC)

Hoặc:

Ngừng hơi thở ta nép trong bóng lá

Để vẫn thơ theo nhịp điệu thuyền quyên...

(Đề Mĩ Hoa)

Tiếng thở, hơi thở ở đây là một yếu tố gắn liền với cơ thể sinh lý của nhà thơ:

Những dáng hình, thanh khí...) Giữa mộng mênh

Đường nhiếp ảnh sắc khua màu – Tiếng thở

(Duy Tân)

Hay nó xuất phát từ sự vật vốn đã được tác giả nhân cách hoá theo mình:

Âm thanh gì sắp sửa... Ngọc Kiều ơi!

Hay hơi thở của hoa hồng mơ mộng

(Mộng Cẩm Ca)

Năng khiếu khứu giác (ngửi) vô cùng phong phú, tinh vi của Bích Khê sở dĩ có được, đậm đặc ở đây phần nào bắt nguồn từ chính căn bệnh của ông: bệnh lao đến chết. Những bệnh nhân lao thường đều có một cảm quan khứu giác cực nhạy, tinh tế hơn hẳn người thường do sự hoạt động bất bình thường của hai lá phổi. Trong giai đoạn sáng tác đầu khi ông chưa mắc bệnh (tập *Máy dòng thơ cũ*) không hề thấy xuất

hiện năng khiếu khứu giác đặc biệt kể trên, điều trái ngược hẳn với giai đoạn sau đã mang dấu ấn của bệnh lao:

*Anh tính ôm chắm lấy mắt mơ
Lấy môi, lấy má, lấy ngậy thơ
Để anh nút đờn mùi hương ấm...*

(*Ảnh Ấy*)

Và:

*Nhẹ nhàng nhịp nhàng thở đều trong sương
...Đây hồn ngọc thạch xanh sao như tờ?"*

(*Nhạc*)

Nếu thơ Bích Khê còn giàu chất nhạc là do ông rất sành về nhạc (theo Chế Lan Viên), thơ Hàn Mặc Tử rên xiết đau nhức vì bệnh phong (với vai trò của xúc giác tối thượng) thì bệnh lao đã góp phần làm nên những bài thơ kỳ lạ của Bích Khê. Đó là dòng thơ bệnh – cái giá sinh mạng mà nhà thơ phải trả tuy thơ bệnh của Bích Khê rõ ràng thanh khiết, sạch sẽ, êm ái hơn thơ bệnh của Hàn Mặc Tử do cơ chế bệnh gây nên.

Khó ai quên được mùi hương hoàng lan kỳ diệu khó tả của Thạch Lam – một người cũng đã chết vì bệnh lao. Khó ai không bồi hồi khi đọc lại những lời trần trời đầm đầy mùi hương của Bích Khê – không phải là hương thơm tưởng tượng nữa mà là mùi của cái chết đang dần đến:

*Những tờ thơ nát đầy hơi hám
Tay khách đa tình sẽ chuyển trao*

(*Năm Mò*)

Huy Khanh

(1997)

nguyên giao thơ?

Những giá trị Văn Học còn lại

Trong văn học nghệ thuật, có một quy luật không ai có thể phủ nhận được, đó là: thời gian là vị quan tòa khắc nghiệt nhưng công bằng nhất. Dù vì bất cứ một lý do gì - kể cả những thiết chế xã hội - một tài năng thật sự không bao giờ bị hoàn toàn quên lãng. Lớp bụi thời gian khi đã được giữ sạch sẽ lại làm lộ rõ lóng lánh của tài năng. Bích Khê là một trường hợp như vậy.

Tên thật là Lê Quang Lương, sinh ngày 24/3/1915 tại làng Phước Lộc, huyện Sơn Tịnh, tỉnh Quảng Ngãi và qua đời vào ngày 17/1/1946, Bích Khê chỉ có mặt trên đời này 31 năm. Nhưng chàng trai bạc mệnh ấy quả thật đã để lại một dấu ấn khó quên trước chuyến viếng du cuối cùng của chàng.

Ngay từ 1941, với cái nhìn tinh tế Hoài Thanh đã viết trong Thi nhân Việt Nam: *"Tôi đã gặp trong Tinh huyết những câu thơ hay vào bậc nhất trong thơ Việt Nam:*

*Ô! Hay buồn vương cây ngô đồng
Vàng rơi! Vàng rơi! Thu mênh mông".*

Và Hoài Thanh kết luận phần viết rất ngắn về Bích Khê bằng một câu chính xác nhất (nhưng cũng trân trọng vào bậc nhất): “... *Thơ Bích Khê, đọc đôi ba lần cũng như chưa đọc*”

Vậy đó, mà có đến 42 năm Bích Khê bị bỏ quên.... Nhưng cho tới nay, vẫn chưa thấy một nhà viết văn học sử nào đặt Bích Khê trở lại vị trí cần phải có của nhà thơ.

Trong cuộc đời ngắn ngủi của mình, Bích Khê có cả một quãng thời gian dài sống tiêu dao, hòa nhập hoàn toàn với thiên nhiên, ngoại giới, để từ đó soi tìm những cảnh sắc kỳ lạ của thế giới nội tâm. Bắt đầu từ năm 1937, Bích Khê nhuộm bệnh lao phổi. Sau thời kỳ chữa bệnh ở Huế, Bích Khê trở về nhà mẹ ở Thu Xà (Quảng Ngãi). Và từ đây, có đến mấy lần chàng sống trên núi (Tà Cú, Thiên Ấn), lại có lúc với một chiếc thuyền con, Bích Khê bồng bênh trên sóng nước, “nay ghé Phú Thọ, mai Cổ Lũy, Sa Kỳ...”, như lời chị ruột của nhà thơ, bà Lê Thị Ngọc Sương thuật lại. Và ba năm 1937, 1938, 1939 là ba năm sáng tạo phong phú của Bích Khê. Vượt lên nỗi đau của thân xác, bệnh tật và nỗi đau của tâm hồn (cả ba mối tình với ba người đẹp Song Châu, Bích Thủy, Ngọc Kiều đều đổ vỡ), Bích Khê đã để lại cho đời những tập thơ giá trị như *Tình Huyết*, *Tình Hoa*. Sinh thời, Bích Khê chỉ mới in được *Tình huyết* (1939) với lời tựa của Hàn Mặc Tử. Nhưng chỉ riêng với *Tình Huyết* thôi, giá trị cách tân trong nghệ thuật của Bích Khê đã đáng kể lắm rồi.

Sau một thời gian phá thể (so với thơ Đường), Thơ Mới dần dần cũng đi vào ổn định về mặt thi pháp. Chẳng hạn, ở thơ 8 chữ điệu thơ thường ngắt nhịp ở chữ thứ 3, thứ 5, thứ 6 trong câu: *Tôi không muốn/đất trời xoay chuyển nữa. Với tháng ngày/buồn bực/đuổi nhau đi* – (*Những sợi tơ lòng* - Chế Lan Viên), hay: *Bữa nay lạnh/mặt trời đi ngủ sớm. Anh nhớ em/em hỡi anh nhớ em* (Xuân Diệu), thì Bích Khê đưa ra

một cách ngắt nhịp mới, ngắt ở chữ thứ 4 trong câu. Có khi toàn bài, Bích Khê đều dùng cách ngắt nhịp này. Ví dụ bài *Nhạc* là một trường hợp tiêu biểu.

Ngoài ra, sự cách tân nghệ thuật còn được Bích Khê khai thác ở lối bình thanh. Toàn bài thơ, câu nào, chữ nào cũng là tiếng bình (không dấu hoặc dấu huyền). Bích Khê đã tạo ra hẳn một lối thơ mới, hay nói đúng hơn, một nhạc điệu mới cho thơ 8 chữ. Tỳ bà là một tuyệt tác trong lối thơ này, mà sau Bích Khê không thấy ai theo được chàng, chứ đừng nói đến chuyện vượt chàng. Về điểm này Chế Lan Viên có một nhận xét rất hay: “Nếu Nguyễn Bính là một miền đồng bằng thân thuộc, thì Bích Khê là một đỉnh núi lạ”. Đó là về mặt nhạc điệu trong thơ. Còn về mặt tư tưởng thơ Bích Khê cũng đã có những cái mới, ngay trong thế hệ của chàng. Nhận xét về tập thơ thứ hai của Bích Khê, Tinh Hoa, Quách Tấn đã viết: “Tập Tinh Hoa rất có giá trị, giá trị cao hơn Tinh Huyết một bậc. Nếu sánh cùng sông, thì Tinh Huyết là dòng sông mùa lụt, lảng lai cuộn cuộn, song không thể giặt dải mũ của đám sĩ phu. Còn Tinh Hoa là dòng sông xuân nước vừa thiếp bờ, dễ khiến khách mỹ nhân nghiêng mình cười nụ...”.

Riêng tôi, say mê Bích Khê từ thuở còn là cậu học trò nhỏ, nay có dịp đọc lại gần như toàn bộ thơ của thi nhân bạc mệnh này, tôi hiểu được điều này khi một người bị bạo bệnh đã vượt lên cơn đau thân xác, khi một người đau khổ vì tình đã vượt lên nỗi thống khổ của lòng mình để nói về những nỗi đau kia, thì đó không còn là nỗi đau nữa. Đó là khát vọng sống. Đó là sự thăng hoa của tâm hồn con người. Và đó là sự phân biệt có tính tuyệt đối để thấy rõ cái khác nhau giữa con người với một sinh vật khác. Và trong chiều hướng ấy, đúng như Hegel đã nói: “Thơ là tiếng nói mới nhất của nhân loại”.

Khi viết bài này, tôi đã tìm đến chị Nguyễn Lê Thu An, thư ký toà soạn của báo Điểm phim, con của bà Lê Thị Ngọc Sương và ông Lạc nhân Nguyễn Quý Hương (vốn là thư ký toà soạn báo Tiếng Dân của nhà yêu nước Huỳnh Thúc Kháng), người có cái may mắn là cháu gọi Bích Khê bằng cậu ruột, để xin một tấm ảnh (chưa công bố) của nhà thơ, rất tiếc là không có. Nhờ vậy, tôi biết thêm một chi tiết: Bích Khê rất thương và cưng chiều cháu, nhưng không cho cháu gần gũi, vì sợ sẽ lây bệnh cho cháu. Với một con người như thế, và nhất là một thi tài như thế đâu có đáng bị đời lãng quên.

Nguyễn giao thừa

(Trích báo Phụ Nữ Việt Nam)

(03/4/1993)

quách tấn

(Nhà Thơ)

Đôi nét về cuộc đời - bích Khê

Cách đây chừng bốn mươi năm, tại Thu Xà thuộc tỉnh Quảng Nghĩa (Trung nguyên Trung phần), có một cậu bé ngày ngày hì hục lê những tảng đá ong, tập trung những viên ngói bể gạch bể vào trong sân, rồi cặm cụi xây cất nhà cửa lâu đài. Cậu bé thui thủi làm việc một mình, làm việc rất chăm chỉ, rất tỉ mỉ. Cậu xây nhà chính rồi xây nhà phụ, và sau lưng nhà bếp cậu vẫn không quên xây một chuồng heo tí hon.

Nhìn vào lối chơi, ai cũng đoán rằng cậu bé sẽ trở nên một tay thầu khoán hoặc một nhà kiến trúc sư.

Nhưng mọi người đều lầm. Không phải cậu bé sẽ trở nên một tay xây dựng nhà cửa để ở, mà chính cậu ấy tập xây dựng lâu đài văn chương, và lớn lên đã trở thành một nhà thơ mà Hàn Mặc Tử không tiếc lời ca tụng

Cậu bé ấy đã theo Hàn Mặc Tử về nơi Bất Diệt ngót mười lăm năm nay và hiện còn để lại cho chúng ta hai tập thơ: Một tập đã xuất bản rồi và được Hàn Mặc Tử gọi là “Một

bông lả nở hương, một thứ hương quý trọng, thơm đủ mọi mùi phước lộc”, và một tập nữa chưa xuất bản mà hương sắc có phần hơn tập kia.

Trước khi thưởng thức hai đóa hoa lả ấy, chắc các bạn muốn biết rõ cuộc đời của kẻ trồng hoa ?

Kẻ trồng hoa ấy – cậu bé tập xây dựng lâu dài văn chương trước kia – là:

BÍCH KHÊ

Tên Lê Quang Lương

Sanh ngày 21 tháng 2 năm Bính Thìn, tức 24 tháng 3 năm 1916, tại xã Phước Lộc, quận Sơn Tịnh, tỉnh Quảng Nghĩa, nhập tịch và trú ngụ tại Thu Xà.

Ông thân sinh tên Lê Mai Khê, một bậc túc nho tỉnh Quảng Nghĩa, đã qua đời lúc Khê còn vị thành niên.

Bà thân tên Phạm Thị Doan, con nhà danh tộc đất Nam Trung, đã gần 80 tuổi, sức khỏe còn tốt, hiện ở Thu Xà.

Bích Khê có tất cả bốn người chị và ba người anh. Khê là con út.

Từ lúc nhỏ Bích Khê đã tỏ ra người thông minh và cường ký. Khi mới vỡ lòng, cùng người chị thứ tám học tại trường cơ bản Thu Xà. Năm 13 tuổi ra học lớp Nhất trường Pháp Việt Đồng Hới và năm 1929 đậu đầu khoa thi bằng Tiểu học Pháp Việt. Sau đó Khê ra học trường Pellerin Huế. Năm 1932, học xong chương trình Trung học, Khê ra Hà Nội học ban Tú tài Triết học nơi một trường tư.

Ra Hà Nội kết bạn cùng một người đồng châu và cùng học một lớp, tên là Đ... Đ... mồ côi sớm, nhờ ông cha nuôi cho ăn học. Nhưng lúc bấy giờ ông cha nuôi đã hết khả năng. Nghĩ đến cuộc đời sắp phải dở dang của bạn, Khê quyết định thôi

học ở Hà Nội, cùng người bạn trở về nhà, dùng số tiền gia đình cấp hàng tháng để hai người cùng ăn học với nhau.

Nghĩ hè, về nhà, Khê xin bà cụ cho phép thực hiện ý muốn. Biết tánh khí của Khê hễ muốn gì thì quyết làm cho kỳ được, bà cụ phải chịu ý con. Khê bèn cùng người bạn đưa nhau vào Phan Thiết sống với người anh ruột làm việc tại đó. Người chị thứ tám, vâng lệnh bà cụ, theo vào Phan Thiết cùng Khê.

Ở Phan Thiết được ông anh đỡ đầu, Bích Khê cùng người bạn ăn học được yên vui. Nhưng Khê vẫn chưa vừa ý. Chàng muốn sống một cách tự do và đầy đủ hơn, mới nảy sinh ra ý kiến mở trường tư và đem bàn cùng chị. Người chị tán thành và lo vận động tài chánh. Nhờ sức ủng hộ của các ông anh, các bà chị của Khê, mà chỉ mấy tháng sau trường mở.

Trường mở năm 1934 và lấy tên là Hồng Đức.

Bích Khê cùng người chị và người bạn dọn nhà ở riêng. Kinh tế tự túc. Để việc chi phí được thêm rới rộng, người chị phải mở thêm một cửa hàng nhỏ để bán sách vở giấy bút cho học sinh.

Trường sống gần hai năm, với lòng tín nhiệm của phụ huynh học sinh, và tinh thần đoàn kết của giáo viên, Bích Khê và người bạn vừa dạy vừa học, vui vẻ và hăng hái. Thành linh người chị bị sở mật thám tình nghi về chánh trị bắt giải về Quảng Nghĩa giam. Bích Khê phần thương lo cho chị, phần buồn vì nổi trường thiếu một tay đảm đương, sanh ra chán nản, bỏ vãi việc trường cho người bạn trông coi. Thừa cơ, người bạn xoay lẩn lẩn trường trở thành một tư thực hoàn toàn thuộc quyền sở hữu của mình!

Việc ấy xảy ra vào năm 1936.

Trước hành động bội bạc của người bạn chí thân, Bích Khê đau đớn ê chề. Chàng bèn bỏ Phan Thiết xuống ở chơi nơi

chùa Ông Rau trên núi Tà Cú ở Mũi Né (cách Phan Thiết chừng 20km). Trong nơi trời nước mênh mông, núi cao gió trong, lại thêm mùi hương tiếng kệ, lòng Khê cũng khuây dần chuyện thế thái vô thường.

Ở Mũi Né được bốn tháng, Khê trở về Thu xà. Bà cụ hết sức ngạc nhiên, gạn hỏi duyên do, nhưng Khê nhất định giấu sự thật.

Lúc bấy giờ người chị đã được sở mật thám thả về. Khê bắt chị dọn cho mình một căn phòng nơi chái nhà trên, đặt vào đó một chiếc giường nhỏ, một bàn viết và hai ghế ngồi. Rồi một mình vào ở đó để đọc sách và viết văn. Ngày hai bữa xuống nhà dưới ăn cơm, ngoài ra không đi đâu một bước. Cửa phòng luôn luôn đóng kín. Trong phòng luôn luôn yên lặng, chỉ thỉnh thoảng nghe tiếng khe khẽ ngâm thơ.

*
**

Được một thời gian, Bích Khê nghe một ngục, ra Huế soi điện. Kết quả: phổi yếu. Khê phải nằm nhà thương điều trị hơn một năm mới trở về.

Đó là khoảng hạ bán niên 1937.

Về nhà được ít lâu, Khê đòi lên núi ở. Gia đình che cho Khê một túp nhà tranh trên núi Thiên Ấn, đem giường chõng sách vở quần áo lên, và cấp cho Khê một người cần vụ.

Thiên Ấn là một thắng cảnh của Quảng Nghĩa. Núi trông vuông vức như hình quả ấn úp sấp. Dưới chân sông Trà Khúc chảy quanh co, phía đông là cảnh Cổ Lũy, phía nam là hòn Thiên Bút, đều là những danh thắng nện thơ.

Khê rất vừa ý và thường bảo cụng chị và bạn:

– Đây là nơi Cực lạc của tôi. Không còn đâu hơn nữa. Tôi sẽ sống mãi nơi đây.

Nhưng không bao lâu, Khê viện cứ rằng gió núi không hợp với sức khô mình, đòi xuống biển ở. Bà cụ vốn thương chiều con, bèn cho làm một lầu tranh nơi bãi biển, rồi khênh khặng khiêng đồ đạc xuống cho Khê. Trước cảnh gió biển, trắng trong biển mát, Bích Khê lại thích chí bảo cùng chị:

– Không còn nơi nào hơn nơi này.

Người chị cười:

– Nhưng nơi này rồi cũng như nơi trước kia, sẽ bị người ta bỏ rơi nữa.

Thật quả vậy, chỉ trong một thời gian ngắn, Khê bỏ biển trở về nhà! Rồi một hôm xin mẹ vào ở trong chùa Phật trong hạt để tiện việc tịnh dưỡng và học hành. Bà mẹ cũng phải chịu ý. Ở chùa Khê ăn chay và học Phật. Không bao lâu cho rằng chuông mõ làm át tiếng thơ, và giới luật làm cho tâm hồn hết phóng túng không có lợi cho văn chương, Khê trở về nhà và ước được sống thong dong trên mặt nước.

Để làm vui lòng con, bà cụ thuê cho Khê một chiếc sồng lớn có đủ tiện nghi.

Sồng thả lênh đênh trên mặt nước, khi thì trôi xuống ngã Cổ Lũy Sa Kỳ, khi thì trôi về ngã sông Trà Khúc. Dưới sồng thường chỉ một mình Khê và người chống dò. Thỉnh thoảng người chị và bạn bè thay phiên nhau đến chơi như lúc ở núi ở biển.

Khê rất lấy làm thích thú, thường ngâm bài “Vịnh hoa thủy tiên” của Phan Sào Nam và tự cho mình là Thủy trung tiên.

Nhưng chưa bao lâu, Khê chán cảnh thủy trung tiên và dọn trở về sống cùng gia đình “cho được ấm cúng”. Và rồi “thú hồ hải lại quyển du tử”, Khê bèn rủ chị đi tìm nguồn sống mới.

Hai chị em bàn nhau cách sinh sống rồi cùng nhau vào Phan Thiết mở trường tư.

**

Nhờ sức ủng hộ của người bạn thân của Bích Khê là Lạc Nhân mà trường được mở sau một thời gian sắp đặt ngắn.

Trường mở vào đầu niên khóa 1938 – 1939 và lấy tên là Quảng Thuận do Lạc Nhân làm giám đốc. Các giáo viên đều là thân bằng hiểu biết nhau, và phần đông đều là người có tâm huyết lấy việc “khai dân trí” làm tôn chỉ, nên học sinh mỗi ngày một thêm đông. Để thỏa mãn sự đòi hỏi của một số học sinh lớn tuổi, trường phải mở thêm một lớp dạy ban đêm.

Nhưng trường được nhân dân địa phương tín nhiệm bao nhiêu, thì bọn thực dân Pháp và quan cai trị Việt Nam để ý và phá rối bấy nhiêu. Do đó mà trường bị đóng cửa, hai lần được mở lại. Nhưng nhờ lúc ấy Lạc Nhân có chân dân biểu, tự bênh vực nơi nghị trường, nên trường hai lần bị đóng cửa, hai lần được mở lại. Tuy thế việc quấy rầy của cường quyền gây ảnh hưởng xấu cho trường không phải ít. Lại thêm ông chủ trường Hồng Đức, người bạn quý hóa của Bích Khê ngày trước, thừa cơ nước đục, tìm cách quyến rũ một số giáo viên non gan dạ về dạy cho trường mình. Bích Khê sanh lòng chán nản. Cho nên gần cuối năm 1939, trường bị đóng cửa lần thứ ba, Khê không cho Lạc Nhân vận động mở cửa trở lại.

Trường Quảng Thuận đóng cửa, Khê cùng chị trở về Thu Xà.

Năm 1941, sau khi người chị thứ tám đi lấy chồng, Khê buồn ra Huế dạy quốc văn cho trường Phú Xuân. Được 7 tháng bị đau ngực, bèn từ chức trở về Thu Xà.

Đến năm 1942, bệnh phổi tái phát, Khê phải ra điều dưỡng tại bệnh viện Pasquier Huế. Năm được 8 tháng, bệnh vừa bớt, Khê xin về nhà điều trị.

*
**

Về nhà thuốc thang không ngắt, nhưng bệnh Khê đã không giảm mà cứ tăng. Biết rằng mình mắc chứng nan y, nhưng Khê vẫn nuôi hy vọng có ngày khỏi được, nên ai bày vẽ gì, dù vật khó tìm đến đâu người nhà cũng phải gắng tìm cho kỳ được, món khó ăn khó uống đến đâu Khê cũng cố sức mà nuốt cho trôi. Khê đã từng nuốt thằn lằn sống, ăn cao chó mới sanh, ăn nhau xào với nghệ ... Khê lại còn chịu khó theo phương pháp “yên tĩnh tuyệt đối” (repos absolu), ăn uống cũng nằm trên giường để người nhà kiêng đi lại.

Chạy chữa đủ phương, mà tất cả đều vô hiệu. Sức Khê mỗi ngày mỗi thêm yếu, vóc Khê mỗi ngày mỗi thõn mỏng dần. Cơ ho luôn luôn dẫn vật và trong lồng ngực dường như thiếu không khí. Nỗi buồn “nghe đất lạnh” thật thấm tận đáy hồn Khê! Khê thường lặng thinh nhìn cảnh vật chung quanh nhà, nhìn người thân yêu, nhìn bóng dáng bạn phương trời và nhìn sự nghiệp văn chương chưa hoàn bị... lăm lăm động lòng thương xót, sùi sụt khóc một mình!

Bỗng một đêm tiếng vang dội khắp:

– Nhật đã bó tay đầu hàng!

Khê bồn chồn không hiểu nguyên nhân. Sáng ngày mới hay rằng cuộc khởi nghĩa của toàn dân Việt Nam được thắng lợi.

Đó là cuộc khởi nghĩa mùa thu năm 1945.

Khê vui mừng quá sức, liền ngồi nhồm dậy, miệng luôn luôn nói cười. Nét mặt của Khê lúc bấy giờ tươi tỉnh khác thường. Khê hối người nhà đi nghe ngóng tin tức và khi đoàn biểu tình mừng thắng lợi đi ngang qua nhà, Khê nằm trên ghế bố, bắt người nhà khiêng ra ngoài ngõ đón mừng. Từ đấy lòng vui sướng luôn luôn hiện trên nét mặt.

Người chị thứ tám tuy đã có chồng nhưng thường về nhà săn sóc Khê. Một hôm Khê nói cùng chị:

– Em chắc chết trong mùa xuân sắp đến.

Khê nói thế là vì:

Kỳ năm nhà thương Huế lần thứ nhất (1937) Khê mộng thấy một bà tiên hiện giữa không trung, giơ tay rải bông vải bay trắng xoá. Bông bay chập chờn rồi từ từ rơi xuống mặt đất, hợp lại thành bài thơ bốn câu báo cho Khê biết rằng chàng sẽ chết vào mùa xuân.

Từ ấy bài thơ ám ảnh Khê, nhất là từ khi chứng bệnh tái phát. Mỗi năm xuân đến, Khê nói cùng chị:

– Em chắc chết trong xuân này.

Nhưng những mùa xuân qua êm ấm. Lần lần Khê bớt tin điềm mộng chết về mùa xuân. Rồi ngót mấy năm Khê không nhắc đến nữa.

Sau ngày khởi nghĩa mùa thu, lúc Khê đương vui sống, điềm mộng chết về mùa xuân lại trở lại trong tâm trí Khê.

Tuy thế Khê vẫn không lo buồn và vẫn cứ uống thuốc cùng tắm bổ.

Một hôm, đương ăn cơm bỗng nghe tin Tạ Thu Thâu bị giết. Khê sửng sốt, hai hàng nước mắt chảy ròng ròng. Đoạn bỏ đũa đứng dậy vào phòng, nói cùng chị một cách hần học:

– Sao người ta lại không thể để người tài đức mà dùng ? Một nhân tài có đạo đức như Tạ Thu Thâu, mà người taỡ đang tay!!

Nói rồi nằm úp mặt vào gối, và buồn bã luôn mấy tuần.

Sau một thời gian thương xót, Khê vui vẻ trở lại, nói chuyện nhiều, viết lách cũng nhiều. Buổi mai buổi chiều Khê lại thường tụng kinh Di Đà và thường mời bà cụ lên ngồi bên giường nói chuyện để nhắc nhở ơn sanh dưỡng.

Đến tháng chạp âm lịch (tức tháng 1 năm 1946), Khê cho gia đình biết mình sẽ chết trong tháng song chưa biết rõ ngày giờ. Đoạn gọi người chị chứ sáu lên ghi lời di chúc. Khê di chúc 6 điều mà điều thứ nhất là khi Khê chết không ai được khóc, và điều chót là văn nghiệp của Khê giao cho vợ chồng người chị thứ tám trông coi. Người chị ghi xong, chép kỹ lại rồi giao cho Khê xem. Khê trao tờ chúc thư cho bà cụ và căn dặn phải theo cho đúng.

Ngày qua chậm chậm. Những cơn ho xé lòng người thân yêu, nhưng nét mặt Khê vẫn thản nhiên, đôi mắt Khê vẫn tươi sáng. Rồi một hôm, cơn tối xong, Khê gọi mẹ vào, âu yếm kéo tay ngồi bên cạnh, thưa:

– Sau ba ngày nữa con không còn ở với mẹ. Đúng ngày rằm tháng chạp này thì con chết. Trước đây, nằm nhà thương Huế con có làm quen cùng ông sư chùa Phú – Thọ, lúc ấy cũng đau phổi như con. Ông ấy hiện đã trở về chùa. Mẹ cho người xuống rước ông lên tụng cho con ba ngày kinh.

Ông sư đến tụng kinh bên giường bệnh. Tụng xong một quyển kinh thì hai người trò chuyện với nhau vui vẻ, tương đắc.

Đến chiều rằm, Khê bảo nấu nước lá thơm tắm gội và thay quần áo mới. Tối đến bảo bà cụ:

– Con còn ở với mẹ nửa đêm nay nữa. Ngày trăm tuổi già của mẹ con về rước mẹ đi.

Đêm ấy cả nhà không ai ngủ. Bích Khê trông rất tỉnh táo, nằm lim dim đôi mắt nghe kinh chốc chốc mở mắt nhìn đồng hồ với một nụ cười hiền lành và tin tưởng. Đến 11 giờ khuya một cơn ho nổi dậy xé ruột người chung quanh. Cơn ho ngớt, Khê dăm dăm nhìn đồng hồ. Đến 11 giờ rưỡi, Khê có vẻ ngạc nhiên. “ủa, ủa” lên mấy tiếng. Khê ngạc nhiên có lẽ đã nửa đêm rồi mà sao mình chưa chết...Chợt người nuôi ở trong buồng Khê chạy ra, với vẻ sợ hãi, nói:

– Một vầng sáng xanh từ nơi giường cậu. Chín bay lên mái nhà trông ghê quá!

Người nhà lật đật vào xem thì không thấy gì cả. Khê vẫn bình tĩnh. bà cụ lo sợ hỏi thăm, Khê đáp:

– Trong mình con thấy khoẻ lắm, con cần ngủ một tí. Mẹ hãy đi nghỉ đi.

Nhìn vẻ mặt nghe lời nói, bà cụ yên tâm. Nhưng bà nằm chưa ấm chiếu thì người nuôi liền gọi cho biết rằng Khê đã tắt thở.

Lúc ấy gần 12 giờ khuya, ngày Rằm tháng Chạp năm Ất – Dậu, tức 17 tháng 1 năm 1946.

Tiếng đọc kinh lớn và tiếng nước nở dòn ép vào lồng ngực, vì phải theo đúng lời di chúc của Khê. Nhưng khi đã dậy nắp quan tài thì tiếng than khóc không còn ngăn cấm được nữa!

Bích Khê qua đời nhằm lúc quốc gia hữu sự, nắm chỗ tạm gọi nơi đất Hội quán Thu xà. Kế đó khói lửa bùng cháy, bạn bè không thể lui tới được, ngoài Chế Lan Viên đến thăm một bận, ngót mười lăm năm nay:

Đầy cỏ xanh xao, mây lớp phủ,

Trên mộ con quạ đứng im hơi

(Năm mộ)

Nhưng cảnh thái bình đã trở lại. Rồi đây gia đình và thân hữu còn sống sót của Khê sẽ dời mộ phần của Khê đến nơi thích hợp, có núi có sông và thay thế “con quạ đứng im hơi” bằng một tấm bia khắc bốn câu thơ của Khê để lại:

Thân bệnh: ngô vàng mưa lá rụng.

Bút thần: sông lạnh bóng sao rơi.

Sau nghìn thu nữa trên trần thế,

Hồn vẫn về trong bóng nguyệt soi.

(Đề Bia Trước Mộ)

Quách Tấn

(Tháng 2/1960)

Trúc thông

(nhà thơ)

Bích Khê, một cảm nhân

Con người sống có ba mươi một năm ấy đã cống hiến toàn bộ tinh anh cho thi ca, đã đành theo nghĩa đen ông chết vì bệnh lao phổi kéo dài. Nhưng Bích Khê tàn tạ chính vì cường lực ông đã trút hết cho thơ trong khi bệnh tình cứ ngày một tăng tiến, và theo như lời kể của bà Lê Ngọc Sương người chị ruột của Bích Khê, mặc cho bao nhiêu người thân đã hết lòng chăm sóc. Thơ hiện đại Việt Nam hết sức biết ơn người “liệt sĩ” ấy của mình, cùng với Hàn Mặc Tử, và còn gấp gáp gay gắt hơn người bạn lớn kia, Bích Khê muốn tách một dòng riêng trong Thơ Mới. Một dòng mới hơn, khác hơn, lạ lùng hơn, “thuần túy” thơ ca hơn. Trường nghệ thuật Thơ Mới đang chiến thắng; đang sung mãn thì chính tài năng của Bích Khê đã hàm chứa đầy đủ những “phẩm tiết” của thi pháp thơ mới, nhưng ông vừa ở trong, vừa vụng vẫy thoát, vừa hòa nhập vừa đòi ly khai. Bản chất sáng tạo trẻ trung của ông, những khác lạ trong mắt cảm thụ thế giới của ông, những nhu cầu bức bối bên trong đòi hỏi cách xử lý mới những vật liệu cũ. Bích Khê là người muốn đập vỡ khối kính vạn hoa toàn vẹn để tìm ra những vạn hoa nữa. Người muốn phát giác

một thứ âm nhạc khác của ngôn từ. Người mang thiên năng nghệ sĩ, hứng cảm luôn luôn đời hỏi “vượt biên”:

*...Hỡi trần gian! Hãy chết ngọt trong sao
Cho chân lý ngời ra như lưỡi kiếm
Cho tình ta xô dồn sang cực điểm
Và hào quang khiêu vũ với hào quang...*

(Nàng Bước Tới)

Rõ ràng không ra khỏi những vắn chân liên hoàn thịnh hành của Thơ Mới, lối ngắt nhịp phổ biến của thơ tám chữ. Nhưng trong kiểu thơ quen thuộc, ta nghe sự ba động chữ, ta thấy mọc ra, lan ra trong một tiết tấu mạnh những ánh sáng lạ, ta cảm được một khai phá, một vận động mở toang. Trong bài *Mộng Cẩm Ca* mở đầu tập *Tinh Huyết đầu tay*, đang là một thứ làn điệu rất nương, rất nhẹ:

Đây là bát ngát và thom như sữa lúa.

Tiến tới khổ thứ tư, từng đôi câu đối lên tới mức hết sức đặt dìu, điệu nghệ:

*Trăng gầy vàng, vàng gầy lên sáng trắng
Của gương hồ im lặng tựa bài thơ
Chân nhịp nhàng, lòng nghe hương nằng nặng
Đây bài thơ không tiếng của đêm tơ
Trăng gầy vàng, vàng gầy lên sắc trắng
Của hồn thu đi lạc ở trong mơ...*

Sang khổ thứ năm, khổ cuối, nhà thơ thoát nổi loạn trong nhịp, trong ý, trong hình ảnh. Vừa là cao trào, biến tấu, vừa như phản kháng lại tất cả dàn dây nỉ non, thánh thoát và mơ ảo trên kia:

Người cho ta một thanh gương rất sắc
 Ổ vung lên... cắt mạch nguyệt vàng xanh
 Xé mạch trời – mây xô sao, rặng rấc
 Phăng mạch đêm, hương vờ, úa ngằm tinh
 Người cho ta một thanh gương rất sắc
 Ta diên rô... múa giữa ánh bình minh.

Trong đôi mắt đăm đúi vĩnh cửu của nhà thơ, như một định mệnh, bao giờ cũng cháy lên ánh không yên của lương năng nghệ thuật.

Có thể lấy ra trong di sản không cao về số lượng bài, nhiều câu thơ rất ám ảnh của Bích Khê. những câu thơ cực hay về chất nhạc, chất tạo hình, chất mộng mị, chất trí tuệ, chất man dại (hiểu theo nghĩa nguyên thủy, hoang sơ), chất lô thể (hiểu theo nghĩa thuần túy, tượng trưng). Trong mỗi câu, cặp câu, hay cả đoạn, cả bài lúc nghiêng chất này, khi nặng chất kia, nhưng rất thường tổng hợp, nhuyễn vào nhau, nếu ta lật đi lật lại ngôn từ, chiếu rọi chúng từ nhiều phía, không chỉ từ các phía ngoài, mà từ cả miền trong bí mật tinh sâu, không thể dùng lô-gích giản đơn, thô thiển. Nhưng hôm nay tôi không làm việc đó. Tôi muốn bộc lộ ở đây niềm tôn phục trước ứng xử nghệ thuật của Bích Khê. Có một chút bốc vui vui nghệ sĩ nhưng ở đây là những câu thơ sáng khoái, chín chắn khắc lên đoạn kết “Bài hậu Ngũ Hành Sơn”:

... Ta sẽ ngồi nhập định
 Bốn mươi chín ngày đêm
 Mặt nguyệt rót êm đêm
 Mặt trời tuôn sáng tạo
 Thần trí mở kho tàng

*Tượng trưng vẫy cao đạo
Chỗ chính phẩm văn chương
Ta bước xuống long sàng
Viết trên hai tầng đá
Bài hậu Ngũ Hành Sơn
Ngó trời cười sang sảng
Trở lại giữa bạn bè
Vỗ hai bàn tay trắng!*

Sau khi đã rất tĩnh và rất sáng đạt tới cõi văn chương không phải bằng ăn đong hoặc ăn may, mà rằng “*thần trí mở kho tàng*”, tu luyện dưới “*mặt nguyệt rót êm đêm*” làm ấp đầy cảm xúc “*mặt trời tuôn sáng tạo*” làm bừng sáng trí tuệ, người thơ trong trắng và thanh bạch trở lại giữa bạn bè. Rõ ràng đây là người sinh tử vì thơ, một đời khao khát đạt tới thơ chính phẩm, chứ không phải làm thơ để làm cái gì khác. Sự diễn giải của tôi thật thô lậu trước câu thơ hàm chứa, chững chạc, bình tĩnh mà cồn cào, chiếu sáng toàn bộ bài thơ và cả sự nghiệp thơ Bích Khê: “*Mặt trời tuôn sáng tạo*”.

Trúc thông

(nhà thơ)

Phụ bản Thơ quý II – 2003

Báo Văn Nghệ Việt Nam

Hoàng phú ngọc trường

(Nhà văn)

Nhìn lại Bích Khê

ngọn thi sơn cảnh thẩm

Nếu người ta tổ chức cuộc bình chọn trong công chúng bạn đọc về một danh sách “top ten” của Thơ Mới, tôi cho rằng đa số ý kiến sẽ thống nhất khá dễ dàng với 10 tên tuổi thi nhân dẫn đầu phong trào thơ Tiền Chiến. Đó là bình về *Thơ* nói chung. Còn nếu nhấn mạnh trên chữ *Mới*, theo tôi chỉ là hai nhà, là Xuân Diệu và Bích Khê.

Xuân Diệu – như chính ông, điều ấy đã được mọi người hiểu biết một cách đầy đủ. Còn Bích Khê? Trong bài tựa cho tập *Thơ Bích Khê* (Do Sở VH – TT Nghĩa Bình xuất bản năm 1988), nhà thơ Chế Lan Viên viết rằng: “*Sau thơ Hàn Mặc Tử, giờ đến lượt thơ Bích Khê đang nhập vào lưới điện quốc gia*”. Thế đủ thấy sự vắng mặt quá lâu của tên tuổi Bích Khê trong đời sống văn học của đất nước.

Theo hồi ức của bà Ngọc Sương về em trai của mình, thơ bé Bích Khê thích khuôn những tảng đá ong vào sân và xếp thành lâu đài, xếp xong lại gỡ, gỡ ra xếp lại thành kiểu khác. Có lẽ trò chơi say mê thời thơ bé ấy có mang một thông điệp linh ứng về sứ mệnh mà chàng sẽ thực hiện bằng cả đời mình, – là kiến trúc cho Thơ một lâu đài tráng lệ và mới lạ, mà tôi e rằng trước và cả sau chàng, chưa từng có. Khi tập *Tinh Huyết* ra đời vào cuối năm 1939, Hàn Mặc Tử đã phải kinh ngạc kêu lên là: “*một đoá hoa thần dị*”; và theo Quách Tấn, *Tinh Huyết* đã gây nên trong làng Thơ đông đảo anh tài bấy giờ một làn sóng dư luận xôn xao có thể nói là “đến cực độ”. Còn Chế Lan Viên, mà chúng ta biết là một nhà thơ đã tiếp tục sự nghiệp Đổi Mới chính cả Thơ Mới trong văn học thời đại chúng ta, vâng, chính Chế Lan Viên đã nhận định về thơ Bích Khê 50 năm sau khi *Tinh Huyết* ra đời rằng: “*Anh có nhiều câu và nhiều bài mà... các thầy có khi không có. Hàn Mặc Tử không có, thơ Việt Nam trước đó không có*”.

Tôi xin dành ít thì giờ cho phép để trình bày một vài suy nghĩ về ý hướng sáng tạo của Bích Khê trong lòng cuộc vận động Đổi mới văn học của thập kỷ 30, vẫn thường gọi là Thơ Mới.

Ở Bích Khê, trước hết là một khát vọng cách tân mạnh mẽ và triệt để dành cho Thơ. Hiển nhiên là bất cứ thi sĩ đương thời nào cũng có một phương cách riêng để làm mới thơ, kể cả thơ cổ điển của Quách Tấn. Nhưng ở Bích Khê, ý thức Đổi mới này đã thể hiện thành hành động sáng tạo quyết liệt, triển khai trong mọi tầng mọi hướng của thi pháp, hoặc theo cách nói của Chế Lan Viên, là “*vừa làm thơ, vừa đẩy lịch sử thơ ca duy tân thêm một bước*”. Từng bài trong hai tập thơ *Tinh Huyết* và *Tinh Hoa* đều mang dấu bút phá của nhà thơ: chữ nghĩa, tiết điệu, nhạc tính, hình tượng và cấu trúc... Tất cả nhằm đem lại cho thơ một phong vận hoàn toàn mới lạ,

hầu như là một sự tái sinh của tiếng Việt trong ngôn ngữ thơ. Bứt phá cho tới cùng, thì trong thơ Bích Khê hiện ra những câu như thế này:

– Ô! Hay buồn vương cây ngô đồng
Vàng rơi! Vàng rơi! Thu mệnh mỏng!

Hoài Thanh bảo rằng đó là “*Những câu thơ hay vào bậc nhất trong thơ Việt Nam*”. Quả là hay, ở chỗ vẫn bằng ấy chất liệu đã quá cổ điển để nói về mùa thu, nhưng hiệu quả thơ lại hoàn toàn mới: ở đây tiếng Việt như chỉ cần hai thanh để tạo nên một nhạc điệu muôn vàn, chỉ một chút *vàng* để tạo ra một tác phẩm hoàn mỹ của hội họa ẩn tượng, và sau cùng là một mùa thu của đất trời mà tuồng như lần đầu tiên ta nhìn thấy.

Sự Đổi Mới trong sáng tạo không thể khoanh vùng riêng cho thơ, mà rút sợi dây thơ là động tới cả khu rừng nghệ thuật. Nói khát vọng đổi mới tất phải hiểu như vậy. Chính vì thế, trong bài thơ *Duy Tân*, mà có lúc là bài thơ thích nhất của tác giả, Bích Khê đã nói tới cả *kiến trúc, nhiếp ảnh, hội họa, âm nhạc, điêu khắc, ... v.v.* Đừng nghĩ rằng thi sĩ ôm đồm, ở đây Bích Khê khẳng định một yêu cầu thuộc về bản chất của khát vọng Đổi Mới:

– *Chữ biến hình ảnh mới, lúc trong ngâm*
Chữ điêu khắc, tả nghệ thuật sâu cảm
Lúc trong ngâm, giữa kho vàng mộng tưởng
Múa song song khiêu vũ dưới đêm hồng.

Có thể kết luận rằng bài thơ *Duy Tân* là một Tuyên ngôn của ý thức sáng tạo, và Bích Khê mang dòng máu của một con người đi khai phá, – khai phá một thế giới mới. Sau lưng những người đi khai phá, thế giới bao giờ cũng khác đi một chút gì so với chính nó. Trường hợp Bích Khê và Thơ Việt

Nam cũng vậy. Thời ấy, Hoài Thanh gọi Xuân Diệu là nhà thơ “mới nhất” của Thơ Mới. Nay có đủ cả *Tinh Huyết*, *Tinh Hoa* và những bản thảo đã được công bố, tôi nghĩ rằng “mới nhất” của Thơ Mới chính là Bích Khê; dù điều này cũng không ảnh hưởng chút gì đến vị trí xứng đáng đã được khẳng định của Xuân Diệu trong Thơ Tiền Chiến.

Tôi xin phép nghĩ thêm về *tâm thức văn hóa* của một nghệ sĩ sáng tạo, với Bích Khê. Hơn bất cứ ngành nghệ thuật nào, Thơ sinh thành, sống và chết trong Tiếng Mẹ; sinh mệnh của Thơ tồn tại trong ngôn ngữ và văn hóa dân tộc. Bích Khê ý thức rất rõ điều này, nên dù mạo hiểm tới đâu trong cuộc tìm kiếm cái mới, tới mãi tận những bến bờ xa xôi có thơ Pháp, khát vọng Đổi Mới của Bích Khê vẫn giữ lấy nguồn cội để quay về chính trong bài thơ – *tuyên ngôn* nói trên, sau cùng Bích Khê nhắc lại:

– *Bằng cảm tình, bằng hình ảnh, yêu thương*
Và mới mẻ – trên viên cổ Đông phương
Ai có nghe sức tiềm tàng bí mật...

Chúng ta có thể thấy khắp mọi nơi, rằng bên trong cái hình hài mới tinh khôi của thơ Tượng trưng, thơ Bích Khê được tạo nên bằng chất liệu văn học, văn hóa và tình tự sâu thẳm của dân tộc. Thí dụ bài *Hoàng Hoa*, với những câu thế này:

Oanh già theo quỳên; quỳên tin chàng
Đào theo phù dung, thơ không sang!
Ngàn khơi, ngàn khơi, ta ngàn khơi
Làm trắng theo chàng qua muôn nơi.

Chúng ta dễ dàng nhận ra đấy chính là Chinh Phụ Ngâm. Một Chinh Phụ Ngâm thu gọn lại trong 18 câu, toàn là thanh bằng. Thế có lạ không?

Hành trình Thơ của Bích Khê là cuộc chinh phục của trí tuệ tự do, qua khắp mọi miền của Nhạc và Lệ, Đẹp và Dâm, Cuồng và Ánh sáng, qua hết một phong trào Thơ Mới và một thế kỷ thơ Pháp; để cuối cùng đạt tới Chính Mình với lòng rộng không của hang động Ngũ Hành Sơn thanh thản, thoát xác và ngộ đạo trong ánh sáng trí tuệ của Thiên:

*Bảy lần đài Vọng Hải
 Ta sẽ ngồi nhập định
 Bốn mươi chín ngày đêm
 Mặt nguyệt rớt êm đềm
 Mặt trời tuôn sáng tạo
 Thần trí mở kho tàng
 Tượng trưng vấy cao đạo
 Chỗ chính phẩm văn chương*

Bài thơ Ngũ Hành Sơn là một đỉnh cao tâm linh của thi sĩ, ở đó chỉ nói riêng về thơ, là một khối ngọc kết tinh những giá trị mỹ học truyền thống và hiện đại, hoặc nói cách khác, là một hình thái phát triển nội sinh của văn học, đưa thơ đi rất xa trên con đường cách tân bằng nội lực văn hóa của dân tộc.

Bích Khê đã sống cuộc đời ngắn ngủi và bất hạnh của một thiên tài. Những gì chàng đã nói ra và làm giữa cõi đời này đều mang hội chứng của thiên tài: một người đã quyết định bỏ ra sáu tháng để tạo nên sự nghiệp quán thế của cả một đời thi sĩ (như lời chứng của Hàn Mặc Tử), cũng là người biết trước cái chết của mình, đợi đúng giờ hẹn và thanh thản ra đi. Thảo nào mà khi đọc thơ Bích Khê, Hàn Mặc Tử đã gọi bạn mình là “thi sĩ thần linh”.

Hình như từ đây đó trong vô cùng, Bích Khê đã ghé lại cõi đời này trong chốc lát, chỉ để làm xong một việc, là Đổi Mới Thơ và làm giàu có cao sang thêm tiếng nói của dân tộc mình. Tôi không nghĩ về ông như một “thần linh”: Bích Khê là một ngọn núi, một Thi Sơn xanh thắm ở chân trời văn học.

Hoàng phước tường

(Nhà văn)

Phụ bản Thơ – SỐ 10 (Tháng 4 – 2004)

(tạp chí Văn nghệ Việt Nam)

nguyễn trung hiếu

nhà thơ Bích Khê một نفر án

không có cơ sở

Cách hàng ngàn cây số, phương tiện đi lại không như bây giờ. Những năm đầu cách mạng, đường sá ở Quảng Ngãi bị đào xới, hiếm lắm mới có một chiếc xe đạp đôn đông cà tàng, còn là chân trần... cuộc bộ. Thế nhưng đã lần thứ tư, sau 42 năm cũng là lần cuối, tháng 8 năm 1988, nhà thơ Chế Lan Viên và nhà thơ Yến Lan, tôi được tháp tùng hai ông xuống tận Thu Xà, quê hương nhà thơ Bích Khê để viếng mộ ông.

Buổi chiều, mưa lất phất, âm u, chúng tôi có cảm giác rờn rợn, chùng chùng như có thật "Trên mồ con quạ đứng im hơi".

Nhà thơ Chế Lan Viên, trân trọng đọc bài giới thiệu của ông cho tập thơ Bích Khê, trên hai mươi trang đánh máy có đoạn nói, Chế Lan Viên rất quý tài Nguyễn Nhược Pháp, Nguyễn Bính, nhưng so với Bích Khê, ông cho là "đỉnh núi lạ",

Và theo chỗ tôi được biết, các văn nghệ sĩ khắp mọi miền đất nước rất quý Bích Khê – ngay cả trong kháng chiến chống Pháp, các ông Hoài Thanh, Nguyễn Đỗ Cung, Nguyễn Tuân, Thanh Tịnh. Tế Hanh, Chế Lan Viên, tướng Nguyễn Sơn, Văn Đông, Yến Lan... đã nhiều lần viếng mộ Bích Khê. Trong hòa bình, hầu hết các văn nghệ sĩ về Quảng Ngãi đều có kế hoạch thăm quê hương Bích Khê, như Nguyễn Huệ Chi, Thanh Thảo, Nguyễn Thành Long, Khương Hữu Dụng, Đào Xuân Quý, Cao Duy Thảo, Trương Quang Lục, Vũ Ngọc Liên,

Nguyễn Thế Vinh, Đường Ngọc Cảnh, Phan Huỳnh Điểu, Nguyễn Đức Toàn, Văn An, Đào Thế...

Ấy nhưng, ở Quảng Ngãi, đặc biệt chỉ Quảng Ngãi một vài vị chức sắc rất ngại nhắc tới tên tuổi của Bích Khê, bởi ông Bùi Định, cán bộ lão thành cách mạng đã ghi trong sách của ông: "Bích Khê cầm đầu nhóm Tơ - rớt - kit".

Tôi may mắn được gặp một số người cùng thời ông Bùi Định trong những ngày cướp chính quyền, tháng 8 năm 1945 ở Quảng Ngãi.

Nhà báo lâu năm nhất, đang sống tại khu 96 hộ, thị xã Quảng Ngãi – Trương Quang Lộc – ông tham gia cách mạng sau Nhật đảo chính hai ngày (11/3/1945) và ngay sau ngày Tổng khởi nghĩa, làm Ủy viên Thường vụ Liên đoàn Văn hoá Cứu quốc, rồi Ủy viên Thường vụ Ban Trị sự Hội nghiên cứu chủ nghĩa Mác Quảng Ngãi, trước lúc nghỉ hưu là chuyên viên cao cấp Ban Tuyên huấn Trung ương, trên 50 tuổi Đảng, từng là học trò nhà thơ Bích Khê, năm 1939, trường Hồ Đắc Hàm, Huế.

Về ông Bùi Định, nhà báo Trương Quang Lộc cho biết: "Ông Bùi Định ở xã Đức Minh, Trương Quang Lộc ở xã Đức Chánh, cùng huyện Mộ Đức, hai xã cách khoảng bốn cây số và cách vạ Thu Xà thuộc huyện Tư Nghĩa quê nhà thơ Bích Khê khoảng mười cây số, nếu đi tắt".

Xã Đức Minh có nghề trồng thuốc lá nổi tiếng Quảng Ngãi, nhưng rất nghèo. Ông Bùi Định ra làm thợ may ở cửa Bắc, thị xã Quảng Ngãi và hoạt động cách mạng rồi lấy vợ, sau đó bị Pháp bỏ tù. Những ngày cướp chính quyền, ông Bùi Định là một trong những thanh niên hăng hái, được chọn ra điều đình với quân Nhật để họ không tiếp tục tuần tiễu, quấy phá và giao nộp khí giới cho ta trước khi quân Đồng Minh tới giải giáp. Những năm ở tù, ông Bùi Định được anh em giúp đỡ và

ting thần tự học của ông cũng tốt nên biết đọc, biết viết, so với hồi đó, vậy là khá.

Tháng 5 năm 1984, ông Bùi Định mang tập bản thảo của ông đến gặp nhà báo Trương Quang Lộc nhờ góp ý. Đoạn nói về nhà thơ Bích Khê, nhà báo Trương Quang Lộc giật mình, hỏi:

– Anh căn cứ tài liệu nào đây ?

Ông Bùi Định trả lời chắc chắn:

– Cơ sở báo cáo.

Nhà báo Trương Quang Lộc nhắc nhẹ:

– Anh xem lại cẩn thận, chứ theo chỗ tôi được biết là không phải vậy.

Ông Bùi Định chỉ gật, không nói gì, và cũng không lâu sau đó, sách của ông được tỉnh Nghĩa Bình cù ấn hành.

Sau khi đọc tập sách "Tìm hiểu các phong trào yêu nước chống Pháp của nhân dân Quảng Ngãi (1885 – 1985) của ông Bùi Định, tôi mạo muội hỏi ông:

– Thưa cụ, Bích Khê cầm đầu nhóm Tư rất kít, tất phải có tổ chức, có người trong tổ chức đó, vậy những người đó mình xử lý ra sao, hành động và phương hại cụ thể lúc đó ?

Như không cần suy nghĩ ông Bùi Định nói ngay:

– Các cậu lúc đó còn nhỏ, làm sao hiểu được tình hình.

Biết không thể "tay đôi" với ông, tôi liền đi hỏi những nhân chứng khác.

Hà Thái Bình, quân báo, bộ đội thời kháng chiến chống Pháp, nhà báo lâu năm nguyên phó Tổng biên tập báo Nghĩa Bình, trên 50 tuổi Đảng, hiện là thầy thuốc Bắc, hiệu Phục Sanh Đường, số nhà 524 đường Quang Trung, thị xã Quảng Ngãi, rất giỏi chữ Hán, cùng ở Thu Xà, gần nhà Bích Khê. Khởi nghĩa, ông Hà Thái Bình là trung đội phó tự vệ ở đó, biết khá rõ tình

hình, và được tổ chức tin cậy, giao thêm nhiệm vụ kiểu như "mật báo viên" nên thường gán gùi các ông Trần Cẩm Phiêu, tức Ba Phước, chủ nhiệm Việt Minh xã Thái Thú, nay là xã Nghĩa Hòa, huyện Tư Nghĩa, Nguyễn Ngọc Vi, chủ tịch Ủy ban cách mạng lâm thời, Nguyễn Hơn, cán bộ Việt Minh. Ông Nguyễn Hơn là anh em chú bác ruột với Nguyễn Độ, cán bộ lão thành cách mạng trung kiên, vẫn khoẻ mạnh, gần 80 tuổi, cách vài ngày, ông Hơn vẫn đi xe đạp lên thị xã thăm cháu. Chính ông Hơn người trực tiếp bí mật vào nhà lao của Pháp ở Kontum, năm 1949, đưa ông Dương Bạch Mai trở về với chính thể Việt Nam Dân chủ Cộng hòa.

Điểm lại cao trào cách mạng 1945, và các phong trào khác, đại diện Chính phủ Trung ương tại miền Nam Trung bộ, ông Phạm Văn Đồng nhiều lần về xã Thái Thú, có cả cụ Huỳnh Thúc Kháng, đã khen Đảng bộ, Liên hiệp Hội Việt Minh và chủ nhiệm Việt Minh Trần Cẩm Phiêu là chững chạc, nghiêm túc, đúng tinh thần chỉ đạo của Chính phủ Trung ương. Xã Thái Thú, được công nhận là xã kiểu mẫu đầu tiên của khu 5.

Tháng 8 năm 1945, Quảng Ngãi, như một chảo lửa hừng hực khí thế toàn dân nổi dậy cướp chính quyền. Quân Nhật như gà phải cáo. Từng tốp, từng tốp xe cam – nhông Nhật chở đầy lính và súng, nhưng không nhích nổi bởi sóng người, sóng cờ biểu ngữ cuộn cuộn từ nguồn chí biển, gươm, dao, giáo, mác, lao cau, tầm vông... tua tủa, cùng tiếng trống, mõ, xèng la âm ỉ, cộng với tiếng hô vang dậy đất, dậy trời ùn ùn kéo vào tỉnh lỵ, sào huyệt chính quyền thực dân: "Ủng hộ Chính phủ Lâm thời Hồ Chí Minh", "Việt Nam hoàn toàn độc lập muôn năm"...

Chính giờ phút thiêng liêng ấy, Bích Khê đã nhờ người nhà khiêng ông ra ngõ (ông bị lao phổi thời kỳ cuối – ngót mười năm lâm bệnh) để được chào đón ngọn cờ đỏ sao vàng.

Cái chi tiết này, báo chí Sài Gòn trước giải phóng, Quách Tấn và nhiều độc giả đã nói. Nhà thơ Chế Lan Viên đôi lần cũng nhắc lại đúng vậy, nhưng rồi chỉ vài tháng sau, mùa đông, nhà thơ Bích Khê đã:

"Từ già anh em trước gió xuân"

Nói về cách mạng tháng tám, nếu không là người trong cuộc, cũng khó hình dung về sức mạnh triều dâng, thác cuốn của thời khắc ấy và cũng chẳng dễ hiểu những sơ suất ngoài ý muốn của đại cuộc, như trường hợp ông Lê Văn Hiến, sau này là Bộ trưởng Tài chính nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa, được trung ương cử vào công tác ở Quảng Ngãi, suýt nữa, chỉ một suýt thôi, đã bị hành hình, nếu không có người nhận ra ông là bạn tù trước đó.

Đã là năm 1946 rồi mà những chuyến tàu Nam tiến dừng lại ga Quảng Ngãi, các chiến sĩ ta không dám xuống sân ga để dạo chơi vì nghe tiếng cách mạng Lê Trung Đình ghê quá (hồi đó tỉnh Quảng Ngãi gọi là tỉnh Lê Trung Đình).

Vạn Thu Xà, gần biển, sát sông Vực Hồng, ghe thuyền vào ra thuận lợi, sầm uất như một thị trấn ngày nay. Người Hoa ở đây khá đông, là nơi giao lưu buôn bán với Hải Nam, Hồng Kông, Ma Cao, Thượng Hải... bằng những ghe bầu lớn. chính vì thế những ngày chuẩn bị tổng khởi nghĩa. Thu Xà được coi là điểm nóng thứ hai sau tỉnh lỵ Quảng Ngãi. Và như thế, toàn bộ những người ít nhiều bị nghi dính líu với Tây, Nhật, các đảng phái, cả những hướng đạo sinh... đều bị tập trung vào hai nơi và được canh giữ nghiêm ngặt: nhà Liên đoàn Vinh Thạnh, sát chợ Thu Xà và nhà Tiên hiền, nằm trong khuôn viên chùa Ông. Sau khi thiết lập được chính quyền, không quá tuần lễ, tất cả đều được tự do.

Ba con trai ông Lê Quang Hường, anh ruột Bích Khê: Lê Cao Sinh, Lê Cao Kỳ, Lê Cao Phong cùng Trung đội Thiếu

niên cứu quốc của xã Thái Thú, ngay cả những bạn là học giả thường lui tới, chơi thân với Bích Khê, như Trần Dũ Khiêm, vừa nhà báo, nhà thơ sau này, Trần Dũ Lương, rất giỏi tiếng Pháp đều không nằm trong búi đó. Bà Ngọc Sương, chị ruột nhà thơ Bích Khê, cuộc mít ting lớn nào của xã bà cũng được mời ngồi ở hàng ghế danh dự. Ông Lạc Nhân nhà báo nổi tiếng, cánh tay đắc lực của cụ Huỳnh Thúc Kháng, thời làm báo Tiếng Dân, anh rể nhà thơ Bích Khê, vẫn được chính quyền lúc đó rất trân trọng.

Không những thế, cả hai năm sau, số quân báo vẫn tiếp tục "lót" ở đó như ông Trương Thành, quê tỉnh Quảng Nam, ông Phan Xin, quê Phan Thiết, thủ môn bóng đá nổi tiếng ở miền Trung, ông Nguyễn Hơn ở vạn Cổ Lũy, cách Thu Xà 3km. Số này nằm trong tổ chức "Ban ánh sáng E.67 + 73". Thời đó làm như vậy quả là quá thận trọng chu đáo.

Ông Trương Thành sau là Trưởng ban Quân báo Quân khu 5, người chỉ huy cuộc vượt ngục của ông Dương Bạch Mai, ông Phan Xin là phó trưởng ban. Các ông giả là người buôn bán, tá túc trong các nhà người Hoa trước và một hai năm sau Tổng khởi nghĩa.

Như vậy, việc ông Bùi Định nói căn cứ báo cáo của cơ sở, thì rõ ràng là không có cơ sở!

Họ hàng, bạn bè thân hữu nhà thơ Bích Khê đã nhiều lần có ý kiến về nỗi oan của Bích Khê trên một số tờ báo của Trung ương, trong đó tờ Văn nghệ Trẻ của Hội Nhà văn Việt Nam. Giáo sư Lê Hoài Nam đề nghị xin được gặp chính quyền tỉnh, trình bày sự việc, quan điểm của gia đình và xin đối chất trực tiếp với người nào đó đã nói Bích Khê là Tơ - rớt - kít, nhưng đã rất nhiều năm, vẫn chưa hề có hồi âm!

Theo chỗ tôi được biết, có nhiều vị lãnh đạo rất thiện ý, nhưng ngại "xáp" vào việc vì còn đôi người vẫn hiểu Bích Khê theo sách của Bùi Định!

Tôi đã tìm gặp một số người với sự chân thành ở "cấp con cháu". Có cụ nghe lọt và cho đó là việc hơi quá đáng, đôi cụ vẫn âm ừ, chưa rõ thực hư. Vì thế, ngay con đường Cửa Đông, thành Quảng Ngãi cũ có một đoạn ngắn, non non hai trăm thước, dân tự đặt tên là đường Bích Khê, đã tồn tại nhiều năm, nhưng do ý kiến một vài cụ, chính quyền phải thay là đường Nguyễn Du!

Dân nói vui: Ông Nguyễn Du nào lại ưng cái việc tranh đường, tranh đất chỉ ông Bích Khê – nhà thơ hậu thế – mang tiếng, tội cho ông!

Cái số nhà thơ Bích Khê quả thật là đen đủi đến nỗi có một cơ quan văn hoá ở thành phố Hồ Chí Minh trân trọng nhà thơ, đã tạc bức tượng đồng với nhà ý tặng gia đình làm kỷ niệm, nhưng không được đưa về Quảng Ngãi với lý do: địa phương nhà thơ không đồng ý!

Dù sao, tôi vẫn tin nhà thơ tài hoa Bích Khê về sự trong sáng, độ lượng và sức mạnh "*Tinh Huyết*" của ông vẫn cứ thế vĩnh viễn trường tồn cùng quê hương, dân tộc, như đã khắc trên bia mộ ông, dư nửa thế kỷ:

"Sau nghìn thu nữa trên trần thế
Hồn vẫn về trong bóng nguyệt soi"

Nguyễn Trung Hiếu

(Trích Tuần báo Văn nghệ Việt Nam)

số 37 (19/4/22)

thanh thảo

gia đình nhà thơ Bích Khê
một gia đình cách mạng

Cách đây ngót 10 năm, tôi có dịp gặp và hầu chuyện là Lê Thị Ngọc Sương, chị ruột nhà thơ Bích Khê, trong dịp bà về quê với ý định cùng gia tộc xây lại nhà thờ họ và di dời mộ Bích Khê, người em thi sĩ mà bà xiết bao yêu thương từ những ngày hai chị em còn cắp sách đến trường, về nơi gần nhà thờ họ hơn, đông vui hơn. Nhưng rồi ý định tốt đẹp này của bà Ngọc Sương không thực hiện được bởi nhiều lý do, trong đó có lý do những người lãnh đạo ở tỉnh và xã hội ấy tỏ ra rất ngần ngại, thậm chí nghi ngờ về nhân thân Bích Khê. Cơ sự cũng vì một câu chú thích trong một quyển sách dày khoảng 400 trang của ông Bùi Định, quyển *Tìm hiểu các phong trào yêu nước chống Pháp của nhân dân Quảng Ngãi (1885 – 1985)*. Năm 1986 khi cuốn sách này được Sở Văn hoá Thông tin Nghĩa Bình xuất bản, ông Bùi Định có đến thăm và tặng tôi cuốn sách. Tôi cảm ơn và hầu chuyện ông về việc viết lách, chuyện gia đình... Cho đến khi tôi đọc sách, dòng

chú thích mà tôi nhớ đại ý "Khoảng năm 1936, có một vài nhóm Trotskyist hoạt động ở Quảng Ngãi, như nhóm Lê Quang Lương (Bích Khê) ở Thu Xà..." Chỉ ngắn gọn vậy thôi không tin hay giải thích gì thêm. Lúc bấy giờ, tôi cũng chỉ nghĩ có lẽ ông Bùi Định dựa vào việc hồi đó Bích Khê có dịch (không xuất bản, có lẽ chỉ dịch một số đoạn) quyển hồi ký của nhà văn Pháp André Gide "*Trở về từ Liên Xô*". Bích Khê là một trí thức, một nhà Tây học, việc Bích Khê đọc hay dịch văn học Pháp, chịu ảnh hưởng của văn học Pháp, thậm chí hâm mộ sùng bái một nhà văn lỗi lạc như Gide cũng là chuyện bình thường. Có thể quyển hồi ký của Gide về chuyến thăm Liên Xô (hồi đó Gide là một nhà văn Pháp nhiệt tình ủng hộ Liên Bang Xô Viết) đã khiến Bích Khê phải suy nghĩ về một số điều. Nhưng nếu từ đó mà cho rằng nhà thơ là đệ tử của Trotskyist hay tham gia hoạt động ở nhóm Trotskyist thì hơi vô đoán và gọi theo kiểu bây giờ là hơi ... chụp mũ. Dĩ nhiên, quyển sách của ông Bùi Định là tác phẩm của cá nhân ông, không phải là một tài liệu chính thức, càng không phải là cuốn lịch sử hay Đảng sử, nó chỉ có giá trị tham khảo. Rất tiếc là sau ngày chia tách tỉnh, một số người lãnh đạo mới của tỉnh Quảng Ngãi đã không bỏ công tìm hiểu về Bích Khê và gia đình ông, cũng không đọc thơ Bích Khê. mà thơ là "biên niên sử của tâm hồn" nhà thơ, mà chỉ dựa duy nhất vào một dòng ... chú thích trong một quyển sách, để từ đó tỏ thái độ e ngại, thậm chí phủ nhận đối với một nhà thơ lẽ ra phải là niềm tự hào của người Quảng Ngãi, trong đó có cả những người lãnh đạo tỉnh. Tôi dám nói chắc, nếu không phải sinh ra ở Quảng Ngãi mà ở một tỉnh khác, có lẽ Bích Khê đã được tôn vinh hơn rất nhiều, ưu ái hơn rất nhiều. Ông xứng đáng được như vậy, không chỉ vì thơ ông, dĩ nhiên thơ ông là yếu tố quyết định cho sự tôn vinh ấy, mà còn bởi nhân cách của ông, lòng yêu nước của ông, và cả truyền thống yêu nước và

cách mạng của gia đình ông. Bởi, gia đình Bích Khê đúng là một gia đình yêu nước và cách mạng. Ông nội Bích Khê là Lê Trọng Khanh, là người đỗ đạt, từng là tri phủ Phủ Lý (Hà Nam), nhưng ông đã từ quan về quê ở Nghĩa Hành (Quảng Ngãi) do tư tưởng bất hợp tác với Pháp. Trùm Việt gian, đại thần Nguyễn Thân hỏi đó biết Lê Trọng Khanh là người có uy tín, có khí tiết nên dụ dỗ ông ra làm quan. Biết được dã tâm này của Nguyễn Thân, ông Khanh đã uống thuốc độc tự tử, quyết nêu cao tiết tháo, không đứng cùng phía với bọn bán nước. Cha Bích Khê là Lê Quang Dục (Nguyễn Thân bắt từ dòng con ông Lê Trọng Khanh không được lót chữ "Trọng", chẳng biết đó có phải là một cách trả thù ?) Ông Lê Quang Dục cũng là một nhà nho học, làm thơ, cam sống trong cảnh bần hàn. Bích Khê có bảy anh chị em, nếu tính cả mẹ của nữ sĩ Mộng Cầm là con đời vợ trước của ông Dục thì là 8 anh chị em. Cả 8 người con ông Lê Quang Dục đều không có ai hợp tác với Pháp, không có ai là "đối tượng của cách mạng". Ngược lại, rất nhiều người trong gia đình Bích Khê đã trực tiếp tham gia vào hoạt động trong các phong trào yêu nước và cách mạng. Chị ruột Bích Khê, bà Lê Thị Ngọc Sương, người chị gùi và được Bích Khê yêu thương nhất, người ảnh hưởng đến tư tưởng của Bích Khê, đã tham gia hoạt động trong phong trào yêu nước từ năm 17 tuổi, từ năm bà còn ngồi trên ghế nhà trường. Thoát lý gia đình ra Huế, tìm gặp cụ Phan Bội Châu lúc cụ bị an trí ở Bến Ngự, bà Sương đã được cụ Phan yêu thương và quý trọng nhận làm con nuôi. Về sau, bà Sương kết duyên với nhà báo Lạc Nhân, thư ký tòa soạn báo Tiếng Dân của cụ Huỳnh Thúc Kháng. Vợ chồng bà Ngọc Sương không chỉ là người yêu nước trước năm 1945, là những người kháng chiến suốt 9 năm chống Pháp, mà sau năm 1954, ở lại miền Nam, gia đình bà vẫn là gia đình cách mạng, trực tiếp tham gia các hoạt động bí mật dưới sự lãnh đạo của

Thành ủy Sài Gòn. Thời Mỹ ngụy, bà Ngọc Sương đã bị bắt và bị đày ra Côn Đảo suốt 4 năm. con gái bà, sinh viên và sau này là nhà báo Thu An (sau giải phóng là vợ nghệ sĩ nhân dân Quốc Hương) cơ sở hoạt động tích cực trong phong trào sinh viên yêu nước và cũng bị đày ra Côn Đảo. Sau giải phóng gia đình và Ngọc Sương được công nhận là gia đình cách mạng và có công với cách mạng. Anh ruột Bích Khê là Lê Quang Khâm tham gia cách mạng từ sau năm 1945, đi tập kết, Lê Quang Hường, anh ruột Bích Khê cũng tham gia cách mạng sau Tổng khởi nghĩa. con ông Lê Quang Khâm là Lê Quốc Ân hiện nay là chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty Dệt May Việt Nam, ông Lê Quang Thuận, anh ruột Bích Khê, có 4 người con đi tập kết, trong đó có giáo sư Lê Hoài Nam nguyên hiệu trưởng Đại học Sư phạm Vinh và đại học Sư phạm Quy Nhơn. Ông Lê Quang Hường, anh ruột Bích Khê có 3 người con đi tập kết và đều thành đạt. Ông có một người con gái – chị Lê Phương Mai, ở lại miền Nam và tham gia hoạt động cách mạng từ trước giải phóng. Bà Lê Thị Khương, chị ruột Bích Khê, có con là Hoàng Đình Phú, một tướng lĩnh trong QĐNDVN, và đặc biệt có chị Hoàng Thị Các, một chiến sĩ hoạt động nội thành xuất sắc thời chống Mỹ, và mới đây đã xuất hiện trên VTV một nhân vật trong chuyên mục "Người đương thời" của Tạ Bích Loan. Sinh thời Bích Khê không có vợ, con, nhưng gia đình Khê là một đại gia đình. Các anh chị, cháu Bích Khê kể còn người mất nhưng hầu hết đều tham gia hoạt động theo cách mạng, đều là "người đảng mình". Sinh ra và lớn lên trong một gia đình có truyền thống yêu nước, ghét và bất hợp tác với bọn xâm lược Pháp, với bè lũ tay sai Nguyễn Thân, Bích Khê là một nhà thơ, một người trí thức, luôn tìm tòi, khắc khoải, luôn hướng về cái đẹp của thơ, của con người, nhưng thế không có nghĩa Bích Khê phải là một phân tử Trotskit gì đó, hay có những hoạt động gì

ngược với xu hướng của gia đình. Việc Bích Khê trước khi mất còn nhờ người nhà đưa ra ngô để chào mừng đoàn biểu tình của nhân dân, chào lá cờ đỏ sao vàng, là một thể hiện lặng lẽ lòng yêu nước mà nhà thơ đã từng ấp ủ qua những bài thơ của mình, những bài thơ không chỉ đẹp mà còn rất nặng tình với quê hương xứ sở. Thơ Bích Khê đẹp và hồn Bích Khê sáng. Đó mãi mãi là một "dòng suối trong xanh" đúng như cái tên thi sĩ của ông

thanh thảo

(Trích Tuần báo văn nghệ Việt Nam)

(Số 38 (21/9/2002))

Thay Lời Kết

Thứ bảy ngày 18 – 01 – 1997, Nhà Văn hóa Thanh niên TP. Hồ Chí Minh, Hội Nghiên cứu và Giảng dạy Văn học TP. Hồ Chí Minh đã tổ chức **“Đêm Bích Khê”** tại Nhà Văn hóa Thanh niên số 4 Phạm Ngọc Thạch TP. Hồ Chí Minh, nhân dịp kỷ niệm năm mươi năm ngày mất của nhà thơ.

“Đêm Bích Khê 1997” thu hút khách tham dự chật kín Hội trường lớn tại Nhà Văn hóa Thanh niên với sự góp mặt hùng hậu của các tên tuổi tiêu biểu trên địa hạt văn hóa nghệ thuật: GS. **Hoàng Như Mai**, GS. **Lê Đình Ky**,... các nhạc sĩ **Phan Huỳnh Điểu**, **Trịnh Công Sơn**, **Phú Quang**,... các nhà thơ **Hoàng Phủ Ngọc Tường**, **Nguyễn Duy**, **Thanh Thảo**, **Trần Xuân Kiêm**,... các nhà nghiên cứu **Hoàng Thiệu Khang**, **Cao Tự Thanh**, **Huỳnh Như Phương**,... các nghệ sĩ biểu diễn **Hồng Vân**, **Tuấn Phong**, **Mai Hiền**, **Thúy Vinh**,... và đặc biệt có mặt nhà điêu khắc nổi tiếng **Diễm Phùng Thị**.

Đó là một đêm kỷ niệm hoành tráng, cảm động...

Chính sự thành công của **“Đêm Bích Khê 1997”** với số lượng phong phú và với ý tưởng súc tích của các bài tham luận đã gợi ý chúng tôi làm tập sách tập hợp các bài viết về thi sĩ Bích Khê và thơ Bích Khê.

Tập sách này đáng lẽ được ra mắt sớm hơn, nhưng mãi đến hơn 6 năm sau mới có điều kiện hoàn thành. Tập sách cũng chưa đủ điều kiện hoàn thành. Tập sách cũng chưa đủ điều kiện giới thiệu toàn bộ thơ Bích Khê và các bài viết về thơ Bích Khê một cách đầy đủ từ hơn bảy mươi năm qua. Hy vọng rằng tập sách này sẽ gợi mở cho các công trình nghiên cứu khoa học chuyên ngành về Bích Khê và thơ Bích Khê trong một tương lai không xa.

Nhân đây, chúng tôi mong được sự thông cảm của các tác giả và gia đình tác giả mà chúng tôi đã mạo muội trích bài đăng trong tập sách này, cũng như của gia đình nhà thơ Bích Khê về tất cả những thiếu sót của chúng tôi trong quá trình hoàn thành tập sách này. Chúng tôi cũng như đông đảo bạn đọc đều mong muốn rằng một **con người Bích Khê**, một **thi tài Bích Khê** tất phải có vị trí xứng đáng trong xã hội và trên văn đàn.

LÊ SƠN - NGUYỄN QUỚI



*Bảy mươi năm
đọc thơ Bích Khê*

Chịu trách nhiệm xuất bản

NGUYỄN VĂN LƯU

Biên tập: TRIỆU XUÂN – THẠCH SƠN
Trình bày bìa: HUỖNH PHI HẢI
Sửa bản in: THẠCH SƠN

NHÀ XUẤT BẢN VĂN HỌC

18 Nguyễn Trường Tộ – Hà Nội

*ĐT: (84.4) 829 4685 * Fax: (84.4) 829 4781*

CHI NHÁNH TP HỒ CHÍ MINH

290/20 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Quận 3, TP. HCM

*ĐT: (84.8) 848 3481; 846 9858 * Fax: (84.8) 848 3481*

In 1000 cuốn, khổ 14,5 x 20,5cm tại Công ty cổ phần In Bến Tre. Giấy phép xuất bản số 1277/36/CXB-QLXB cấp ngày 03/9/2004. Giấy trích ngang KHXB số 414/VHGP cấp ngày 02/12/2004. In xong và nộp lưu chiểu Quý II năm 2005.



DCN.000685

TỦ SÁCH VĂN

CÁC SÁCH ĐÃ XUẤT BAN

- | | |
|--|-----------------|
| 1- TÌM HIỂU ĐIỂN TÍCH TRUYỆN KIỀU | Phạm Đan Quế |
| 2- TRUYỆN KIỀU - ĐOẠN TRƯỜNG TÂN THANH | Phạm Đan Quế |
| 3- NON NƯỚC XỨ QUẢNG (QUẢNG NAM, QUẢNG NGÃI) | Phạm Trung Việt |
| 4- BLVH CA DAO - TỤC NGŨ, DÂN GIAN VIỆT NAM | PTS. Hồ Sĩ Hiệp |
| 5- BLVH NGUYỄN DU, ĐỖ PHỦ | PTS. Hồ Sĩ Hiệp |
| 8- NÉT BÚT GIAI NHÂN | Quách Tấn |
| 9- THI PHÁP THƠ ĐƯỜNG | Quách Tấn |
| 10- 10 KHÁI NIỆM LỚN CỦA XÃ HỘI HỌC | Sông Hương |
| 11- CHÂN DUNG VĂN HÓA VIỆT NAM | Tạ Ngọc Liên |
| 12- NHÌN LẠI XÃ HỘI TƯ SẢN THẾ KỶ XX | Thanh Lê |
| 13- NHỮNG VẤN ĐỀ XÃ HỘI HỌC | Thanh Lê |
| 14- VĂN HÓA & LỐI SỐNG | Thanh Lê |
| 15- XÃ HỘI HỌC MỘT HƯỚNG NHÌN | Thanh Lê |
| 16- TỬ ĐIỂN XÃ HỘI HỌC | Thanh Lê |
| 17- GIÁO DỤC THỜI ĐẠI & PHÁT TRIỂN VĂN HÓA | Thanh Lê |
| 18- XÃ HỘI HỌC PHƯƠNG TÂY | Thanh Lê |
| 19- CHÂN DUNG & ĐỐI THOẠI | Trần Đăng Khoa |
| 20- VIỆT NAM SỬ HỌC | Trần Trọng Kim |
| 21- THƠ TÌNH TRONG NGĂN CẬP | Trần Văn Sáu |
| 22-222 BÀI THƠ TÌNH YÊU CÁC NƯỚC | Văn Trọng Văn |
| 23- CÁC THI SĨ TRONG CUNG ĐÌNH NHÀ NGUYỄN | Võ Đại Mau |
| 24- TỤC NGŨ, CA DAO, DÂN CA VN | Vũ Ngọc Phan |



DN SÁCH THÀNH NGHĨA TP HỒ CHÍ MINH
NHÀ SÁCH NGUYỄN VĂN CỪ

288B An Dương Vương, Q.5, TP.HCM - ĐT: 83

Website: dnsachthanhnghiatphcm.com.vnEmail: nsthanhnghia@nhasachthanhnghia.com

Sưu Thị Quảng Ngãi



000112 000927

70 NĂM ĐỌC THƯ BÍCH KHÊ

000001 09/06/2005

30.000 Đ

Giá: 30.000đ